



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017

Đồng hành cùng bạn, vươn tới tương lai

PHẦN I – THÔNG TIN CHUNG

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN
THÔNG TIN CÁC CÔNG TY LIÊN QUAN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN
CÁC RỦI RO

PHẦN II – TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ
TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY
CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

PHẦN III – BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TRIỂN VỌNG & KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN

PHẦN IV – ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY
ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

PHẦN V - QUẢN TRỊ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
BAN KIỂM SOÁT
CÁC GIAO DỊCH, THỦ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TGD, BKS

PHẦN VI - BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2017 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý vị cổ đông, Quý khách hàng, đối tác và các bên hữu quan!

Lời đầu tiên, thay mặt cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai (PDN), tôi xin gửi lời chào trân trọng và lòng tri ân sâu sắc đến toàn thể Quý vị, những người luôn gắn bó, tin tưởng và đồng hành cùng chúng tôi trên chặng đường phát triển và kiến tạo những giá trị vững bền.

Chúng ta vừa trải qua năm 2017 đầy biến động và thách thức không chỉ đối với nước ta mà trên cả bình diện thế giới khi nền kinh tế toàn cầu phục hồi khó khăn, tiềm ẩn nhiều rủi ro, ổn định kinh tế vĩ mô chưa bền vững trong khi phải đối mặt với ảnh hưởng nặng nề của thiên tai và môi trường. Tuy nhiên, nhìn lại bức tranh toàn cảnh của năm qua, chúng ta vẫn ghi nhận những ưu điểm, đó là việc lãi suất duy trì ở mức ổn định và nỗ lực của chính phủ trong việc hỗ trợ doanh nghiệp và đẩy mạnh quá trình hội nhập sâu rộng.



Trong năm qua, PDN đã có một năm với không ít thách thức! Bằng tâm huyết, nỗ lực cao nhất của Ban lãnh đạo, toàn thể CB-CNV và sự hợp tác ủng hộ quý báu của quý khách hàng, đối tác, cổ đông và các cơ quan hữu quan, PDN đã về đích thành công từ việc hoàn thành các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông giao phó. Hơn thế nữa, PDN đã tập trung phát triển tốt các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi như khai thác cảng và dịch vụ logistics, tăng cường quy mô hoạt động, chăm lo đời sống người lao động, đóng góp vào ngân sách quốc gia và chung tay vì môi trường cộng đồng xã hội.

Cùng điểm lại những thành tựu đạt được trong năm qua, ngoài kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh đột phá so với những năm trước, phải kể đến việc PDN

- ☛ Ngành hàng tổng hợp vượt mốc 5 triệu tấn/năm;
- ☛ Tổng doanh thu vượt mức 500 tỷ đồng;
- ☛ Giá trị cổ phiếu tính đến thời điểm cuối năm 2017 là 93.100 đồng/cp, tăng 156% so cùng kỳ;
- ☛ Bộ Giao Thông Vận Tải đã chấp thuận chủ trương cho phép cầu tàu A3 và B3 tại khu vực Cảng Gò Dầu tiếp nhận tàu có tải trọng 30.000 DWT;
- ☛ Đội Hải Quan thủ tục đã được phê duyệt chủ trương và hoàn thành các thủ tục đặt trụ sở làm việc tại Cảng Long Bình Tân, tạo nhiều thuận lợi cho khách hàng khi sử dụng dịch vụ tại Cảng Đồng Nai.

Định hướng năm 2016 – 2020 là giai đoạn “*Nắm bắt cơ hội – Vươn tầm cao mới*”, tiếp nối những thành quả tốt đẹp của những năm vừa qua chính là năm 2018 với nhiều cơ hội và thách thức. PDN sẽ tiếp tục đẩy mạnh hoạt động kinh doanh cốt lõi là khai thác cảng và dịch vụ logistics, không ngừng gia tăng giá trị doanh nghiệp, giữ vững và phát triển thị phần, mạng lưới, tối ưu hóa quy trình sản xuất và chất lượng dịch vụ, mang đến cho khách hàng, đối tác, Quý vị cổ đông và các bên hữu quan những giá trị vững bền vì sự phát triển chung của PDN và xã hội.

Xin kính chúc tất cả khách hàng, đối tác, Quý vị cổ đông và các bên hữu quan cùng gia đình sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Trân trọng!

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



TRẦN THANH HẢI

PHẦN I

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Các rủi ro

1. Thông tin khái quát

Trải qua 28 năm hình thành và phát triển, các thế hệ lãnh đạo và cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai (PDN) đã gắn kết một lòng, đặt nền móng và cùng nhau xây dựng một thương hiệu vững mạnh được khẳng định không chỉ bằng niềm tin của khách hàng, mà còn là uy tín với đối tác. Đó là những giá trị kết tinh, là niềm tự hào lớn lao của PDN, tỉnh Đồng Nai và nền kinh tế đất nước.

- ☞ Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai
- ☞ Mã cổ phiếu: PDN
- ☞ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3600334112 (Giấy chứng nhận ĐKKD lần đầu số 4703000301 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 04 tháng 01 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 19 tháng 03 năm 2016)
- ☞ Vốn điều lệ: 123.479.870.000 đồng
- ☞ Địa chỉ: 1B-D3 Khu Phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
- ☞ Số điện thoại: 0251.3832225
- ☞ Fax: 0251.3831259
- ☞ Email: info@dongnaiport.com.vn Website: www.dongnai-port.com



Khẩu hiệu

Đồng hành cùng bạn, vươn tới tương lai

Tầm nhìn

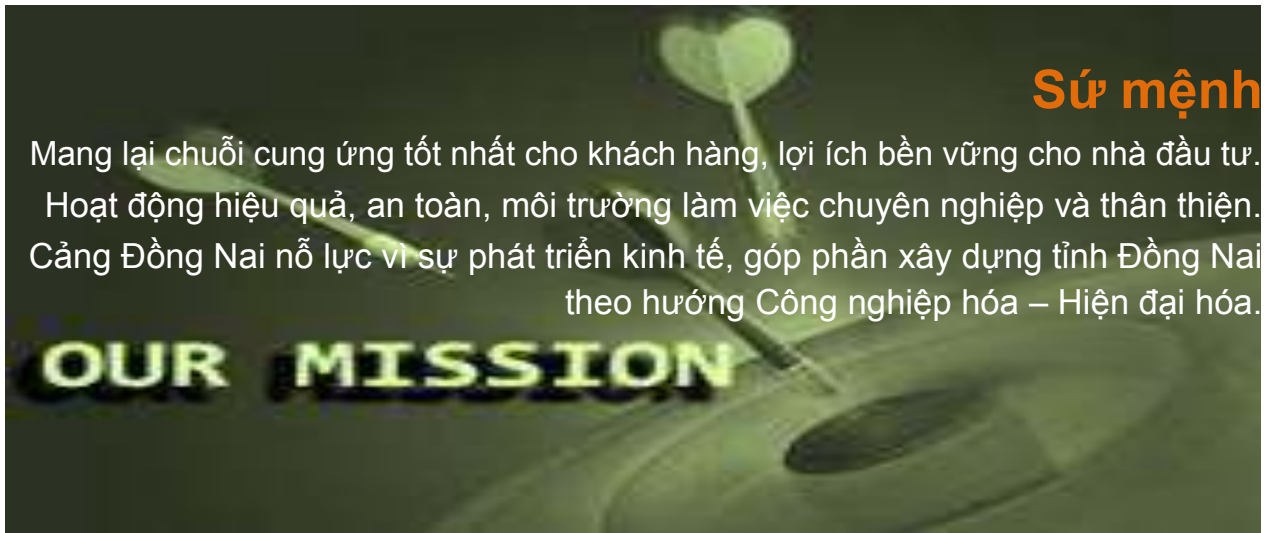
Hướng tới sản lượng
hai mươi triệu tấn xấp xỉ
vào năm 2020



Sứ mệnh

Mang lại chuỗi cung ứng tốt nhất cho khách hàng, lợi ích bền vững cho nhà đầu tư.
Hoạt động hiệu quả, an toàn, môi trường làm việc chuyên nghiệp và thân thiện.
Cảng Đồng Nai nỗ lực vì sự phát triển kinh tế, góp phần xây dựng tỉnh Đồng Nai
theo hướng Công nghiệp hóa – Hiện đại hóa.

OUR MISSION



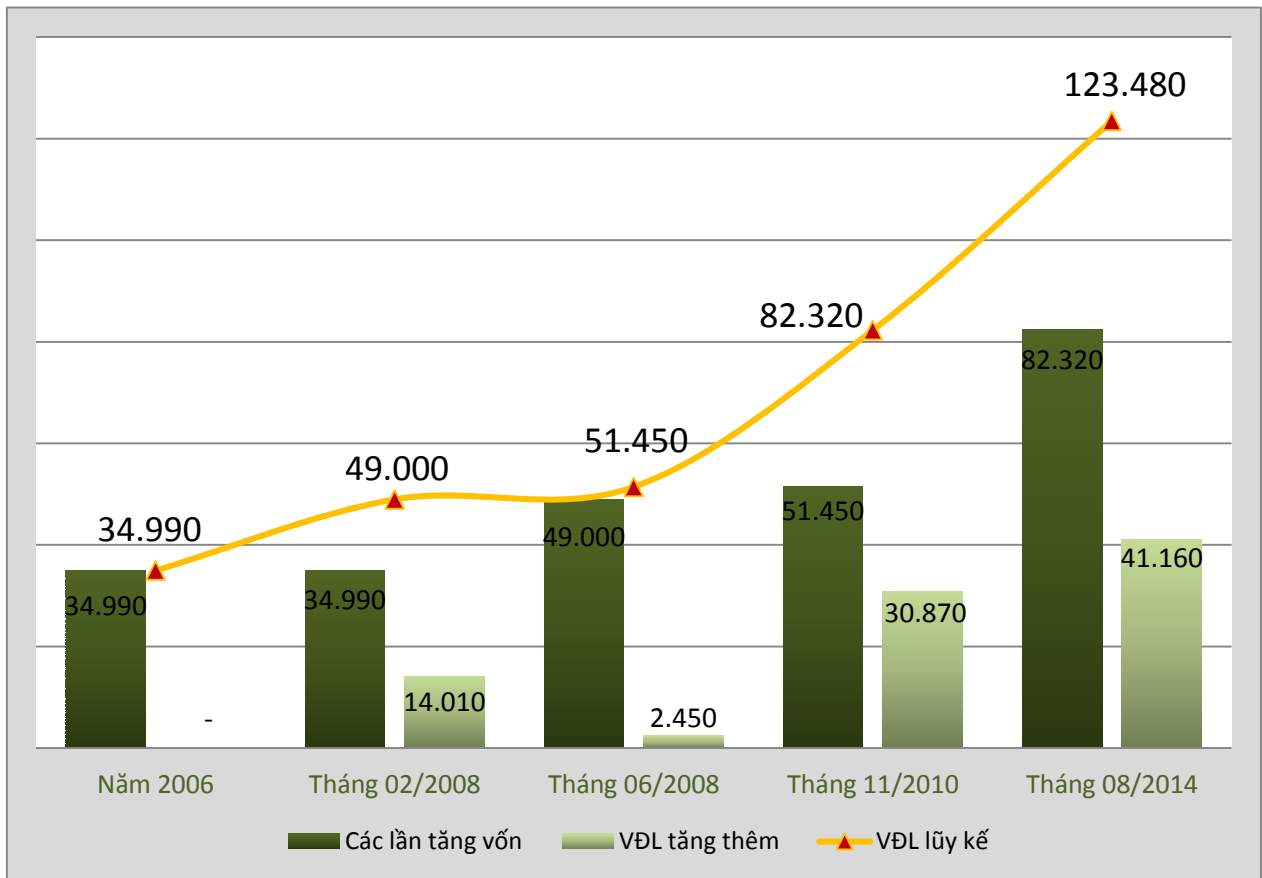
Giá trị cốt lõi

Trách nhiệm – Hợp tác – Hành động
– Ảnh hưởng tích cực – Đạt mục tiêu



Quá trình tăng vốn

Đơn vị tính: Triệu đồng



Quá trình hình thành và phát triển



1989

Tháng 06/1989: UBND Tỉnh Đồng Nai quyết định thành lập Cảng Đồng Nai



1994

Tháng 08/1994: Cảng chính thức ký hợp đồng với Công ty UIC vay 150 nghìn USD để xây dựng 30m cầu cảng 5.000DWT tại Cảng Gò Dầu khu A

Tháng 10/1994: Ký kết với Công ty LD VT-Gas thuê bãi 20 năm trả trước 10 năm lấy vốn đầu tư xây dựng Cảng



1995

Tháng 06/1995: UBND Tỉnh Đồng Nai quyết định thành lập DN Nhà nước Tỉnh Đồng Nai theo Nghị định 388-HĐBT ngày 20/11/1991

Khánh thành kho hàng 1.500m² đầu tiên của Cảng Đồng Nai

Khởi công xây dựng 1,2km đường vào Cảng Gò Dầu Khu A

Nhận và triển khai công tác bồi thường Cảng Gò Dầu Khu B



1996

Khởi công Dự án nghiên cứu cải tạo đoạn cong luồng vào Cảng Gò Dầu tạo điều kiện xây cầu 15.000DWT

Bắt đầu đàm phán với tập đoàn Shell VN để nhận ứng vốn 1 triệu USD đầu tư xây dựng cầu cảng và mở rộng bãi tại Cảng Gò Dầu Khu B



1997

Tháng 03/1997: Ký hợp đồng khởi công 30m cầu B1 phân đoạn cầu cảng 15.000DWT và mở rộng bãi tại Cảng Gò Dầu khu B



1998

Đàm phán với nhà đầu tư Công ty phân bón Việt Nhật JVJ để nhận ứng vốn 1,5 triệu USD đầu tư xây dựng cầu cảng 12.000DWT tại Cảng Gò Dầu Khu B



2005

Tháng 05/2005: Ký kết hợp đồng với Công ty TPC Vina vay vốn 1,5 triệu USD xây dựng cầu cảng B3 Tại Gò Dầu Khu B để đón tàu 15.000DWT

Tháng 12/2005: Cảng Đồng Nai tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai



2006

Tháng 01/2006: Cảng Đồng Nai chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000301 do Sở Kế hoạch & Đầu Tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu, vốn điều lệ đăng ký 49.000.000.000 đồng

Tháng 05/2006: Hoàn thành đưa vào sử dụng bến B3 thuộc Cảng Gò Dầu Khu B với tổng chiều dài 105m, tiếp nhận tàu có trọng tải đến 15.000DWT



2007

Tháng 05/2007: Hoàn thành bến A3 thuộc Cảng Gò Dầu Khu A với tổng chiều dài 110m, tiếp nhận tàu có trọng tải 10.000DWT



2008

Tháng 10/2008: Khánh thành cầu A3, mở rộng, hoàn chỉnh hệ thống cầu cảng Gò Dầu Khu A cho tàu 10.000DWT



2009

Xây dựng Cảng Container 5.000DWT tại Long Bình Tân và mua 2 cầu Liebherr để tác nghiệp hàng hóa



2010

Tháng 02/2010: Khánh thành hệ thống cầu cảng Container LBT



2011

Tháng 10/2011: Hoàn thành tuyến đường vào Cảng Container Long Bình Tân

Tháng 10/2011: Cổ phiếu Công ty CP Cảng Đồng Nai chính thức được niêm yết trên sàn chứng khoán HOSE



2012

Sản lượng Container đạt mốc 100.000Teus sau 01 năm đưa vào khai thác



2013

Được UBND Tỉnh Đồng Nai tôn vinh là Doanh nghiệp hoàn thành tốt nhiệm vụ

Hệ thống kho CFS được chính thức đưa vào hoạt động

Khởi công xây dựng cầu cảng 3.000DWT tại Long Bình Tân



2014

Tháng 09/2014: Khởi công xây dựng cầu cảng 30.000DWT tại Cảng Gò Dầu

Kho ngoại quan được cấp phép hoạt động
Sản lượng xếp dỡ đạt 3,5 triệu tấn, 255.709 teus; Tổng doanh thu đạt 273 tỷ đồng; vượt 30% so cùng kỳ, vượt 182% so với năm 2010



2015

Đưa vào hoạt động bến 3.000DWT và kho 5.000m² tại Cảng Long Bình Tân

Đưa vào khai thác 9,3ha bãi tại Gò Dầu

Tháng 09/2015: Khánh thành và đưa vào hoạt động bến tàu 30.000DWT tại Cảng Gò Dầu Khu B



2016

Đại hội đồng cổ đông bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 3 – Giai đoạn 2016 - 2020

Đầu tư thiết bị cầu Macgregor tải trọng 40T, tầm với 36m và các thiết bị kèm theo tại khu vực Gò Dầu

Triển khai thi công 7,0 ha bãi tại khu vực Gò Dầu

Đưa vào khai thác 2,5 ha bãi tại khu vực Long Bình Tân



2017

Năm đầu tiên sản lượng ngành hàng tổng hợp vượt mốc 5 triệu tấn/năm

Năm đầu tiên Tổng doanh thu vượt 500 tỷ đồng

Đội Hải Quan thủ tục đã được phê duyệt chủ trương và hoàn thành các thủ tục đặt trụ sở làm việc tại Cảng Long Bình Tân, tạo nhiều thuận lợi cho khách hàng khi sử dụng dịch vụ tại Cảng Đồng Nai

Bộ GTVT chấp thuận chủ trương chp phép cầu cảng A3 & B3 tiếp nhận tàu có tải trọng 30.000DWT

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh

- ☞ Dịch vụ kho bãi
- ☞ Dịch vụ ICD, xếp dỡ, kiểm đếm, đóng rút, lưu trữ, giao nhận hàng hóa
- ☞ Dịch vụ giao nhận door to door nội địa
- ☞ Dịch vụ logistics và khai thuê hải quan

- ☞ Dịch vụ vận tải hàng hóa thủy bộ, vận tải đa phương thức
- ☞ Dịch vụ sửa chữa khác

Địa bàn kinh doanh

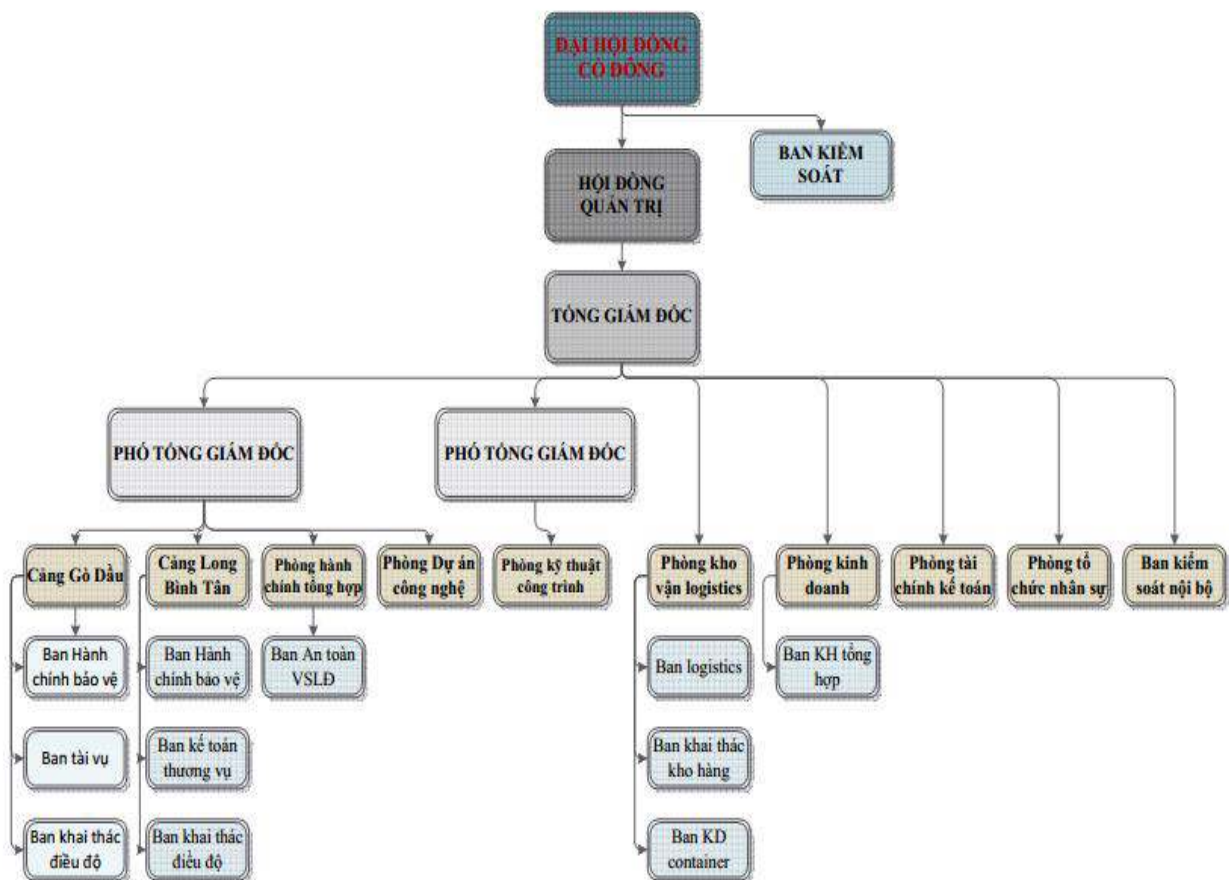
PDN đang cung cấp các dịch vụ cho khách hàng chủ yếu tại khu vực Đồng Nai, Bà Rịa – Vũng Tàu, TP.HCM, Lâm Đồng, Bình Thuận, Bình Dương

3. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh Nghiệp hiện hành và Điều lệ tổ chức và hoạt động được Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua ngày 15/03/2016. PDN có cơ cấu tổ chức như sau:

Sơ đồ tổ chức Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai

(Cập nhật đến 31/12/2017)



Các công ty con, công ty liên kết

| STT | Công ty liên kết | Lĩnh vực | Vốn điều lệ | Tỷ lệ vốn góp của PDN |
|-----|---|---|----------------|-----------------------|
| 1 | Công ty CP Cảng Long Thành. Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai | Khai thác dịch vụ, hạ tầng cảng biển và xếp dỡ hàng hóa | 9.150.000.000 | 30% |
| 2 | Công ty CP Dịch vụ Cảng Đồng Nai. Địa chỉ: Phường Long Bình Tân, Biên Hòa, Đồng Nai | Kinh doanh dịch vụ xếp dỡ, xăng dầu, vận tải... | 30.000.000.000 | 45% |

4. Định hướng phát triển

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Khai thác Cảng là mục tiêu cốt lõi của PDN. Hiện tại, PDN đang hình thành và phát triển cơ sở hạ tầng, kho bãi, đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh hướng tới việc tăng cường hoạt động chuỗi cung ứng logistics trải dài từ Bắc vào Nam, các thành phố lớn và các vùng kinh tế trọng điểm

Chuyên nghiệp hóa đội ngũ lãnh đạo nhằm định hướng đường lối chiến lược và điều hành tốt hoạt động sản xuất kinh doanh của PDN, nâng cao tay nghề và quán triệt tinh thần phục vụ khách hàng đến toàn thể cán bộ công nhân viên

Đầu tư máy móc, trang thiết bị hiện đại, ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý, điều phối hàng hóa, container, kho bãi...gia tăng hiệu quả khai thác và tiết kiệm chi phí

Nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm gia tăng năng lực cạnh tranh, đáp ứng nhu cầu khách hàng và tạo ra nền tảng tối ưu hóa năng suất lợi nhuận

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Trong năm 2018 và những năm tiếp theo, đất nước đứng trước những vận hội và thách thức mới khi gia nhập và triển khai các Hiệp định thương mại tự do (FTA) với các nước và Cộng đồng Kinh tế ASEAN, toàn thể Ban lãnh đạo và CB-CNV

PDN tiếp tục nỗ lực cao nhất theo đuổi chiến lược phát triển bền vững với các mục tiêu:

- ☞ **Đẩy mạnh hoạt động kinh doanh cốt lõi là khai thác Cảng và Logistics**
- ☞ **Tăng cường khả năng cạnh tranh và nắm bắt tốt các cơ hội của thị trường thông qua mở rộng mạng lưới Cảng và Logistics, giữ vững và phát triển thị phần**
- ☞ **Phát triển dịch vụ theo cả chiều rộng và chiều sâu, đáp ứng nhu cầu ngày càng gia tăng của khách hàng**
- ☞ **Tập trung củng cố, phát huy nguồn nhân lực chất lượng**
- ☞ **Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại trong quản lý, điều hành, khai thác**
- ☞ **Tối ưu hóa quy trình sản xuất và hiệu quả hoạt động**
- ☞ **Không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, cải tiến công nghệ, đào tạo chuyên sâu**
- ☞ **Tiếp nối truyền thống văn hóa doanh nghiệp lành mạnh, đoàn kết cùng phát triển, phát huy giá trị doanh nghiệp**
- ☞ **Mang đến cho khách hàng, đối tác, quý vị cổ đông, CB-CNV và các bên hữu quan những giá trị vững bền**
- ☞ **Đóng góp tích cực cho xã hội, tạo thêm việc làm, xây dựng môi trường kinh doanh minh bạch, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế Việt Nam**

Đồng thời cùng xây dựng và phát triển thương hiệu PDN, tích hợp các dịch vụ hỗ trợ nhằm cung cấp cho khách hàng các giải pháp logistics tích hợp, toàn diện trên phạm vi cả nước

Hoàn thiện cơ sở hạ tầng cầu bến mới B5 tiếp nhận tàu 30.000 DWT tại Cảng Gò Dầu, đầu tư phương tiện xếp dỡ theo hướng hiện đại hóa, đảm bảo mục tiêu sản xuất và chất lượng dịch vụ

Hướng tới mục tiêu sản lượng hàng hóa khai thác đạt 20 triệu tấn vào năm 2020

Mục tiêu phát triển bền vững và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn

Môi trường làm việc trong cảng biển luôn ẩn chứa nhiều nguy cơ mất an toàn liên quan đến hoạt động khác nhau như giao thông, sử dụng điện, làm việc trên cao

và đặc biệt là hoạt động nâng hạ hàng hóa, vốn là một hoạt động cốt lõi của Cảng

Để đảm bảo tăng trưởng và tăng trưởng bền vững, song song với việc cải thiện các chỉ số về khai thác và chất lượng dịch vụ xếp dỡ, Công ty đặc biệt quan tâm đến công tác bảo vệ sức khỏe và an toàn cho người lao động, bởi con người là vốn quý và Công ty luôn xem người lao động là tài sản lớn nhất

Để có thể bảo vệ tốt nhất cho người lao động, Công ty chúng tôi luôn tìm kiếm và hướng tới các giải pháp quản lý an toàn hiệu quả. Một trong những cách làm mà Công ty cho rằng rất hữu ích đối với công tác an toàn là tìm kiếm cơ hội học hỏi và chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm giữa các tổ chức hoạt động cùng ngành nghề hoặc công việc có tính tương đồng nhau

Môi trường

Sử dụng hiệu quả và bền vững tài nguyên đất khai thác

Giảm thiểu ô nhiễm không khí trong quá trình hoạt động

Quản lý tốt chất thải rắn và chất thải nguy hại

Khai thác hợp lý, bảo vệ môi trường nước và sử dụng bền vững tài nguyên nước

Xã hội

Phát triển bền vững tại các vùng và địa phương

Duy trì tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững

Thay đổi mô hình sản xuất theo hướng thân thiện với môi trường

Cộng đồng

Tiếp tục tạo thêm việc làm cho người lao động

Nâng cao trình độ nghề nghiệp, phù hợp với yêu cầu của Công ty vì sự nghiệp phát triển đất nước

Nỗ lực tham gia các chương trình xã hội để xoá đói, giảm nghèo, đẩy mạnh thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội

Phát triển về số lượng và nâng cao chất lượng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, cải thiện điều kiện lao động và vệ sinh môi trường sống

5. Các rủi ro

PDN kiên định với mục tiêu tập trung vào các hoạt động kinh doanh cốt lõi là khai thác cảng và dịch vụ logistics, cùng với việc đầu tư có chọn lọc nhằm tối ưu hóa hiệu quả hoạt động

Công tác quản lý rủi ro đã trở thành một hoạt động quan trọng và không tách rời trong tổng thể hệ thống quản lý của Công ty với sự tham gia của tất cả các cấp từ lãnh đạo đến nhân viên Công ty. Bên cạnh đó, Ban kiểm soát hỗ trợ các đơn vị trong việc kiểm tra, giám sát và quản trị rủi ro để đảm bảo cơ chế hoạt động của hệ thống quản lý rủi ro được vận hành một cách hiệu quả

Đánh giá công tác quản trị rủi ro trong năm 2017

Trước diễn biến còn nhiều khó khăn của nền kinh tế trong và ngoài nước trong năm 2017, bằng nỗ lực và quyết tâm cao nhất, PDN đã đạt được kết quả kinh doanh đáng khích lệ

Để có được thành quả đó, việc chủ động ngăn ngừa và kiểm soát được các yếu tố rủi ro trong kinh doanh có thể gây ảnh hưởng đến mục tiêu phát triển của Công ty đóng một vai trò vô cùng quan trọng. Chính vì vậy, ngay từ đầu năm, Công ty đã xác định danh mục các rủi ro trọng yếu. Trên cơ sở đó, từng đơn vị căn cứ vào mục tiêu kế hoạch và đặc thù về hoạt động của đơn vị mình sẽ bổ sung thêm danh sách các rủi ro của đơn vị

Việc triển khai các biện pháp quản lý rủi ro thực hiện ngay từ khi xây dựng kế hoạch năm và theo định kỳ xuyên suốt năm bao gồm:

- ☞ Rà soát công tác xây dựng kế hoạch và lập kế hoạch năm của từng đơn vị;
- ☞ Theo dõi, đánh giá cắt giảm chi phí toàn diện từng đơn vị hàng tháng;
- ☞ Phối hợp với đơn vị phân tích hiệu quả cũng như đánh giá mức độ rủi ro của từng dự án kinh doanh để lựa chọn dự án kinh doanh phù hợp và hiệu quả;
- ☞ Rà soát, theo dõi kết quả thực hiện của từng đơn vị, cảnh báo các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng hoàn thành mục tiêu kế hoạch;
- ☞ Rà soát, bổ sung, chỉnh sửa, hoàn thiện hệ thống các quy trình, quy định;
- ☞ Tiếp tục duy trì và phát triển các công cụ quản lý là hệ thống phần mềm ERP, CMS, Portal

Đánh giá kết quả thực hiện công tác quản trị rủi ro trong năm 2017

Nhìn chung, trong năm 2017 toàn Công ty không có các sự vụ nghiêm trọng nào xảy ra gây ảnh hưởng đến hoạt động chung của Công ty. Các đơn vị đã đề cao việc quản lý rủi ro, từ đó xây dựng hệ thống quản lý, kiểm soát rủi ro hữu hiệu góp phần đảm bảo duy trì hoạt động hiệu quả, an toàn, ổn định; bảo đảm hệ thống thông tin quản lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời; tuân thủ pháp luật và các quy chế, quy trình, quy định nội bộ, và quan trọng nhất là đảm bảo hoàn thành tốt các mục tiêu kế hoạch đề ra trong năm 2017 của toàn Công ty. Cụ thể:

- ☞ Kiểm soát thực hiện mục tiêu chiến lược giai đoạn 2016-2020;
- ☞ Giám sát thực hiện mục tiêu kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017;
- ☞ Xác định danh sách rủi ro trọng yếu để lập kế hoạch phòng vệ, ứng phó;
- ☞ Rà soát, bổ sung, chỉnh sửa chính sách, quy trình, quy định để phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017;
- ☞ Lập và thực hiện các kế hoạch kiểm tra, kiểm soát nội bộ, tuân thủ quy trình và theo dõi, đánh giá việc thực thi;
- ☞ Tổng kết báo cáo đánh giá hệ thống kiểm soát quản lý rủi ro,

Kế hoạch quản trị rủi ro năm 2018:

Năm 2018 được dự báo tiếp tục còn nhiều khó khăn, thách thức khi kinh tế thế giới vẫn diễn biến phức tạp, tình hình thị trường tài chính toàn cầu chưa khởi sắc. Trong nước, những cải cách tài khóa và chuyển đổi cơ cấu nếu triển khai chậm trễ có thể làm giảm tốc độ tăng trưởng, mặc dù các doanh nghiệp vẫn kỳ vọng kinh tế Việt Nam khởi sắc với những nỗ lực của Chính phủ trong tiến trình tái cơ cấu kinh tế và cải cách thể chế thông thoáng hơn, giúp cải thiện năng lực cạnh tranh quốc gia và tăng khả năng thu hút đầu tư

Đánh giá những rủi ro diễn biến bất thường có thể tác động bất lợi đến triển vọng kinh tế trong nước nói chung và của từng doanh nghiệp nói riêng, PDN xác định quản trị rủi ro vẫn luôn đóng vai trò quan trọng trong hệ thống quản trị của Công ty

Công tác quản lý rủi ro năm 2018 của PDN tập trung vào các nhóm rủi ro trọng yếu sau đây:

| Rủi ro | Kiểm soát, quản lý rủi ro năm 2018 |
|---|---|
| 1. Rủi ro chiến lược | |
| <p>Rủi ro cạnh tranh: Mức độ cạnh tranh trên thị trường ngày càng khốc liệt, đối thủ cạnh tranh ngày càng tăng về số lượng, lớn mạnh về quy mô</p> | <p>Cập nhật chiến lược phát triển chung của Công ty, xác định vị thế đơn vị trong Công ty để có chính sách ưu tiên, đầu tư, định hướng cho phù hợp</p> <p>Tận dụng ưu thế về cơ sở hạ tầng và thương hiệu PDN</p> <p>Nắm bắt tìm hiểu kỹ thông tin về các đối thủ cạnh tranh, tìm ra hướng đi riêng cho mình</p> <p>Giữ mối quan hệ tốt và liên lạc thường xuyên với khách hàng để kịp thời cập nhật những thay đổi, nhu cầu của khách hàng</p> <p>Xem xét mặt bằng giá cả thị trường để có mức điều chỉnh tăng/ giảm giá phù hợp trong từng giai đoạn</p> <p>Liên tục cải tiến quy trình và đưa ra giải pháp dịch vụ đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng</p> |
| <p>Thay đổi của thị trường</p> | <p>Cập nhật kịp thời xu thế của thị trường, nhu cầu của khách hàng, quy trình công nghệ, v.v...</p> <p>Xây dựng tổ chức bộ máy để sẵn sàng ứng phó với những thay đổi theo đặc thù hoạt động của Công ty</p> |
| <p>Những thay đổi về quy định, chính sách từ Cơ quan quản lý nhà nước</p> | <p>Cập nhật phổ biến kịp thời quy định, chính sách của các Cơ quan quản lý Nhà nước, các hiệp định, chính sách của quốc tế</p> <p>Tham dự các khóa tập huấn đào tạo về Luật, Hiệp định, v.v...</p> <p>Hiểu và thực hiện đúng, linh hoạt các quy định, chính sách, chủ động cân đối, điều chỉnh các chính sách liên quan</p> |

2. Rủi ro nguy hiểm

| | |
|---|--|
| <p>Các sự cố do con người hoặc thiên nhiên gây ra ảnh hưởng đến môi trường xung quanh: ô nhiễm không khí, ô nhiễm môi trường nước (sự cố dầu tràn)</p> | <p>Lập và đưa quy trình sản xuất áp dụng thực tế vào hoạt động khai thác tránh phát sinh những rủi ro như: dầu tràn, giảm thiểu tình trạng xe trung chuyển hàng hóa quá tải gây rơi vãi bụi trên đường và ô nhiễm không khí</p> <p>Định kỳ kiểm tra môi trường nước và không khí tránh ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động và môi trường xung quanh</p> <p>Đầu tư thiết bị phục vụ công tác đảm bảo vệ sinh môi trường (xe hút bụi, xe tưới đường)</p> <p>Để hạn chế rủi ro này, Công ty đã và sẽ mua bảo hiểm vật chất cho các tài sản tham gia trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh</p> |
| <p>Rủi ro về dự án: Hiện nay PDN đang trong giai đoạn tiếp tục triển khai, hoàn thành các hạng mục công trình nên một trong những khó khăn mà PDN phải đối mặt là vấn đề tiến độ thực hiện công trình mà hoàn toàn phụ thuộc vào việc đền bù giải tỏa và tái định cư cho người dân tại khu vực</p> | <p>Cập nhật kịp thời chính sách về giá đất đai để đưa ra mức giá đền bù phù hợp cho người dân</p> <p>Rà soát và yêu cầu các nhà thầu xây dựng thực hiện đúng tiến độ công trình để sớm đưa các hạng mục công trình đi vào khai thác, hạn chế thấp nhất các công trình dở dang kéo dài ảnh hưởng kế hoạch khai thác và phát sinh chi phí do biến động giá cả vật tư..., xúc tiến mạnh công tác đền bù và xây lắp mặt bằng các dự án đã được duyệt để đẩy nhanh tiến độ đấu thầu, thi công và đưa vào khai thác kịp tiến độ nhằm hạn chế việc bỏ lỡ cơ hội kinh doanh</p> |
| <p>Quản lý vận hành tài sản</p> | <p>Lập biên bản khi giao/ nhận, quản lý tài sản và hồ sơ tài sản</p> <p>Thực hiện đúng chế độ bảo trì bảo dưỡng theo yêu cầu của nhà sản xuất hoặc quy trình của đơn vị</p> <p>Huấn luyện nội bộ định kỳ cho nhân viên mới về quy trình quản lý vận hành bảo dưỡng tài sản</p> |

3. Rủi ro tài chính

| | |
|---|---|
| <p>Thay đổi tỷ giá, lãi suất làm ảnh hưởng đến kế hoạch đầu tư, chi phí đầu tư</p> | <p>Cập nhật kịp thời biến động thị trường tài chính thế giới và trong nước</p> <p>Lập phương án ứng phó dự phòng khi có biến động tỷ giá, lãi suất</p> <p>Cơ cấu lại danh mục và thời gian đầu tư để tận dụng lợi thế chính sách mới</p> |
| <p>Dòng tiền và khả năng thanh toán</p> | <p>Nhanh chóng hoàn thành biên bản giao nhận/ bàn giao hàng hóa, dịch vụ nhằm đẩy nhanh tiến độ lập hóa đơn thu tiền khách hàng</p> <p>Theo dõi thời hạn nợ để kịp thời nhắc nhở khách hàng trả các khoản nợ đến hạn</p> <p>Quy định chặt chẽ, cụ thể với nhà cung cấp về thời hạn thanh toán sau khi nhận được đầy đủ bộ chứng từ thanh toán</p> <p>Phòng tài chính kế toán lập kế hoạch thu, chi phù hợp để luôn chủ động dòng tiền</p> |

4. Rủi ro hoạt động

| | |
|---|--|
| <p>Rủi ro mất khách hàng quan trọng: Mất các mối quan hệ với các khách hàng lớn ảnh hưởng xấu đến doanh thu và lợi nhuận</p> | <p>Tìm kiếm và tạo sự khác biệt, phát huy thế mạnh của sự khác biệt đem lại giá trị cho khách hàng nhằm giữ chân khách hàng cũ, thu hút khách hàng mới và khách hàng tiềm năng</p> <p>Dựa trên nền tảng là yếu tố con người: sự chuyên nghiệp, kỷ luật, tận tâm để tạo nên chất lượng dịch vụ tốt làm hài lòng khách hàng</p> <p>Phân tích đánh giá nguyên nhân mất khách hàng (nếu có) để rút kinh nghiệm trong việc giữ chân khách hàng hiện hữu và khách hàng tiềm năng</p> |
|---|--|

| | |
|--|--|
| <p>Ảnh hưởng bởi nhà cung cấp: Phụ thuộc vào nhà cung cấp dịch vụ hoặc nhà cung cấp dịch vụ không đảm bảo uy tín, chất lượng dịch vụ làm ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động và chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng</p> | <p>Mở rộng danh sách nhà cung cấp, hạn chế rủi ro phụ thuộc</p> <p>Định kỳ đánh giá năng lực chất lượng dịch vụ của nhà cung cấp để có chính sách phù hợp</p> <p>Phối hợp với chuyên viên pháp chế rà soát các điều khoản hợp đồng, hạn chế các rủi ro phát sinh</p> <p>Tìm hiểu thông tin đầy đủ của các nhà cung cấp trước khi lựa chọn ký hợp đồng</p> <p>Lưu hồ sơ, theo dõi đánh giá nhà cung cấp định kỳ tháng/ quý/ năm</p> |
| <p>Các tội phạm CNTT tấn công và xâm phạm an ninh dữ liệu kinh doanh và dữ liệu khách hàng làm gián đoạn hoạt động sản xuất kinh doanh</p> | <p>Thực hiện lưu trữ bảo mật tài liệu</p> <p>Kiểm tra bảo dưỡng định kỳ trang thiết bị công nghệ</p> <p>Cập nhật các công cụ bảo mật thông tin mới để nâng cấp, áp dụng</p> <p>Nhanh chóng phòng vệ khi có cảnh báo từ các cơ quan quản lý chức năng về an ninh mạng</p> |
| <p>Xảy ra tai nạn, đâm va gây thiệt hại về con người, hàng hóa, tài sản hoặc gây gián đoạn hoạt động SXKD</p> | <p>Mua bảo hiểm cho tài sản</p> <p>Xây dựng đội ngũ nhân sự quản lý, vận hành chuyên nghiệp</p> <p>Kiểm tra bảo dưỡng định kỳ tài sản</p> <p>Cập nhật kịp thời các dự báo về môi trường, thời tiết v.v...</p> <p>Cập nhật kịp thời các quy định và tuân thủ chặt chẽ các chính sách, quy định về hàng hải, an toàn hàng hải, chính sách hàng hải trong nước và quốc tế</p> |
| <p>Quy mô sản xuất mở rộng nhanh hơn quy mô nhân sự</p> | <p>Xây dựng đội ngũ nhân sự, cán bộ tiềm năng hỗ trợ khi mở rộng hoạt động</p> <p>Luôn cân đối quy mô sản xuất với nguồn lực phù hợp để đảm bảo việc phát triển bền vững và chất lượng dịch vụ</p> |

Giải pháp quản trị chung các rủi ro

Để công tác quản trị rủi ro có một hành lang hoạt động thông thoáng, PDN đã phối hợp nhịp nhàng với các đơn vị và các quy chế quản trị rủi ro đã được ban hành. Theo đó, bộ phận quản trị rủi ro thường xuyên nắm bắt, cập nhật các vấn đề phát sinh tại đơn vị và nhanh chóng xây dựng, triển khai quy trình kiểm soát quản lý rủi ro, nhiệm vụ cụ thể:

- ☞ Rà soát, góp ý để hoàn thiện quy trình sản xuất kinh doanh của từng đơn vị
- ☞ Tiến hành kiểm soát nội bộ định kỳ và đột xuất nhằm giảm thiểu chi phí bất hợp lý; giảm thất thoát để tăng hiệu quả hoạt động
- ☞ Phối hợp với đơn vị phân tích hiệu quả và lựa chọn phương án kinh doanh phù hợp trước khi triển khai
- ☞ Rà soát, theo dõi kết quả thực hiện của từng đơn vị, cảnh báo các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng hoàn thành mục tiêu, đánh giá và kiến nghị biện pháp xử lý những tồn tại

Để giảm thiểu các rủi ro trên, ngoài việc mua các loại bảo hiểm rủi ro trong quá trình khai thác cảng, Công ty đang nỗ lực trong việc giải phóng hàng hóa nhanh cho khách hàng, cải cách thủ tục giao nhận hàng tại Công ty để rút ngắn thời gian chờ đợi cho khách hàng, thiết lập quan hệ hợp tác với các đối tác chiến lược, các nhà thầu vận tải, kinh doanh khai thác cảng, tạo thành chuỗi cung ứng dịch vụ khép kín để đưa hàng hóa từ kho nhà máy của khách hàng về đến cảng đích của nơi nhận hàng và phát huy lợi thế về vị trí địa lý thuận lợi gần các khu công nghiệp

PHẦN II

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội



1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình chung

Trong năm 2017, tình hình kinh tế thế giới chuyển biến phức tạp, cùng với làn sóng di chuyển các đơn vị sản xuất từ Trung Quốc qua các quốc gia khác trong đó có Việt Nam vẫn đang tiếp tục diễn ra. Nhu cầu về nguyên liệu, vật liệu sản xuất tại các quốc gia như Campuchia, Myanmar gia tăng. Chính sách về hạn chế khai thác than đẩy nhu cầu nhập khẩu than phục vụ cho các nhà máy nhiệt điện, nhà máy có sử dụng than đá phục vụ sản xuất đẩy lên cao. Việc siết chặt các quy định về vận chuyển đường bộ tạo nên nhu cầu vận chuyển bằng đường thủy, các quy định về bảo vệ môi trường ảnh hưởng buộc các đơn vị khai thác cảng đầu tư vào các biện pháp hạn chế phát tán bụi trong quá trình xếp dỡ ra môi trường. Bên cạnh đó, giá than và sắt thép trên thị trường thế giới diễn biến phức tạp

- ☞ Giá than cuối năm 2017 tăng gần 2 lần so với đầu năm 2017 do nhu cầu nhập than của Trung Quốc tăng cao so với các tháng đầu năm, cộng với tình trạng hạn chế khai thác than của chính phủ Trung Quốc
- ☞ Giá sắt thép thế giới biến động nên sản lượng sắt thép nhập Cảng ở khu vực cảng biển nhóm 5 cũng có nhiều biến động

Ngành khai thác cảng được xem là dịch vụ phụ trợ cho nền kinh tế, khi kinh tế phát triển, nhu cầu vận chuyển nguyên liệu, thành phẩm tăng là động lực chính cho ngành khai thác cảng phát triển. Ngành khai thác cảng biển, khai thác container ở Việt Nam chủ yếu hiện nay mới chỉ phát triển ở cảng gom hàng phục vụ vùng kinh tế mục tiêu, hàng hóa sau khi rời cảng sẽ được trung chuyển qua 1 cảng quốc tế khác trước khi lên tàu lớn để vận chuyển đến cảng đích. Các cảng lớn có khả năng khai thác các tuyến quốc tế hiện chưa phát huy được định hướng, chưa khai thác được khả năng thông qua theo định hướng. Các cảng biển lớn tọa lạc trên luồng sông Thị Vải mới chỉ khai thác được khoảng 25% năng lực thông qua

Tuy nhiên, tình trạng quy hoạch cảng biển, cơ sở hạ tầng phục vụ cho ngành cảng biển hiện nay vẫn còn nhiều bất cập, tình trạng dư thừa công suất ở khu vực Cái Mép - Thị Vải và Hiệp Phước đặc biệt nghiêm trọng. Trong khi đó khu vực Cảng Cát Lái luôn quá tải, gây ùn tắc đường bộ. Các cảng khai thác hàng tổng hợp, trung chuyển container nội địa như Cảng Đồng Nai nhìn chung hoạt động tương đối ổn định và đồng hành cùng sự phát triển chung của vùng kinh tế mục tiêu hướng đến khi hình thành

Việc quy hoạch phát triển cảng biển trong khu vực cảng biển nhóm 5 chưa đi vào thực chất. Các cảng khai thác container dư thừa công suất, cảng tổng hợp phục vụ các KCN lân cận đang được cấp phép xây dựng và hình thành tạo điều kiện cho các doanh nghiệp giảm chi phí logistics, tuy nhiên cũng gây nên sự cạnh tranh gay gắt giữa các đơn vị kinh doanh cảng với nhau về nguồn hàng, trong khi các cảng chưa khai thác hết công suất đã được xây dựng

Cuối quý 3/2017 đoàn công tác của chính phủ đã thị sát hoạt động khai thác cảng và logistics ở Khu vực Đông Nam bộ và có chỉ đạo Bộ Giao Thông tìm cách giảm tải cho hạ tầng Cảng Cát Lái, từ đó các doanh nghiệp khai thác cảng, ICD cũng đã có các bước điều chỉnh kinh doanh phù hợp. Các hãng tàu cũng đã tập trung đưa hàng về Cảng trên luồng Thị Vải sau đó trung chuyển về các ICD để giảm tải cho hạ tầng đường bộ khu vực Cảng Cát Lái. Hoạt động của các Cảng trung chuyển, ICD đã đáp ứng được nhu cầu vận chuyển hàng hóa

Hoạt động kinh doanh của PDN

Đồng Nai là địa bàn có quá trình hội nhập, phát triển công nghiệp sớm và mạnh mẽ ở miền Đông Nam Bộ. Sự hình thành và phát triển của Cảng Đồng Nai đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ trung chuyển hàng hóa đến các nhà máy tọa lạc trong các khu công nghiệp (KCN) của tỉnh nhà. Cảng Đồng Nai có 02 nhánh cảng trực thuộc: Cảng Long Bình Tân và Cảng Gò Dầu

Cảng Long Bình Tân

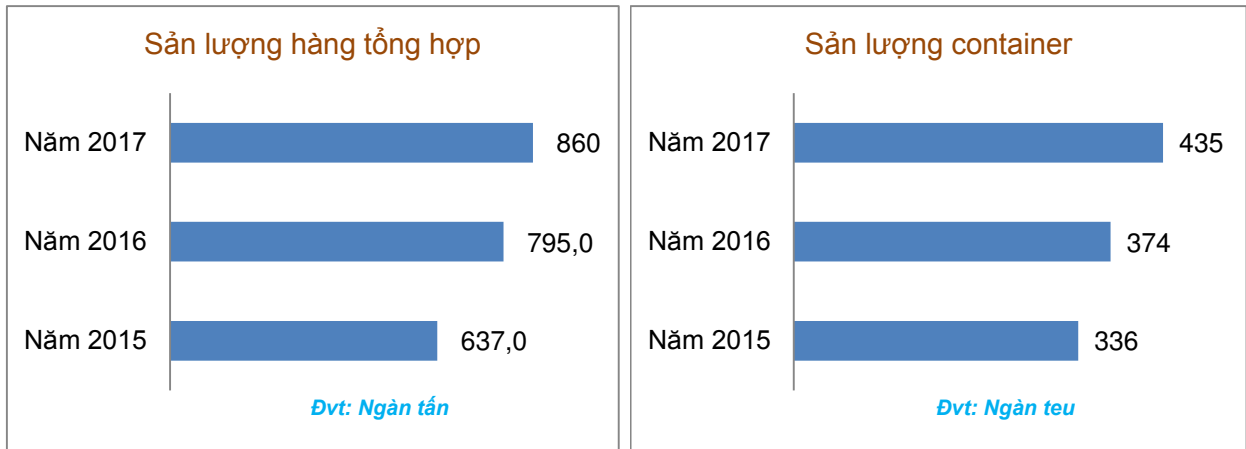
Tọa lạc tại mạng bắc hạ lưu cầu Đồng Nai được xây dựng với tổng chiều dài cầu cảng là 244 m có mực nước trước bến sâu nhất là 8m. Cảng có thể tiếp nhận tàu có tải trọng lên tới 5.000 DWT. Hàng hóa thông qua cảng chủ yếu là container, sắt thép nguyên liệu và thành phẩm, than đá, vật liệu xây dựng, nông sản chuyển đến các Doanh nghiệp nằm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, Bình Dương, Lâm Đồng, Bình Thuận

Cảng Long Bình Tân bắt đầu chuyển đổi công năng sang khai thác hàng container từ cuối năm 2011. Kết quả khai thác Cảng Long Bình Tân trong năm 2017: sản lượng hàng tổng hợp thông qua là 860 ngàn tấn, sản lượng tác nghiệp ngành khai thác container đạt 435 ngàn teu

Trong năm 2018, Cảng Long Bình Tân tiếp tục hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ cho việc nâng cao chất lượng dịch vụ: mở rộng và hoàn thiện diện tích kho, bãi, nâng cao năng suất, chất lượng dịch vụ, hoàn thiện quy trình, bộ máy

để cung cấp chuỗi cung ứng cho khách hàng

Dự kiến năm 2018, PDN sẽ tiếp tục đầu tư mở rộng 50 m cầu tàu, hệ thống kho bãi, củng cố chất lượng dịch vụ và gia tăng hoạt động trong chuỗi cung ứng logistics

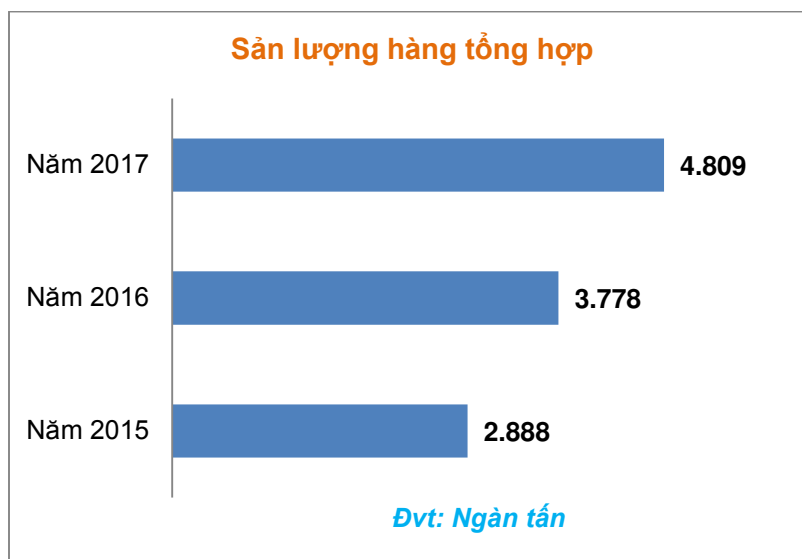


Cảng Gò Dầu

Có diện tích 549.400m² gồm 06 cầu cảng với tổng chiều dài cầu trên 782m và khả năng tiếp nhận tàu lớn nhất lên đến 30.000DWT, hoạt động chính là xếp dỡ hàng tổng hợp, dịch vụ kho, bãi, hàng hóa thông qua cảng chủ yếu là than đá, nguyên vật liệu để sản xuất vật liệu xây dựng, phân bón và hóa chất. Cảng đang hoàn thiện thêm diện tích bãi 40.000m² đưa vào hoạt động trong năm 2018, đáp ứng lượng hàng xếp dỡ thông qua Cảng ngày càng gia tăng

Trong năm, Cảng Gò Dầu đã tiếp nhận hơn 50 chuyến tàu trên 20.000DWT vào nhận và trả hàng với sản lượng hơn 1 triệu tấn hàng hóa, đóng góp hiệu quả đáng kể vào hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty. Từ việc này cho thấy chủ trương nâng cấp cầu cảng đi đúng xu hướng của thị trường, đáp ứng được nhu cầu xuất nhập hàng hóa của các đơn vị sản xuất kinh doanh trong khu vực thị trường mục tiêu. Góp phần vào việc nâng cao tính cạnh tranh của các đơn vị sản xuất kinh doanh tại thị trường Đông Nam Bộ

Trong năm 2017, tổng sản lượng xếp dỡ thông qua cầu cảng tại cảng Gò Dầu đạt 4.8 triệu tấn. Hiện PDN đã đầu tư, nâng cấp, hoàn thiện cơ sở hạ tầng, trang thiết bị để đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách hàng trong và ngoài khu vực với định hướng trở thành trung tâm hậu cần của các tỉnh Miền Đông Nam Bộ



Trong năm 2018 PDN dự kiến sẽ tiếp tục đầu tư thêm 01 bến tàu 30.000 DWT và các thiết bị kèm theo để tập trung khai thác các nguồn hàng mới tại KCN Nhơn Trạch, KCN Long Thành, các KCN lân cận đáp ứng lượng hàng xếp dỡ thông qua cảng ngày càng gia tăng, giảm thiểu chi phí, thời gian cho khách hàng khi sử dụng các dịch vụ tại PDN

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017

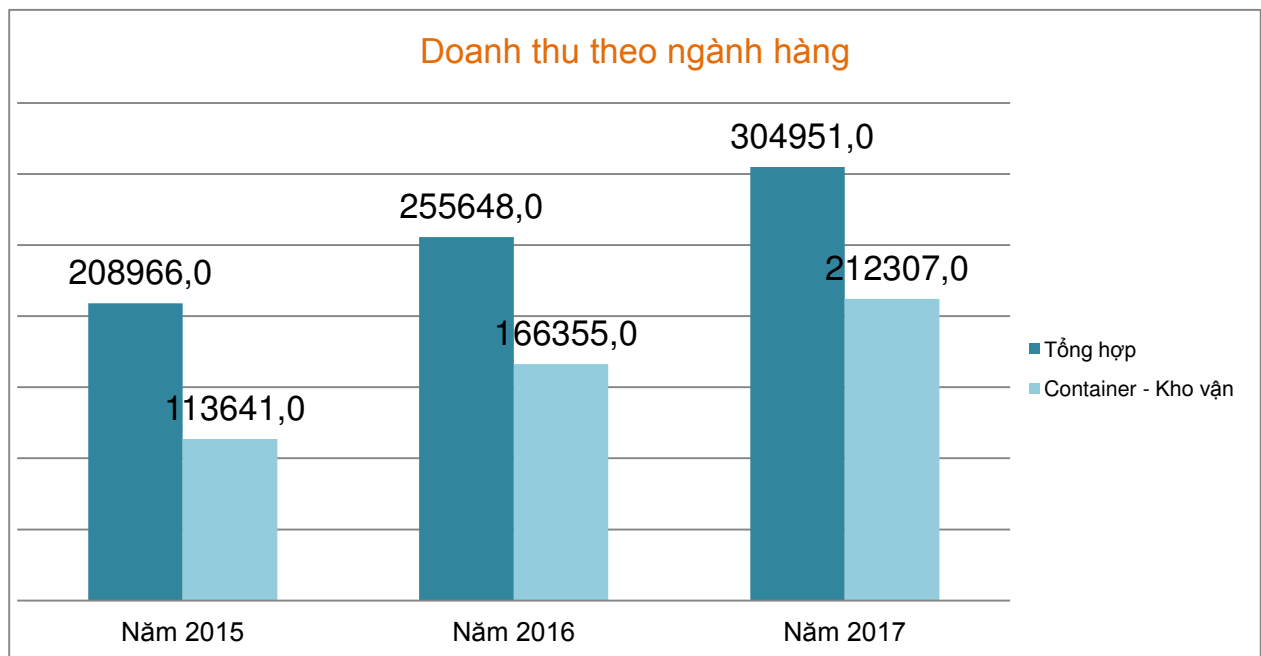
| ST T | Các chỉ tiêu | ĐVT | Kế hoạch giao | Kết quả đạt được | Tỷ lệ % So với kế hoạch | Tỷ lệ % So với cùng kỳ 2016 |
|------|--------------------------|---------|---------------|------------------|-------------------------|-----------------------------|
| 1 | Tổng doanh thu | Tr đồng | 440.000 | 525.068 | 119 | 122 |
| 2 | Lợi nhuận sau thuế | Tr đồng | 64.800 | 76.493 | 118 | 113 |
| 3 | Cổ tức dự kiến | % | 25 | 30 | 120 | 120 |
| 4 | Lãi cơ bản trên cổ phiếu | đ/cp | - | 5.523 | - | 114,18 |
| 5 | Tổng vốn đầu tư XD CB | Tr đồng | 102.375 | 49.845 | 48,69 | 79,29 |

Doanh thu

Trong năm 2017, tổng doanh thu toàn công ty đạt **525.068** triệu đồng, vượt **19%** so kế hoạch đề ra, tăng trưởng **22%** so với năm 2016. Các mảng kinh doanh của công ty đều có mức tăng trưởng cao, trong đó:

Doanh thu từ mảng khai thác hàng tổng hợp (bao gồm doanh thu xếp dỡ hàng tổng hợp, doanh thu bãi và kho hàng) đạt **304.951** triệu đồng, tăng **19%** so với năm 2016, chiếm **57,88%** trong cơ cấu doanh thu

Doanh thu từ mảng khai thác container - Kho vận logistics đạt **212.307** triệu đồng, tăng **28%** so với năm 2016, chiếm **40,29%** trong cơ cấu doanh thu. Đây là mảng kinh doanh được đưa vào hoạt động từ cuối năm 2011, cho đến nay có tốc độ tăng trưởng tốt



Đvt: Triệu đồng


Nhìn chung, mô hình kinh doanh khai thác của PDN còn mang tính truyền thống thuần túy, chưa tiếp cận được nhiều với nhu cầu trong chuỗi cung ứng của khách hàng. Bên cạnh đó, tốc độ đầu tư trang thiết bị đang được triển khai tích cực nhưng vẫn chưa đáp ứng sự phát triển của thị trường. Cơ sở hạ tầng giao thông đã được đầu tư nhằm rút ngắn thời gian vận chuyển đường bộ từ các KCN ở Đồng Nai đến các cảng nước sâu, điều này làm giảm giá trị chuỗi vận chuyển bằng sà lan mà công ty đang cung cấp, gây ảnh hưởng đến hoạt động của PDN

Lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế năm 2017 đạt **76.493** triệu đồng, vượt **18%** so với kế hoạch và tăng trưởng **13%** so cùng kỳ năm 2016

2. Tổ chức và nhân sự

Thành viên Ban điều hành

| | |
|--|---|
|  | <p>ÔNG NGUYỄN NGỌC TUẤN</p> <p>Tổng Giám đốc</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ 1995 – 1996 Nhân viên Điều độ Phân Cảng Gò Dầu – thuộc Cảng ĐN ▪ 1996 – 04/1998 Cán bộ phụ trách Thương vụ Cảng Đồng Nai ▪ 04/1998 – 12/1998 Cán bộ phụ trách phòng Thương vụ Cảng Đồng Nai ▪ 12/1998 – 2000 Phó phòng Thương vụ Cảng Đồng Nai ▪ 2000 – 2005 Trưởng phòng khai thác thương vụ Cảng Đồng Nai ▪ 2006 – 08/2007 Thành viên HĐQT, Trưởng phòng khai thác – Điều độ Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai ▪ 09/2007 – 08/2009 Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Cảng Đồng Nai ▪ 09/2009 – 2/2012 trợ lý Tổng Giám đốc kiêm Trưởng Phòng Khai thác container Công ty CP Cảng Đồng Nai ▪ 3/2012 – 3/2016: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh Công ty CP Cảng Đồng Nai ▪ 03/2016 – Nay: Tổng Giám đốc Công ty CP Cảng Đồng Nai <p>☞ Tỷ lệ sở hữu cổ phần do công ty phát hành (cá nhân): 0,456%</p> |
|--|---|

| | |
|---|--|
|  | <p>ÔNG ĐỖ VĂN SÂM Phó Tổng Giám đốc</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ 1982 – 1989 Cán bộ kỹ thuật Sở Giao thông Vận tải Đồng Nai ▪ 1989 – 1996 Cán bộ kỹ thuật Cảng Đồng Nai ▪ 1997 – 2000 Trưởng phòng Kế hoạch-Kỹ thuật Cảng Đồng Nai ▪ 2000 – 2005 Phó Giám Đốc Cảng Đồng Nai ▪ 2006 – 6/2010 Phó chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Cảng Đồng Nai ▪ 7/2010 – 3/2016 Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật và nội chính Công ty CP Cảng Đồng Nai ▪ 3/2016 – Nay Phó Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Cảng Đồng Nai <p>☞ <i>Tỷ lệ sở hữu cổ phần do công ty phát hành (cá nhân): 0,46%; đại diện Tổng Công ty CP Phát triển KCN 10%</i></p> |
|  | <p>ÔNG TRẦN VĂN NGUYÊN Phó Tổng Giám đốc</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Từ 1999 – 2001: Nhân viên Công ty XD GT Sài Gòn ▪ Từ 2001 – 2003: Nhân viên Công ty TNHH TV XD Việt Hưng ▪ Từ 2003 – 2010: Trưởng BQL Dự án Khu quản lý đường bộ - đường thủy Đồng Nai ▪ Từ 2010 – 2015: Trưởng BQL Dự án Tổng Công ty CP Phát triển KCN ▪ Từ 01/2016 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty CP Cảng Đồng Nai |

| | |
|---|---|
|  | <p>ÔNG HUỖNH NGỌC TUẤN</p> <p>Kế toán trưởng</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ 06/1995 – 09/2005: nhân viên kế toán, xuất nhập khẩu Công ty May Công nghiệp Đồng Nai ▪ 10/2005 – 11/2006: nhân viên kế toán Cảng Gò Dầu B – Công ty CP Cảng Đồng Nai ▪ 12/2006 – 27/04/2011: Trưởng ban tài vụ Cảng Gò Dầu B – Công ty CP Cảng Đồng Nai ▪ 28/04/2011 – 10/2011: Thành viên HĐQT, Trưởng ban tài vụ Cảng Gò Dầu B – Công ty CP Cảng Đồng Nai ▪ 10/2011 – 12/2015: Thành viên HĐQT, Phó phòng Tài chính kế toán Công ty CP Cảng Đồng Nai ▪ 12/2015 – Nay: Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính, Người đại diện công bố thông tin Công ty CP Cảng Đồng Nai <p>☞ <i>Tỷ lệ sở hữu cổ phần do công ty phát hành (cá nhân): 0,02%; đại diện Tổng Công ty CP Phát triển KCN 10%</i></p> |
|---|---|

Sự thay đổi trong Ban điều hành

Trong năm 2017, HĐQT đã ban hành Nghị Quyết số 20/2017/NQ-HĐQT ngày 22/03/2017 về việc tái bổ nhiệm Ông Nguyễn Ngọc Tuấn giữ chức vụ Tổng Giám đốc điều hành trong thời hạn hai (02) năm kể từ ngày 25/03/2017

Số lượng cán bộ, nhân viên

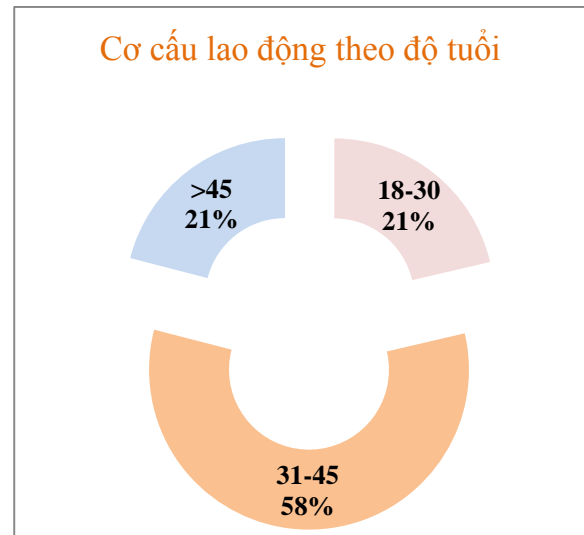
Tính đến thời điểm ngày 31/12/2017, tổng số lao động của PDN là 267 người, phân theo cơ cấu như sau:

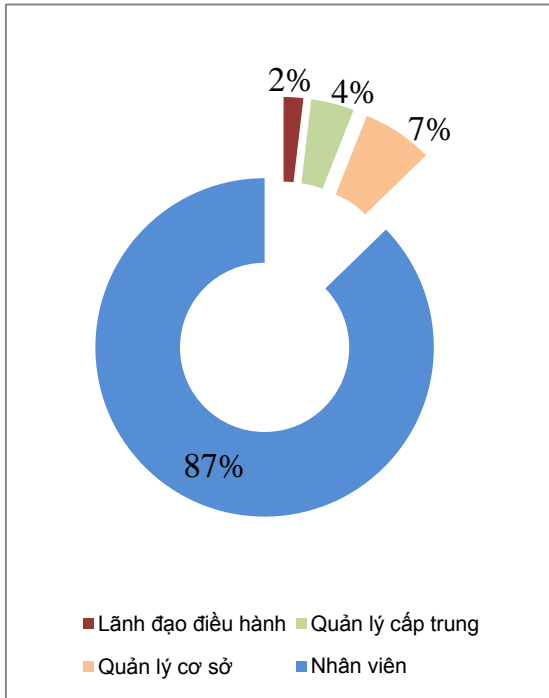


☞ **Cơ cấu lao động:** PDN hiện đang sở hữu một nguồn nhân lực quý báu luôn tâm huyết và gắn bó cùng Công ty, có cấu trúc nhân sự 57% đạt trình độ đại học và trên đại học, 79% ở độ tuổi dưới 45. Lực lượng lao động ổn định với tỷ lệ thôi việc hàng năm rất thấp chính là một điểm sáng về nguồn lực, tạo tiền đề thuận lợi cho chiến lược phát triển của Công ty trong những năm sắp tới

☞ **Quan hệ lao động:**

- 100% lao động có ký Hợp đồng lao động
- Đảm bảo các quyền lợi của người lao động theo quy định của Luật Lao động
- Thỏa ước lao động tập thể, nội quy lao động, thang bảng lương được đăng ký đầy đủ với cơ quan quản lý lao động và được cập nhật khi các chính sách của Nhà nước thay đổi
- Tuyệt đối không sử dụng lao động trẻ em và lao động cưỡng bức





👉 Tổ chức công đoàn PDN:

- Luôn là nhịp cầu nối hiệu quả giữa Công ty và người lao động, tham mưu cho Ban lãnh đạo Công ty các chính sách chăm lo đời sống và đảm bảo quyền lợi chính đáng cho CB-CNV, đồng thời cũng là kênh tiếp nhận các ý kiến, thắc mắc của CB-CNV chuyển lên Công ty để có các đề xuất giải pháp và xử lý hợp tình hợp lý cho cả Công ty và người lao động
- Các thành viên BCH Công đoàn được phân công nhiệm vụ cụ thể theo từng lĩnh vực hoạt động của Công ty để đảm bảo tất cả người lao động của Công ty đều được quan tâm đầy đủ và sát sao

Chính sách đối với người lao động

Là đơn vị hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ, yếu tố con người luôn được PDN chú trọng đầu tư. Bên cạnh chế độ đãi ngộ với mức thu nhập hấp dẫn, PDN luôn tạo môi trường làm việc năng động, sáng tạo nhằm khai thác tối đa năng lực của CB-CNV, góp phần vào sự thành công của PDN

PDN cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của Nhà nước về chế độ, chính sách đối với người lao động như: Bảo hiểm Xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, chế độ nghỉ phép, chế độ nghỉ dưỡng sức – phục hồi sức khỏe v.v... Ngoài ra, PDN còn áp dụng một số chế độ, chính sách riêng nhằm thu hút, thúc đẩy và tạo sự gắn bó lâu dài của Người lao động với PDN như: Chế độ trợ cấp khó khăn thường xuyên và đột xuất, chế độ du lịch, thăm quan, nghỉ mát, chế độ khám sức khỏe định kỳ...

PDN xây dựng các chính sách về khen thưởng, quy định trả lương, quy định đào tạo nhằm khuyến khích, thu hút nguồn nhân sự chất lượng cao, tạo điều kiện cho nhân sự mới vào PDN thể hiện được bản thân, phát huy hết những năng lực, kinh nghiệm sẵn có và thăng tiến trong công việc

Việc xây dựng và ban hành áp dụng bộ tiêu chuẩn năng lực các vị trí giúp người lao động có được cơ hội chủ động trong việc phát triển năng lực bản thân và thăng tiến trong công việc, PDN chủ động trong việc đào tạo, nâng cao năng lực nguồn nhân sự



Năm 2017 công tác nhân sự của PDN tập trung chủ yếu vào 2 mục tiêu chính:

☞ **Nâng cao năng lực của nguồn nhân sự**

- ✓ Xây dựng, bổ sung, điều chỉnh các quy trình, quy chế làm việc, phối hợp các bộ phận, đơn vị, xây dựng hệ thống tiêu chuẩn năng lực cho tất cả các vị trí, chức danh của Công ty
- ✓ Tăng cường công tác giám sát và thực thi các biện pháp chế tài nhằm nâng cao ý thức tuân thủ, tinh thần tự giác và phối hợp trong công việc của người lao động trong Công ty
- ✓ Tập trung đào tạo các năng lực, kỹ năng, chuyên môn cốt lõi cho đội ngũ quản lý, bán hàng và trực tiếp sản xuất
- ✓ Xây dựng danh sách quy hoạch cán bộ nhằm chủ động trong công tác cán bộ, đáp ứng nguồn nhân sự kế thừa trong các giai đoạn sắp tới

☞ **Hoàn thiện các chính sách nhân sự và cải thiện môi trường làm việc động lực**

- ✓ Rà soát và bổ sung, điều chỉnh các chính sách, quy định nhân sự như: Nội quy lao động, quy định trả lương, quy định quản lý phép ... nhằm tạo một môi trường làm việc động lực, công bằng, bình đẳng, tạo điều kiện cho người lao động có cơ hội đóng góp và được ghi nhận, khen thưởng xứng đáng
- ✓ Thực hiện tốt các chế độ, chính sách phúc lợi cho người lao động như: tổ

chức tham quan nghỉ mát cho người lao động, tổ chức các hoạt động văn hóa nhân kỷ niệm ngày thành lập công ty (ngày hội gia đình Cảng Đồng Nai), tổ chức khám sức khỏe định kỳ với nhiều danh mục ngoài quy định, tổ chức các đợt sinh hoạt tập thể, teambuilding, tổ chức các chương trình văn hóa văn nghệ, thể thao ...

Trong năm 2018 và những năm tiếp theo, cùng với sự lớn mạnh, mở rộng quy mô, phạm vi hoạt động của PDN, nhiều dự án đang và sẽ tiếp tục đi vào hoạt động, việc tiếp tục phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao là một trong những nhiệm vụ trọng tâm. Bên cạnh đó, Công ty sẽ tiếp tục triển khai các chương trình đào tạo, tập huấn, nâng cao trình độ, kỹ năng chuyên môn, kỹ năng mềm cho CB-CNV thông qua các chương trình đào tạo nội bộ, đào tạo bởi các tổ chức chất lượng và uy tín

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a. Tình hình thực hiện các dự án lớn trong công ty

Khu vực Long Bình Tân

PDN đã triển khai thực hiện các dự án như:

- ☞ Dự án mở rộng Cảng Đồng Nai giai đoạn 1 (3,0ha)
 - Tổng mức đầu tư: 126,824,000,000 đồng
 - Nguồn vốn đầu tư: Vốn tự có + vốn vay
 - Tiến độ thực hiện dự án: năm 2012 đã đưa vào khai thác chính thức
- ☞ Dự án mở rộng Cảng Đồng Nai giai đoạn 2A (9,18ha)
 - Mục tiêu của dự án: Đầu tư xây dựng Cảng Đồng Nai giai đoạn 2
 - Tổng mức đầu tư: 438.557.369.000 đồng
 - Nguồn vốn đầu tư: Vốn tự có + vốn vay
 - Tiến độ thực hiện:
 - Năm 2014: Đã hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng được 5ha/9,18ha
 - Năm 2015: Hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng; Đầu tư xây dựng đường bãi, nhà kho, kè bảo vệ bờ, các công trình hạ tầng kỹ thuật

- Năm 2016: Đầu tư san lấp mặt bằng phần diện tích còn lại (4ha/9,18ha) xây dựng bãi, nhà kho, kè bảo vệ bờ, hệ thống thoát nước, hệ thống điện chiếu sáng
- ☞ Dự án mở rộng Cảng Đồng Nai giai đoạn 2B (5,53ha)
 - Chưa có giấy chứng nhận đầu tư nên chưa có tổng mức đầu tư
 - Giá trị đầu tư từ khi bắt đầu khởi công dự án: 5,547 tỷ đồng
 - Giá trị đầu tư năm 2017: 5.547 tỷ đồng
 - Tiến độ dự án:
 - Năm 2017: Triển khai san lấp mặt bằng 1,2ha
- ☞ Dự án mở rộng Cảng Đồng Nai khu vực Long Bình Tân giai đoạn 2B (0,9ha)
 - Giá trị đầu tư năm 2017: 3,7 tỷ đồng
 - Đã hoàn thành công tác đền bù, san lấp mặt bằng và chính thức đưa vào hoạt động từ quý 4/2017
- ☞ Dự án mở rộng Cảng Đồng Nai giai đoạn 3
Công ty đang triển khai các thủ tục xin giới thiệu địa điểm

Ngoài ra, trong năm 2017 PDN đã đầu tư và đưa vào sử dụng ngang chụp bán tự động, đẩy nhanh tiến độ tác nghiệp và mang lại hiệu quả tích cực cho hoạt động khai thác dịch vụ container tại Cảng Long Bình Tân

Khu vực Gò Dầu

- ☞ Dự án Cảng Gò Dầu B giai đoạn 2
 - Tổng mức đầu tư: 318.213.147.000 đồng
 - Nguồn vốn đầu tư: Vốn tự có + vốn vay
 - Tiến độ thực hiện:
 - Bắt đầu đưa Dự án vào khai thác năm từ năm 2015
 - Năm 2016: Hoàn thành thi công bãi số 4 (diện tích 2,7ha)
 - Năm 2017: Hoàn thành thi công bãi số 5 (diện tích 4ha) và hàng rào
- ☞ Dự án giai đoạn 1 Cảng Gò Dầu B
 - Mục tiêu của dự án: điều chỉnh dự án Giai đoạn 1 Cảng Gò Dầu B
 - Tổng mức đầu tư: 423.579.581.000 đồng
 - Nguồn vốn đầu tư: Vốn tự có + vốn vay
 - Tiến độ thực hiện:

- Năm 2015: đưa vào khai thác chính thức bến tàu 30.000DWT (bến B4)
- Năm 2016: Đầu tư mua sắm cầu, thiết bị làm hàng cho bến tàu 30.000DWT (bến B4)
- Năm 2017: Đầu tư hệ thống điện và trạm biến áp; Đầu tư hoàn thành đường nội bộ; Đầu tư hệ thống PCCC cầu cảng

☞ Dự án Cảng Gò Dầu khu A

- Tổng mức đầu tư: 104,262 tỷ đồng
- Nguồn vốn đầu tư: Vốn tự có + vốn vay
- Giá trị đầu tư từ khi bắt đầu khởi công dự án: 85,646 tỷ đồng
- Giá trị thực hiện năm 2017: 4,107 tỷ đồng
- Tiến độ thực hiện dự án:
 - Năm 2013: Đầu tư nâng cấp đường nội bộ
 - Năm 2016: Đầu tư hệ thống xử lý nước thải.
 - Năm 2017: Đầu tư hệ thống PCCC cầu cảng; Đầu tư hoàn thành đường nội bộ

Trong năm 2017, PDN đã hoàn thành thảm nhựa các đường nội bộ trong khu vực Cảng Gò Dầu, thuận tiện cho khách hàng tác nghiệp tại Cảng, tạo mỹ quan và cải thiện tốt hơn đối với công tác vệ sinh môi trường Cảng



b. Tình hình hoạt động và tài chính của các Công ty liên kết

Công ty CP Cảng Long Thành và Công ty CP Dịch vụ Cảng Đồng Nai là các Công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực xếp dỡ, vận tải, kinh doanh xăng dầu. Trong năm 2017 kết quả hoạt động của các Công ty như sau:

Doanh thu và Lợi nhuận sau thuế của Công ty CP Cảng Long Thành lần lượt là **18,610** tỷ đồng (tăng **10%** so cùng kỳ) và **6,09** tỷ đồng (đạt **14,6%** so cùng kỳ)

Doanh thu và Lợi nhuận sau thuế của Công ty CP Dịch vụ Cảng Đồng Nai lần lượt là **82,852** tỷ đồng (đạt **91,4%** so cùng kỳ) và **2,446** tỷ đồng (đạt **54,8%** so cùng kỳ)

Công ty nắm giữ trên 50% vốn điều lệ

Tổng Công ty CP Phát triển Khu Công Nghiệp: Số lượng **6.297.480** cổ phần (chiếm tỷ lệ 51% vốn điều lệ của PDN)

Tình hình đầu tư dài hạn vào Công ty khác

PDN đã đầu tư **7.000.000.000** đồng vào Công ty CP Sonadezi Châu Đức, địa chỉ: Xã Suối Nghệ, Huyện Châu Đức, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

| Chỉ tiêu | Năm X - 1 | Năm X | % tăng giảm |
|-----------------------------------|-----------|---------|-------------|
| Tổng giá trị tài sản | 733.944 | 845.327 | 115,18 |
| Doanh thu thuần | 421.917 | 517.500 | 122,65 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 68.557 | 83.694 | 122,08 |
| Lợi nhuận khác | 2.881 | 1.320 | 45,83 |
| Lợi nhuận trước thuế | 71.438 | 85.014 | 119,00 |
| Lợi nhuận sau thuế | 67.714 | 76.493 | 112,96 |

Đvt: Triệu đồng

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

| Chỉ tiêu | Năm X - 1 | Năm X | Ghi chú |
|---|-----------|-------|---|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn | 0,90 | 1,01 | |
| + Hệ số thanh toán nhanh: Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn | 0,90 | 1,01 | |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản | 0,49 | 0,51 | |
| + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | 0,96 | 1,03 | |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| + Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân | 57,5% | 61,2% | Hoạt động SXKD của PDN chủ yếu là cung cấp dịch vụ, nên chỉ tiêu hàng tồn kho không đáng kể |
| Doanh thu thuần/Tổng tài sản | | | |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | 0,16 | 0,15 | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | 0,18 | 0,18 | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | 0,09 | 0,09 | |
| + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | 0,16 | 0,17 | |
| | | | |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ phần

- Tổng số cổ phần: **12.347.987** cổ phiếu
- Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: Không
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: **12.347.987** cổ phiếu

Cơ cấu cổ đông

| STT | Loại cổ đông | Số lượng CP sở hữu | | Tỷ lệ sở hữu CP |
|-----|--------------------|---------------------|-------------------|-----------------|
| | | Tự do chuyển nhượng | Tổng cộng | |
| I | Cổ đông nhà nước | 6.297.480 | 6.297.480 | 51,00% |
| II | Cổ đông nội bộ | 116.016 | 116.016 | 0,94% |
| III | Cổ đông trong nước | 5.698.366 | 5.698.366 | 46,15% |
| | <i>Cá nhân</i> | 1.927.301 | 1.927.301 | 15,61% |
| | <i>Tổ chức</i> | 3.771.065 | 3.771.065 | 30,54% |
| IV | Cổ đông nước ngoài | 236.125 | 236.125 | 1,91% |
| | <i>Cá nhân</i> | 4.405 | 4.405 | 0,03% |
| | <i>Tổ chức</i> | 231.720 | 231.720 | 1,88% |
| | Tổng cộng | 12.347.987 | 12.347.987 | 100% |

Nguồn số liệu: Căn cứ Danh sách cổ đông chốt ngày 17/01/2018

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ

- Không có

Các chứng khoán khác

- Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

Trải qua hơn một phần tư thế kỷ hình thành và phát triển, đến nay PDN được biết đến như một địa điểm lợi thế trong việc trung chuyển hàng hóa của tỉnh Đồng Nai. Có thể khẳng định thành quả đáng ghi nhận này được đúc kết từ sự ủng hộ của các cơ quan hữu quan, sự hợp tác quý báu của các Cổ đông, các vị đối tác, khách hàng và sự nỗ lực, phấn đấu của tập thể CB-CNV PDN trên nền tảng kiên định theo đuổi chính sách phát triển bền vững của Công ty

PDN luôn đặt những mục tiêu kinh doanh của Công ty và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, bảo vệ môi trường, sử dụng tiết kiệm năng lượng, tạo công việc ổn định, nâng cao đời sống cho CB-CNV, thực hiện các công tác xã hội từ thiện v.v... nhằm gia tăng giá trị cho doanh nghiệp, cộng đồng và xã hội

PDN tâm niệm một doanh nghiệp chỉ thật sự vững mạnh trên nền tảng văn hóa doanh nghiệp lành mạnh, đoàn kết, nơi thế mạnh của mỗi cá nhân hợp thành sức mạnh tập thể, cùng nhau toàn tâm, toàn lực vì mục tiêu phát triển chung. Và trong một thế giới mà mọi cá thể đều có sự tương quan mật thiết với nhau, PDN thấu hiểu sự lớn mạnh của doanh nghiệp không thể tách rời quỹ đạo kết nối chặt chẽ với các bên hữu quan bao gồm cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng, đối tác, cơ quan chức năng, môi trường, xã hội, v.v...

Trong năm 2018 và những năm tiếp theo, tập thể Ban lãnh đạo và CB-CNV PDN tiếp tục nỗ lực hết mình trong công cuộc kiến tạo nền tảng phát triển bền vững nhằm không ngừng phát huy giá trị doanh nghiệp, gia tăng lợi ích đem đến cho cổ đông, khách hàng, đối tác và cộng đồng, góp phần tích cực vào sự phát triển chung của đất nước

Hoạt động về phát triển bền vững

Những năm gần đây, cùng với đà hội nhập ngày càng sâu rộng của Việt Nam vào kinh tế khu vực và thế giới thông qua việc tham gia vào các tổ chức kinh tế lớn, đồng thời triển khai các hiệp định thương mại song phương và đa phương với các nước, vai trò của các doanh nghiệp càng trở nên trọng yếu và là động lực cho sự phát triển đất nước song song với việc điều chỉnh các chính sách của Nhà nước theo như lộ trình cam kết, giúp doanh nghiệp cải thiện và nâng cao năng lực cạnh tranh

Với chính sách phát triển bền vững đã đề ra, PDN đã và đang triển khai những

hành động cụ thể nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, đồng thời phát huy trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Trong năm 2018, PDN tiếp tục phát huy và hiện thực hóa chính sách phát triển bền vững trên nhiều mặt, bao gồm:

- ☞ Củng cố và phát huy môi trường làm việc hiệu quả;
- ☞ Đề cao văn hóa và những giá trị cốt lõi của doanh nghiệp;
- ☞ Đảm bảo chế độ đãi ngộ và phúc lợi phù hợp để thu hút, duy trì và phát triển nguồn nhân lực chất lượng; khuyến khích tinh thần tận tụy, nỗ lực phấn đấu, cầu thị, sáng tạo, phát huy tối đa năng lực cá nhân và sức mạnh tập thể;
- ☞ Chú trọng trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, bảo vệ môi trường, sử dụng tiết kiệm năng lượng, tạo thêm việc làm cho người lao động;
- ☞ Thực hiện các công tác xã hội, các chương trình tương thân tương ái hỗ trợ đồng bào bị thiên tai, người có hoàn cảnh khó khăn, trẻ mồ côi, người tàn tật, cơ nhỡ, sinh viên nghèo hiếu học v.v...

Để tuân thủ chính sách này, trong những năm qua, các dự án đầu tư và mở rộng cảng đều được đánh giá tác động môi trường, thiết kế và xây dựng theo hướng tiết kiệm năng lượng, hạn chế tối đa những tác hại gây ra đối với môi trường

Các giải pháp quản lý, tiết kiệm năng lượng và nhiên liệu

Chi phí nhiên liệu, năng lượng chiếm tỷ trọng đáng kể trong cơ cấu chi phí của Công ty. Chính vì thế, PDN luôn chú trọng kiểm soát chặt chẽ việc tiêu thụ nhiên liệu, năng lượng nhằm giảm chi phí, tăng hiệu quả hoạt động. Đồng thời, sử dụng tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng cũng chính là góp phần bảo vệ môi trường sống. Công tác kiểm soát tiêu thụ nhiên liệu, năng lượng được PDN triển khai thường xuyên, liên tục ở mọi mặt của hoạt động sản xuất kinh doanh và bằng nhiều hình thức, bao gồm nhưng không giới hạn:

- ☞ Chỉ đạo quyết liệt và đồng tình của Ban lãnh đạo công ty, lãnh đạo các phòng ban, đơn vị và ý thức tiết kiệm năng lượng của từng nhân viên trong công ty
- ☞ Bảo trì hệ thống cơ điện tuân thủ theo kế hoạch bảo trì định kỳ hàng năm đã được phê duyệt và tuân thủ theo những khuyến cáo của nhà sản xuất nhằm đảm bảo máy móc hoạt động tốt, ổn định, ít hư hỏng và tăng tuổi thọ thiết bị
- ☞ Điều chỉnh lịch đóng/ ngắt hệ thống điều hòa không khí, đèn chiếu sáng, quạt

thông gió, các thiết bị sử dụng năng lượng thông qua hệ thống quản lý tập trung

- ☞ Tách các line đèn, line quạt, quy hoạch khu vực chức năng và lập trình điều khiển đèn, quạt tại một số khu vực chức năng sao cho tối ưu hóa trong việc sử dụng điện
- ☞ Việc đầu tư lắp đặt các thiết bị điện hiện đại với độ ổn định cao đã góp phần giảm thiểu tiêu hao năng lượng không cần thiết
- ☞ Thay bóng đèn dây tóc hay compact bằng bóng đèn công nghệ LED để vừa tăng độ sáng, tiết kiệm điện năng vừa có độ bền cao
- ☞ Theo dõi hàng ngày đồng hồ đo đếm điện tại từng khu vực để kiểm soát điện năng nhằm mục đích ngăn chặn các sự cố bất thường xảy ra (nếu có)
- ☞ Các bộ phận kỹ thuật kiểm soát các hệ thống phần mềm như: hệ thống PCCC, hệ thống xử lý nước thải, v.v... để tối ưu hóa việc tiết kiệm năng lượng

Hệ thống nước cấp và nước thải:

- ☞ Đảm bảo các hệ thống được vận hành tốt, công tác vệ sinh cống rãnh, nạo vét được thực hiện nghiêm túc theo kế hoạch định kỳ hàng năm đã được duyệt
- ☞ Theo dõi đồng hồ đo đếm nước cấp hàng ngày nhằm hạn chế và ngăn chặn các bất thường xảy ra (nếu có)
- ☞ Ký hợp đồng với các đơn vị chuyên nghiệp thu gom chất thải lỏng lẫn dầu để xử lý đúng theo quy định của các cơ quan chức năng

Bảo vệ môi trường – An toàn lao động - An ninh – PCCC

- ☞ PDN thiết lập cơ chế kiểm soát dưới sự giám sát của bộ phận quản lý rủi ro và các phòng ban chức năng tại mỗi đơn vị nhằm đôn đốc, nghiêm chỉnh thực hiện các quy định về an toàn trong lao động, vận hành cảng biển, hàng hải, PCCC, xử lý chất thải, nước thải phù hợp theo quy định, sử dụng tiết kiệm nhiên/ nguyên liệu trong quá trình vận hành thiết bị, khai thác tàu, trồng cây xanh tạo cảnh quan kháng trang, sạch đẹp trong khu vực sản xuất
- ☞ Ký hợp đồng thuê đơn vị chuyên nghiệp thu gom quét dọn vệ sinh môi trường trên bãi, kho và tập kết vào các khu vực rác thải riêng; Phân loại các loại chất thải sinh hoạt, nguy hại theo từng mục và có dán nhãn rõ ràng để thuận tiện thu gom và xử lý đúng quy định
- ☞ Ký hợp đồng với công ty chuyên về ứng cứu sự cố tràn dầu

- ☞ Sử dụng hiệu quả tài sản, tránh lãng phí thông qua việc thực hành 5S, chuẩn hóa quy trình vận hành, tuân thủ các chỉ tiêu đánh giá và đo lường
- ☞ Tuân thủ các quy trình về bảo vệ môi trường trong các hoạt động sản xuất kinh doanh
- ☞ Chủ động tối đa trong công tác PCCC
- ☞ Đối với công tác an toàn vệ sinh lao động (ATVSLĐ), tại mỗi đơn vị, Công ty bố trí cán bộ phụ trách an toàn lao động. Cán bộ ATVSLĐ có trách nhiệm hàng ngày phải đi kiểm tra, giám sát, nhắc nhở, đôn đốc việc thực hiện nội quy lao động và quy định an toàn lao động, vệ sinh lao động mà Công ty đã ban hành; hàng tháng thực hiện báo cáo định kỳ về công tác ATVSLĐ
- ☞ Thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ CB-CNV
- ☞ Cấp phát trang bị bảo hộ lao động và đồng phục hàng năm theo quy định
- ☞ Tổ chức tập huấn về ATVSLĐ hàng năm và theo nhu cầu cho người lao động
- ☞ Thực hiện báo cáo tổng hợp về tình hình tai nạn lao động đến cơ quan chức năng theo quy định
- ☞ Phòng ngừa và hạn chế tối đa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

Chính sách liên quan đến người lao động

Thu nhập bình quân của người lao động qua các năm (đồng/tháng/người)

| Năm | Mức lương bình quân |
|------|---------------------|
| 2011 | 11.240.000 |
| 2012 | 13.640.000 |
| 2013 | 12.520.000 |
| 2014 | 13.190.000 |
| 2015 | 14.110.000 |
| 2016 | 15.572.000 |
| 2017 | 18.018.000 |

Chế độ làm việc

Công ty thực hiện chế độ lao động theo Luật lao động và các quy định của pháp luật

Môi trường làm việc được thiết kế thoáng mát, thân thiện, lực lượng lao động trực tiếp được trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt

Chính sách lương thưởng, phụ cấp phúc lợi cho người lao động

Chính sách lương thưởng

Sự thành công của PDN luôn gắn liền với các yếu tố con người. Do đó, lương thưởng cho CB-CNV luôn là mối quan tâm hàng đầu của Ban lãnh đạo Công ty. Công ty xây dựng quy chế trả lương dựa trên mức độ phức tạp, đóng góp của từng vị trí công việc đảm bảo tính công bằng và khuyến khích người lao động phát huy hết năng lực bản thân, trả lương cho người lao động đầy đủ và đúng hạn. Chính sách lương thưởng phù hợp và đủ hấp dẫn để giữ chân các cán bộ chủ chốt, người lao động của Công ty cũng như thu hút nhân tài

Chính sách phụ cấp

Ngoài tiền lương và thưởng, Người lao động ở Công ty còn được hưởng các khoản phụ cấp, trợ cấp khác theo lương tùy thuộc vào vị trí công tác, năng lực làm việc, mức độ đóng góp của mỗi người và kết quả hoạt động của Công ty

Các chính sách về phúc lợi cho người lao động

- ✓ Ngày quốc tế phụ nữ 8/3 & ngày phụ nữ Việt Nam 20/10 (nhân viên nữ)
- ✓ Ngày quốc tế thiếu nhi 1/6 (con nhân viên dưới 16 tuổi)
- ✓ Sinh nhật nhân viên
- ✓ Nhân viên khi kết hôn hợp lệ
- ✓ Người thân (cha/ mẹ ruột, cha/ mẹ vợ/ chồng, vợ/ chồng, con cái) của nhân viên khi qua đời
- ✓ Nghỉ mát hàng năm cho nhân viên
- ✓ Hỗ trợ nhiên liệu đi lại

Bên cạnh đó, Công ty cũng thường xuyên tổ chức các hoạt động teambuilding,

văn hóa, văn nghệ, thể thao, ngày gia đình để CB-CNV có cơ hội giao lưu và trau dồi thể chất

☞ Chính sách thu hút và đào tạo nguồn nhân lực

Với mức thu nhập ổn định, nhiều cơ hội thăng tiến, môi trường làm việc tốt, chính sách về lao động đào tạo nguồn nhân lực luôn được Ban lãnh đạo chú trọng quan tâm nên công ty luôn nhận được sự gắn bó và cống hiến hết mình của toàn thể CB-CNV. Bên cạnh đó, với các chính sách phù hợp này PDN cũng là nơi thu hút được sự quan tâm của các nguồn nhân lực bên ngoài

Trong năm 2017, Công ty đã tổ chức **22** khóa huấn luyện đào tạo nghiệp vụ cho **317** lượt CB-CNV tham gia, trong đó bao gồm: Khóa đào tạo căn bản về hợp đồng logistics; Nâng cao năng lực quản trị và tổ chức tài chính; Quản lý khai thác container; Quản trị mua hàng hiệu quả trong Doanh nghiệp; Kỹ năng CSKH và giải quyết khiếu nại; v.v...

☞ Chính sách lương thưởng cho cán bộ nhân viên

Kể từ tháng 10/2017 đến nay Công ty đã thay đổi và áp dụng cơ chế trả lương xác định tính chất, trách nhiệm và mức độ đóng góp của từng vị trí công việc, công bằng, hấp dẫn và cạnh tranh so với thị trường lao động. Chính sách tiền lương, thưởng dựa vào KPI của từng cá nhân nhằm phát huy tối đa sự đóng góp của nhân viên vào mục tiêu hoàn thành kế hoạch kinh doanh cho những năm tiếp theo.

Trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Giai đoạn 2016 – 2020, PDN liên tiếp phát huy những thành quả đã đạt được, vượt qua những khó khăn, thử thách trên bước đường hội nhập, kịp thời nắm bắt những cơ hội tăng trưởng để không ngừng phát triển. Cụ thể trong năm 2017, Công ty đã phát huy chính sách phát triển bền vững trên các khía cạnh:

- Củng cố và phát huy môi trường làm việc hiệu quả
- Đề cao văn hóa và những giá trị cốt lõi của doanh nghiệp
- Xây dựng các chế độ đãi ngộ và phúc lợi phù hợp nhằm thu hút, duy trì và phát triển nguồn nhân lực chất lượng, khích lệ tinh thần cống hiến, phát huy tối đa năng lực cá nhân

- Chú trọng trách nhiệm đối với xã hội, bảo vệ môi trường, sử dụng tiết kiệm năng lượng, tạo công việc và thu nhập ổn định cho CB-CNV
- Thực hiện công tác xã hội, các chương trình từ thiện hỗ trợ người nghèo v.v...

Cơ chế tiếp nhận ý kiến từ các bên liên quan

Là một trong những doanh nghiệp điển hình trong tỉnh Đồng Nai được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán, PDN luôn chú trọng hoạt động quan hệ nhà đầu tư, minh bạch thông tin, tạo điều kiện thuận lợi cho các Cổ đông và nhà đầu tư tiếp cận thông tin về tình hình hoạt động của Công ty cũng như tiếp nhận các ý kiến phản hồi, đề xuất từ Cổ đông, nhà đầu tư và các bên liên quan

Riêng đối với người lao động, Công ty luôn sẵn sàng lắng nghe và trao đổi ý kiến với người lao động qua các kênh truyền thông như email, điện thoại, trực tiếp, v.v... Bên cạnh đó, Ban chấp hành Công đoàn của Công ty luôn quan tâm sâu sắc đến đời sống của CB-CNV, tiếp thu ý kiến đóng góp, thắc mắc của CB-CNV và kịp thời phản ánh đến Ban lãnh đạo Công ty xem xét và kịp thời phản hồi giúp cho người lao động an tâm làm việc, tạo nên giá trị bền vững cho Công ty

PDN cũng thường xuyên cập nhật thông tin về hoạt động của Công ty và tiếp nhận mọi phản hồi, thắc mắc của các cổ đông, nhà đầu tư và các bên thông qua các buổi gặp gỡ, trao đổi định kỳ hàng quý, hàng năm, Website Công ty, các phương tiện truyền thông, đài, báo tờ, báo điện tử, v.v...

Với vai trò là một trong những Công ty đại chúng, yếu tố minh bạch thông tin được đặt lên hàng đầu và là một trong những tiêu chí hết sức quan trọng trong mắt nhà đầu tư. Chính vì vậy, PDN nghiêm túc tuân thủ các quy định Nhà nước trong công bố thông tin, cập nhật các thay đổi, sự kiện thông qua Website của Công ty, các phương tiện truyền thông, Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP.HCM (HOSE) và các tổ chức liên quan

Cam kết với các bên liên quan

☞ Đối với Nhà nước

Tuân thủ các chính sách, quy định của Nhà nước liên quan đến lĩnh vực ngành nghề kinh doanh của Công ty, thực hiện các nghĩa vụ về thuế và ngân sách Nhà nước, thực hiện báo cáo đầy đủ theo quy định

☞ Đối với Cổ đông, nhà đầu tư

Đảm bảo quyền lợi cho Cổ đông, nhà đầu tư

Thực hiện báo cáo và công bố thông tin đúng quy định

Cung cấp thông tin minh bạch và đầy đủ; Tạo điều kiện cho Cổ đông, nhà đầu tư tìm hiểu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Nỗ lực không ngừng nhằm mang lại những giá trị vững bền cho Cổ đông, nhà đầu tư

☞ Đối với khách hàng, đối tác

Lấy chất lượng dịch vụ làm trọng tâm trong hoạt động sản xuất kinh doanh

Mang đến cho khách hàng, đối tác những giải pháp tối ưu và phù hợp nhất

Giữ vững các cam kết với khách hàng, đối tác, đảm bảo hợp tác hiệu quả, cùng có lợi

☞ Đối với cán bộ công nhân viên

Tạo môi trường làm việc tốt và cơ hội thăng tiến

Chế độ đãi ngộ phù hợp

Khích lệ tinh thần cống hiến, cầu thị, sáng tạo, phát huy tối đa năng lực cá nhân và sức mạnh tập thể

☞ Đối với cộng đồng địa phương

Chia sẻ trách nhiệm xã hội

Chung tay vì lợi ích cộng đồng

Tạo thêm việc làm cho người lao động

Góp phần bảo vệ môi trường

Đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước

Các danh hiệu tiêu biểu qua các năm

Năm 2014:

Thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước 05 năm (2010 – 2014) do UBND Tỉnh Đồng Nai trao tặng

Thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước năm 2013 – 2014 do UBND Tỉnh Đồng Nai trao tặng

Danh hiệu tập thể lao động xuất sắc năm 2014 do UBND Tỉnh Đồng Nai trao tặng



Năm 2015:

Danh hiệu tập thể lao động xuất sắc năm 2015 do UBND Tỉnh Đồng Nai trao tặng



Năm 2016:

Huân chương lao động hạng nhất do Chủ tịch nước CHXHCNVN trao tặng



Năm 2017:

Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai công nhận danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp Tỉnh đối với 03 cá nhân theo Quyết định số 2457/QĐ-UBND ngày 14/07/2017

Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai khen tặng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước năm 2016 theo Quyết định số 1067/QĐ-UBND ngày 05/04/2017

Đạt giải tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ do Tổng Công ty Sonadezi khen tặng

Giải vô địch bóng đá do Tổng Công ty Sonadezi và Cụm thi đua số 4 tổ chức hưởng ứng phong trào thi đua chào mừng các ngày lễ lớn trong năm và đạt các giải thưởng cao tại Hội thao truyền thống năm 2017

Đạt các giải thưởng: giải nhất phần thi văn nghệ - Doanh nghiệp đoàn kết vui ca; giải nhì phần thi đẩy mạnh văn hóa doanh nghiệp; giải nhì toàn đoàn tại chương trình “ Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa tiêu biểu xuất sắc” tỉnh Đồng Nai, lần thứ I, năm 2017

Trong Công ty, năm 2017 Tổng Giám đốc cũng ban hành Quyết định công nhận thành tích bao gồm: 242 cá nhân lao động tiên tiến; 35 cá nhân chiến sỹ thi đua cấp cơ sở; 10 tập thể lao động tiên tiến; 04 tập thể được đề nghị Tập thể lao động xuất sắc; 02 cá nhân được đề nghị khen tặng danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp Tỉnh; 02 cá nhân, 02 tập thể được đề nghị tặng bằng khen của UBND Tỉnh; Được cụm thi đua số 4 đề xuất Tập thể lao động thi đua xuất sắc và Cờ thi đua cấp Tỉnh; 01 cá nhân được đề nghị tặng bằng khen của Thủ tướng Chính phủ





PHẦN III

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường
và xã hội

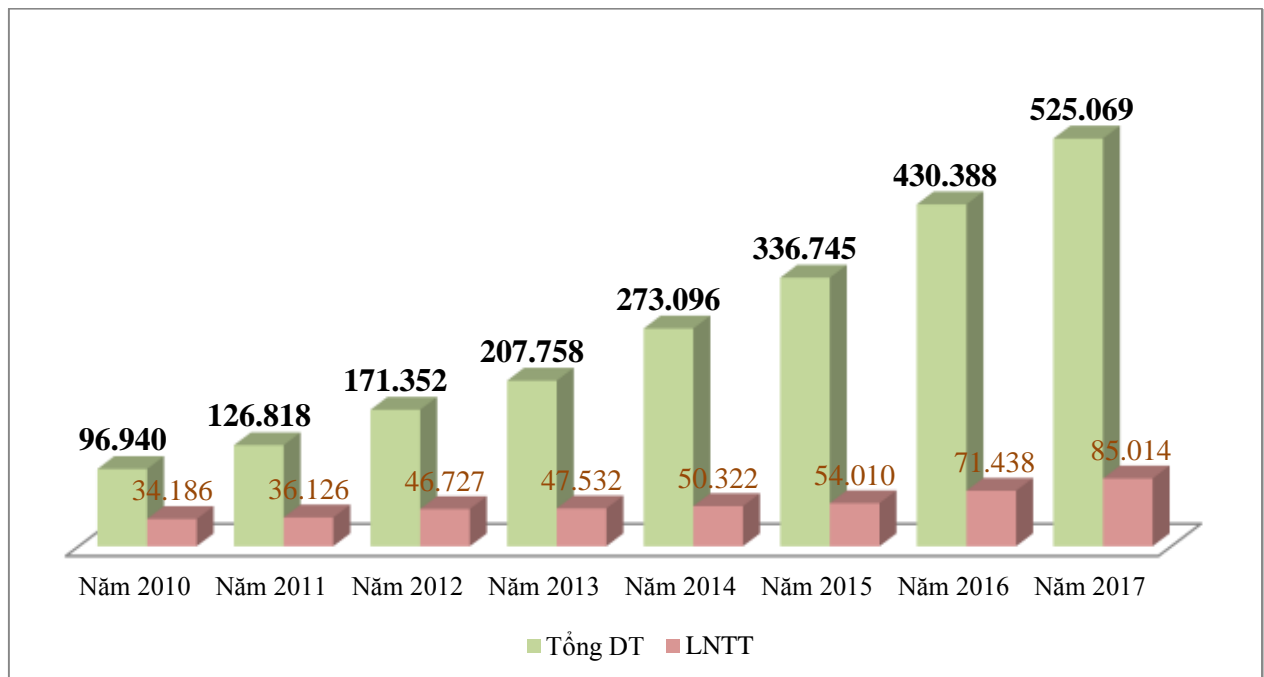
1. Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh

a. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017

☞ Đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh, hiệu quả kinh tế

Sau hơn 28 năm hoạt động, với sự phát triển năng động cả chiều rộng lẫn chiều sâu, doanh thu và lợi nhuận của PDN tăng trưởng đều, đặc biệt trong hai năm liền kề là 2016 và 2017 vừa qua, hai chỉ số tài chính quan trọng này đều đã vượt chỉ tiêu do ĐHCĐ đề ra

Năm 2017, PDN tập trung các nguồn lực để phát triển hoạt động kinh doanh cốt lõi là khai thác cảng và dịch vụ logistics. Đây cũng chính là chiến lược xuyên suốt của PDN trong kế hoạch 05 năm - giai đoạn 2016 - 2021



Đvt: Triệu đồng

☞ Đóng góp vào nền kinh tế của Việt Nam

Điểm nổi bật trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 của PDN là sản lượng khai thác ngành hàng tổng hợp vượt mốc 5 triệu tấn/ năm và tổng doanh thu vượt mốc 500 tỷ đồng. PDN đã nỗ lực phát triển dịch vụ và nguồn khách hàng mới, duy trì sự ủng hộ tốt của các khách hàng hiện hữu đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của hãng tàu, đầu tư thêm thiết bị phục vụ sản xuất, cải tiến quy trình và chất lượng dịch vụ, tiết kiệm chi phí, nâng cao chất lượng nguồn

nhân lực chính là các yếu tố đóng góp cho sự thành công trong hoạt động của PDN trong năm qua

Riêng đối với thị trường vận tải biển trong năm qua vẫn còn nhiều khó khăn, các Công ty vận tải biển trong nước cũng liên tiếp đối mặt với nhiều thách thức ở phía trước và hoạt động của PDN cũng đang phải đối mặt với sự cạnh tranh khốc liệt, giá cước tiếp tục giảm sâu, giá dầu tăng, tình trạng dư thừa trọng tải tuyến nội địa, v.v... Trong tình hình đó, với sự kiên trì và nỗ lực cao nhất, PDN đã không ngừng cải tiến chất lượng dịch vụ để có những đóng góp nhất định vào kết quả sản xuất kinh doanh chung của PDN

☞ Mang lại giá trị, lợi ích cho các bên liên quan

Đóng góp tích cực vào ngân sách Nhà nước: trong nhiều năm liền, cụ thể trong năm 2017 PDN đã thực hiện nghĩa vụ thuế 31.511 triệu đồng, vượt 46,6% so cùng kỳ 2016

Góp phần thúc đẩy xuất nhập khẩu của Việt Nam: PDN cung cấp các dịch vụ cảng và giải pháp logistics hiệu quả với chi phí hợp lý góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, điều này đặc biệt quan trọng trong giai đoạn hội nhập kinh tế toàn cầu

Tăng cường quan hệ hợp tác với các nước: PDN góp phần tăng cường mối quan hệ hợp tác kinh tế giữa Việt Nam với các quốc gia láng giềng và trong khu vực

Lợi ích kinh tế cho Cổ đông: Bên cạnh việc đóng góp cho xã hội và cho ngành, một trong những nhiệm vụ hàng đầu của một doanh nghiệp là mang lại lợi ích kinh tế cho cổ đông và các bên liên quan. Trong năm 2017, PDN đã hoàn thành vượt các chỉ tiêu kinh doanh do ĐHĐCĐ phê duyệt và tiến hành chi trả cổ tức năm 2017 cho cổ đông với tỷ lệ dự kiến 25% trên vốn điều lệ

Lợi ích đối với người lao động: Thu nhập bình quân của người lao động trong năm 2017 đạt 18.018.000 đồng/tháng, vượt 16,85% so cùng kỳ 2016

Lợi ích cho khách hàng, đối tác: Thông qua việc thực hiện tốt cam kết đối với khách hàng, đảm bảo hàng hóa được xếp dỡ và vận hành an toàn, đúng thời gian, không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm mang đến cho khách hàng, đối tác những giải pháp toàn diện, hiệu quả và tiết kiệm nhất

Tổng kết năm 2017, với định hướng đúng đắn của Ban lãnh đạo và sự quyết tâm, đồng thuận của toàn thể CB-CNV, PDN đã hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh đăng ký với Đại hội đồng Cổ đông, cụ thể như sau:

Đvt: tỷ đồng

| kết quả kinh doanh | Thực hiện 2017 | Kế hoạch 2017 | % hoàn thành kế hoạch 2017 |
|--|-------------------|------------------|----------------------------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 517.500 | 440.000 | 117,600 |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 85.014 | 72.000 | 118,08 |
| Tỷ suất lợi nhuận kế toán trước thuế/doanh thu thuần | 16,43 | 16,36 | 100,41 |

So sánh kết quả kinh doanh với năm 2016

Đvt: tỷ đồng

| kết quả kinh doanh | Thực hiện 2016 | Thực hiện 2017 | % tăng giảm |
|--|-------------------|-------------------|-------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 421.917 | 517.500 | 122,65 |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 71.438 | 85.014 | 119,00 |
| Tỷ suất lợi nhuận kế toán trước thuế/doanh thu | 16,93 | 16,43 | 97,02 |

Kết quả lợi nhuận trước thuế năm 2017 đạt **118,08%** so với kế hoạch, tăng **19,00%** so với năm 2016. Trong năm 2017, PDN đã luôn chủ động nâng cao chất lượng dịch vụ, nỗ lực phát triển khách hàng, thị phần và tiếp tục đầu tư cơ sở hạ tầng đáp ứng nhu cầu hoạt động để hoàn thành các chỉ tiêu được Đại hội đồng Cổ đông giao, đồng thời tạo đà cho tăng trưởng trong sản xuất kinh doanh cho các năm tiếp theo

b. Những thay đổi và biến động lớn về chiến lược kinh doanh và thị trường

Về mặt thuận lợi, thương hiệu Cảng Đồng Nai đã từ lâu xây dựng được hình ảnh chuyên nghiệp và đáng tin cậy đối với khách hàng, điều này tạo ra thị phần chiếm ưu thế và ổn định trong khu vực. Công ty luôn nhận được sự hỗ trợ từ Ban lãnh đạo của các cảng biển khu vực phía Nam trong Hiệp Hội Cảng Biển Việt Nam (VPA) kết nối với các cảng nước sâu khu vực Thị Vải trung chuyển hàng

hóa bằng sà lan. Bên cạnh đó, hệ thống cơ sở hạ tầng đường xá từ các khu công nghiệp dẫn đến Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai liên tục được hoàn thiện và nâng cấp, hàng hóa được luân chuyển dễ dàng từ Công ty đến các khu công nghiệp và ngược lại

Tuy nhiên Công ty hiện tại vẫn đang gặp khó khăn trong việc huy động vốn để thực hiện các dự án tại khu vực Cảng Long Bình Tân và Cảng Gò Dầu. Đồng thời mức độ cạnh tranh đối với ngành hàng tổng hợp cảng gia tăng khi hệ thống cảng nước sâu tại khu vực Thị Vải – Cái Mép dự thừa công năng dẫn đến chuyển đổi từ khai thác hàng container sang hàng tổng hợp. Bên cạnh những điểm sáng trong bức tranh chung của nền kinh tế 2017, thị trường vẫn còn nhiều biến động và khó khăn. Giai đoạn non trẻ của ngành và sự hấp dẫn của thị trường logistics đã thu hút và tạo nên sự cạnh tranh gay gắt trong ngành. Hàng loạt các thương vụ M&A trong lĩnh vực vận tải biển liên tiếp diễn ra, các liên minh vận tải mới ra đời, xu hướng tàu container trọng tải lớn hình thành đã tạo nên nhu cầu đối với các cảng nước sâu có khả năng đón tàu trọng tải lớn trở nên cần thiết hơn bao giờ hết

Đứng vững trước những thay đổi của thị trường, nhanh chóng tận dụng tốt những cơ hội, kiên định với chiến lược tập trung vào lĩnh vực kinh doanh cốt lõi, năm 2017, PDN đã gặt hái được những thành quả tích cực với sự tăng trưởng ấn tượng không chỉ về quy mô mà còn ở chất lượng và phạm vi cung cấp dịch vụ, từng bước vươn lên khẳng định vai trò, vị thế của một nhà Khai thác cảng và Logistics tại Việt Nam

c. Phân tích doanh thu, lợi nhuận và chi phí

Doanh thu thuần và chi phí

| Nội dung | Năm 2015 | Năm 2016 | Năm 2017 |
|------------------------------|----------|----------|----------|
| Doanh thu thuần | 322.426 | 421.917 | 517.500 |
| Giá vốn hàng bán | 214.472 | 287.688 | 365.102 |
| Chi phí bán hàng | 13.133 | 12.339 | 15.473 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 35.948 | 37.494 | 38.672 |
| Chi phí tài chính | 9.602 | 19.747 | 18.922 |

| Tỷ lệ so với doanh thu thuần | | | |
|------------------------------|------|------|------|
| Doanh thu thuần | 100% | 100% | 100% |
| Giá vốn hàng bán | 67% | 68% | 71% |
| Chi phí bán hàng | 4% | 3% | 3% |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 11% | 9% | 7% |
| Chi phí tài chính | 3% | 5% | 4% |

d. Phân tích kết quả thực hiện so với kế hoạch và cùng kỳ năm trước

Năm 2017 PDN đã đạt được kết quả kinh doanh tăng trưởng tốt, cụ thể:

Về Doanh thu:

Tổng doanh thu thuần cung cấp dịch vụ đạt 517,5 tỷ đồng tăng 22,65% so với năm 2016 và vượt 17,6% chỉ tiêu kế hoạch được giao nhờ vào việc cải tiến hiệu quả chất lượng hoạt động kinh doanh và khai thác triệt để công năng các bến tàu hiện hữu

Về Lợi nhuận:

Lợi nhuận sau thuế năm 2017 đạt 76,493 tỷ đồng, tăng 12,96% so với năm 2016 và vượt 18,04% so với chỉ tiêu kế hoạch 2017. Lợi nhuận sau thuế vượt so với kế hoạch là do lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh chính và hiệu quả tích cực từ hoạt động đầu tư vào các công ty liên kết, trong khi đó các chi phí tăng không nhiều, chi phí tài chính giảm so cùng kỳ

| Chỉ tiêu | Đvt | TH 2016 (1) | KH 2017 (2) | TH 2017 (3) | (3)/(2) | (3)/(1) |
|----------------------------|---------|----------------|----------------|----------------|---------|---------|
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | Tỷ đồng | 421.917 | 440.000 | 517.500 | 117,6% | 122,65% |
| Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 71.438 | 72.000 | 85.014 | 118,08% | 119% |
| Tỷ suất LNTT/Doanh thu | % | 16,93% | 16,36% | 16,43% | - | - |

2. Tình hình tài chính

Tình hình tài sản

Cuối năm 2017, giá trị tổng tài sản của Công ty là **845.327** triệu đồng, tăng mạnh **15,18%** so với năm 2016. Trong đó, tài sản ngắn hạn có giá trị **243.705** triệu đồng, chiếm **28,83%** trong cơ cấu tài sản. Các khoản tiền và tương đương tiền chiếm tỷ trọng **21,04%** trong tổng tài sản, tăng **7,36%** so với năm 2016. Các khoản phải thu khách hàng trung bình tăng **4,29%** so với năm 2016. Đến cuối kỳ các khoản này chiếm tỷ trọng **7,63%** trong tổng tài sản

Do đặc thù của hoạt động kinh doanh cung cấp dịch vụ, giá trị hàng tồn kho của Công ty luôn nằm ở mức rất thấp, chiếm **0,06%** trong tổng tài sản

Giá trị tài sản dài hạn cuối năm là **601.623** triệu đồng tăng **5,29%** so cùng kỳ, chiếm tỷ trọng **71,17%** trong tổng tài sản, trong đó phần lớn là tài sản cố định chiếm **49,0%**

Tình hình nợ phải trả

Năm 2017 là năm Công ty đẩy mạnh đầu tư và sửa chữa vào các dự án mở rộng và nâng cấp hệ thống cầu cảng, kho bãi, nhà văn phòng. Nguồn vốn được Công ty ưu tiên sử dụng trong thời điểm hiện tại là vốn vay từ bên ngoài do mức độ đòn bẩy tài chính các năm trước ở mức thấp, tổng giá trị vay nợ ngắn hạn và dài hạn là **428.162** triệu đồng, tăng **19,33%** so cùng kỳ và chiếm tỷ trọng **50,65%** trong cơ cấu nguồn vốn

Nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tăng trưởng **11,20%** so cùng kỳ, lợi nhuận sau thuế TNDN tăng **12,96%** so cùng kỳ do kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tăng trưởng tốt

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Cải tiến về cơ cấu tổ chức

PDN luôn xác định nguồn nhân lực là yếu tố then chốt quyết định sự phát triển và thành công, do đó PDN luôn nghiên cứu, cải tiến chính sách quản lý, điều hành nhằm đạt hiệu quả tối ưu. PDN đã có những đổi mới về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý điều hành trong năm 2017 như sau:

- ✓ Tiếp tục phát triển ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm nắm bắt và phân tích kịp thời tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua hệ thống các báo cáo nhanh được tích hợp với các phần mềm quản lý
- ✓ Triển khai định hướng quản trị tập trung các hoạt động chức năng hỗ trợ sản xuất kinh doanh như tài chính, nhân sự - tiền lương, quản lý rủi ro, v.v... để tích hợp, phát huy sức mạnh chung mang lại hiệu quả cao, đúng định hướng chiến lược phát triển chung của PDN và hỗ trợ các đơn vị phát huy lợi thế của PDN để tập trung vào sản xuất, mở rộng kinh doanh
- ✓ Song song đó, PDN tiếp tục tái cấu trúc theo định hướng tập trung phát triển các ngành nghề kinh doanh cốt lõi; quản lý và phát huy tốt hoạt động Khai thác cảng và Logistics
- ✓ Xây dựng và phát triển nguồn cán bộ nguồn, cán bộ tiềm năng; nghiên cứu các chính sách phúc lợi, bảo hiểm phù hợp để thu hút và giữ chân nguồn nhân sự tốt, lành nghề, nhiệt tình đóng góp vào sự phát triển chung của PDN

Chiến lược đối với nguồn cung cấp

Mở rộng danh sách các nhà thầu cung cấp dịch vụ vận tải thủy bộ nhằm tạo ra sự linh hoạt, chủ động trong việc lựa chọn dịch vụ vận tải thủy bộ tốt nhất cung cấp cho khách hàng, đồng thời gia tăng khả năng thương lượng chi phí hợp lý với nhà cung cấp dịch vụ, lựa chọn công nghệ phù hợp để đảm bảo khả năng khai thác tối đa hiệu quả của việc đầu tư

Liên kết và mở rộng chuỗi dịch vụ với các đơn vị có thế mạnh về vận tải để khai thác thêm thị trường không phải thế mạnh của PDN, đáp ứng kịp thời và linh hoạt các nhu cầu của khách hàng, mở rộng thị trường hoạt động. Về mặt dài hạn, chiến lược này sẽ gia tăng sự nhận biết thương hiệu PDN trong nhận thức của khách hàng, tích lũy kinh nghiệm, tạo tiền đề để PDN phát triển thành một nhà cung cấp dịch vụ logistics toàn diện và chuẩn mực

PDN đa dạng hóa các nguồn lực cung cấp cho sản xuất để đáp ứng nhu cầu của khách hàng, với chiến lược thuê ngoài những gì không phải là thế mạnh của mình, PDN đã xây dựng được hệ thống các nhà cung cấp thiết bị, phương tiện vận chuyển thủy, bộ, nhân công sản xuất để đáp ứng nhu cầu cung cấp dịch vụ trọn gói của khách hàng

Xây dựng tiêu chuẩn cho các nhà cung cấp dịch vụ, thường xuyên đánh giá, hiệu chỉnh các tiêu chuẩn này cho phù hợp với nhu cầu về chất lượng dịch vụ ngày

càng cao của khách hàng; Đảm bảo chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng theo đúng các cam kết đã thống nhất và ký kết với khách hàng

Phát triển thêm các nhà cung cấp dịch vụ và công nhân xếp dỡ để đa dạng hóa và đảm bảo chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng được thông suốt và hiệu quả; Đầu tư thêm các thiết bị xếp dỡ chủ lực nhằm nâng cao năng suất và an toàn lao động; Chủ động khai thác tối đa cơ sở hạ tầng trong Công ty

Chiến lược kinh doanh

PDN chú trọng đến việc kinh doanh xoay quanh giá trị lõi của Công ty: khai thác cảng biển, kinh doanh dịch vụ logistics, ICD. Việc mở rộng phạm vi kinh doanh đảm bảo đúng các tiêu chí về giá trị cốt lõi và lợi thế của PDN

Thực hiện chiến lược mở rộng liên kết và thuê ngoài những dịch vụ không phải là thế mạnh nhằm gia tăng chất lượng cung cấp dịch vụ, tiết kiệm chi phí đối với những dịch vụ không phải là thế mạnh của Công ty và linh hoạt mở rộng các loại hình dịch vụ đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng

Trong năm 2018, PDN tập trung nguồn lực cho việc phát triển:

- ☞ Dịch vụ ICD, Logistics nhằm đáp ứng được nhu cầu giảm tải cho các cảng tọa lạc trong TP.HCM đang lên quy hoạch di dời cũng như giảm áp lực giao thông cho khu vực Cảng Cát Lái Quận 2 - TP.HCM theo đúng tinh thần của Đoàn công tác Chính phủ làm việc với TP.HCM và các tỉnh Đông Nam Bộ cuối quý 3/2017; Tích cực đôn đốc các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan để nhanh chóng hoàn thành các dự án đã triển khai thực hiện nhằm tăng cường năng lực lưu trữ, thông qua để đáp ứng được nhu cầu của các đơn vị sản xuất kinh doanh trong địa bàn

- ☞ Nâng cao khả năng tiếp nhận lượng tàu 20.000 - 30.000DWT tại khu vực Gò Dầu thông qua việc nâng cấp các cầu cảng có sẵn nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của việc sử dụng đội tàu này trong hoạt động vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu. Tiếp tục tìm kiếm nguồn tài chính để xây dựng và bổ sung thêm khả năng tiếp nhận các phương tiện vận chuyển trong khoảng 20.000 - 30.000DWT

- ☞ Gia tăng năng lực cạnh tranh thông qua việc nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng, kéo dài và hoàn thiện chuỗi cung ứng dịch vụ logistics, quản trị chi phí để đảm bảo năng lực cạnh tranh trên thị trường

- ☞ Kết hợp với Hải Quan Đồng Nai thực hiện thông quan tại Cảng Đồng Nai, góp phần giảm thời gian thủ tục, chi phí của doanh nghiệp trong quá trình thực hiện nghiệp vụ xuất nhập khẩu hàng hóa phục vụ sản xuất kinh doanh
- ☞ Thực hiện chiến lược mở rộng liên kết và thuê ngoài những dịch vụ không phải là thế mạnh nhằm gia tăng chất lượng cung cấp dịch vụ, tiết kiệm chi phí đối với những dịch vụ không phải là thế mạnh của PDN và linh hoạt mở rộng các loại hình dịch vụ đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng

Mở rộng, phát triển dịch vụ mới, thị trường mới

PDN đang triển khai các dự án hoàn thiện cơ sở hạ tầng và mở rộng phạm vi của chuỗi logistics cung cấp cho khách hàng; Tập trung khai thác dịch vụ chuỗi nội địa (tuyến Bắc-Nam) và dịch vụ từ kho tới tàu mẹ cho các khách hàng trong quy hoạch phạm vi tác động của PDN

Mở rộng, phát triển đa dạng hóa các dịch vụ logistics và hoàn thiện chuỗi cung cấp dịch vụ, đầu tư xây dựng hệ thống kho tại khu vực Long Bình Tân và Gò Dầu

Tập trung khai thác tiềm năng của các thị trường tại Lâm Đồng, Bình Thuận, Bình Dương và phía Bắc Tp.HCM

Tiếp tục khai thác thêm các phân khúc còn lại của thị trường Đồng Nai nhằm tăng sản lượng thông qua cảng của nhóm đối tượng khách hàng chưa sử dụng các dịch vụ của PDN

Đẩy mạnh quảng bá thương hiệu

Trong năm 2017, Công ty đã thực hiện nhiều hình thức quảng bá thương hiệu trên các phương tiện thông tin đại chúng

Quảng cáo trên các tạp chí, trang website của các Hiệp hội trong ngành logistics

Tài trợ cho các chương trình phát sóng trong tỉnh

Ngoài ra, PDN cũng tham gia nhiều chương trình xã hội nhằm chia sẻ khó khăn, động viên tinh thần hiếu học của các em học sinh nghèo vùng sâu vùng xa, xây dựng nhà tình thương...

Trong năm qua, PDN tập trung nhiều vào công tác đẩy mạnh thương hiệu tập trung tại khu vực Đồng Nai, chăm sóc khách hàng, duy trì củng cố quan hệ với

các hiệp hội, cơ quan ban ngành, đưa thông tin lên các báo tạp chí tiềm năng trong mảng xuất nhập khẩu như:

- ☞ Đưa hình ảnh, thương hiệu Cảng đến các báo, tạp chí tiềm năng trong mảng kinh tế xuất nhập khẩu như: Tạp chí Việt Nam logistics review, tạp chí Thương mại Hàng hải, báo Diễn Đàn Doanh Nghiệp, Hiệp hội đại lý môi giới hàng hải, Báo Hải quan, v.v...
- ☞ Phối hợp tham gia các sự kiện tại Đồng Nai: Đưa hình ảnh Cảng đến các sự kiện tại khu vực Cảng Đồng Nai như: Đối thoại doanh nghiệp FDI Đài Loan, Nhật Bản tại Đồng Nai, hội nghị của VCCI, hội nghị của đại diện WTO tại Việt Nam về Logistics tại TP.HCM
- ☞ Giới thiệu hình ảnh, trưng bày brochure tại các khu công nghiệp trong khu vực Đồng Nai
- ☞ Ngoài ra, PDN cũng tham gia nhiều chương trình xã hội nhằm chia sẻ khó khăn, động viên tinh thần hiếu học của các em học sinh nghèo vùng sâu vùng xa, xây dựng nhà tình thương...

Dự kiến trong năm 2018, ngoài các việc duy trì các hoạt động như trong 2017, PDN lên kế hoạch triển khai các hoạt động sau:

- ☞ Hệ thống hóa các hoạt động chăm sóc khách hàng bằng việc áp dụng công nghệ vào quản lý
- ☞ Duy trì việc thăm hỏi và tìm hiểu nhu cầu của khách hàng thường xuyên nhằm nắm bắt nhu cầu và cân nhắc việc lôi kéo cũng như phát triển dịch vụ nhằm đáp ứng sự thay đổi trong nhu cầu về dịch vụ của khách hàng
- ☞ Triển khai hoạt động Digital marketing nhằm thu thập thông tin khách hàng tiềm năng, từ đó có hướng tiếp cận và biện pháp triển khai bán hàng đạt hiệu quả
- ☞ Tổ chức nghiên cứu thị trường để đưa ra những định hướng mục tiêu thị trường phù hợp
- ☞ Tham gia các Hiệp hội, Trung tâm xúc tiến thương mại để nắm bắt các xu hướng hàng hóa, luồng luân chuyển và sản lượng hàng hóa lưu thông từ đó định hướng đầu tư các nguồn lực để khai thác tốt nguồn hàng mục tiêu

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Kế hoạch sản xuất kinh doanh

Để thực hiện tốt Tầm nhìn và Sứ mệnh mà HĐQT giao phó, Ban Tổng Giám đốc đã đề ra phương hướng hành động trong giai đoạn 2016 - 2020 như sau:

- ☞ Về hoạt động SXKD: Đẩy mạnh tăng trưởng hoạt động SXKD cốt lõi theo hướng đầu tư mạnh cả chiều sâu và chiều rộng, phát triển thêm dịch vụ mới, thị trường mới (khai thác cảng, ICD và Kho vận Logistics)
- ☞ Về nhân lực: Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng sự phát triển các dự án của PDN, chuẩn hóa nghiệp vụ và ngoại ngữ, gắn liền đãi ngộ thông qua việc thực hiện đánh giá theo KPIs, kỷ luật và trách nhiệm
- ☞ Về công nghệ: Ứng dụng công nghệ thông tin gắn liền với hoạt động sản xuất
- ☞ Về cơ sở hạ tầng:
 - ✓ Khu vực Gò Dầu: hoàn thiện nâng cấp bến tàu A3 và B3 lên 30.000DWT và đưa vào khai thác kể từ Quý 2 năm 2018 cùng trang thiết bị; Đầu tư mới bến tàu B5 (30.000 DWT) và các thiết bị kèm theo
 - ✓ Khu vực Long Bình Tân: mở rộng thêm 50m cầu tàu để đón đầu lượng hàng hóa sau khi các ICD trong TP.HCM di dời ra khỏi trung tâm thành phố, đồng thời tăng cường khai thác nguồn hàng mới tại các KCN lân cận nhằm đáp ứng lượng hàng xếp dỡ thông qua cảng ngày càng gia tăng, giảm thiểu chi phí, thời gian cho khách hàng khi sử dụng dịch vụ tại PDN. Mục tiêu hoán đổi 1,0ha bãi cho VT-Gas để đưa vào khai thác bãi container

Năm 2018 Công ty xây dựng kế hoạch từ khảo sát, đánh giá về tăng trưởng nhu cầu luân chuyển hàng hóa trong năm. Đồng thời lập kế hoạch dựa trên sự cân đối khả năng đầu tư mở rộng cơ sở hạ tầng bến cảng, kho bãi và đa dạng hóa các dịch vụ logistics

Công tác tổng hợp các yếu tố thuận lợi và khó khăn cũng đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng và xem xét tính khả thi của kế hoạch năm 2018. Về mặt thuận lợi, Công ty tận dụng những lợi thế về vị trí địa lý, đặc điểm tự nhiên về luồng lạch, lượng khách hàng lớn và ổn định qua nhiều năm. Ban lãnh đạo và đội ngũ CB-CNV luôn nỗ lực lao động theo tư duy đổi mới, năng động và có kinh nghiệm lâu năm trong ngành

Hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ cho nhu cầu của khách hàng, đảm bảo cải thiện chất lượng dịch vụ tăng hơn so với năm 2017. Mở rộng phạm vi và quy mô của dịch vụ logistics nhằm đem lại giá trị gia tăng cho khách hàng và từng bước xây dựng phong cách làm việc chuyên nghiệp hơn

Phân tích thị trường mục tiêu, đánh giá các yếu tố thuận lợi và khó khăn, từ đó có các phương án thực hiện kế hoạch và xem xét dự phòng các rủi ro cũng như có các biện pháp để phân đấu đạt được kế hoạch đã xây dựng trong năm 2018

Giải pháp thực hiện

Giải pháp trong hoạt động kinh doanh

Tiếp tục tiến hành nghiên cứu thị trường tổng hợp dữ liệu, đánh giá, phân tích nhu cầu khách hàng, từ đó tận dụng tất cả các nguồn lực bên trong và bên ngoài để mở rộng thị trường, kết hợp hoạt động với các hiệp hội, công ty forwarder và các công ty vận tải để gia tăng khả năng mở rộng khách hàng mới, xây dựng chương trình chăm sóc khách hàng phù hợp trong từng phân khúc và áp dụng chính sách giá theo phân khúc tương ứng, áp dụng chính sách thưởng phạt với hợp đồng nhà thầu phụ và hợp đồng xếp dỡ với khách hàng

Gia tăng khai thác sản lượng đối với các hãng tàu, các khách hàng trong thị trường mục tiêu sử dụng dịch vụ của các hãng tàu

Tận dụng tất cả các nguồn lực bên trong và bên ngoài để mở rộng thị trường, kết hợp hoạt động với các Hiệp hội, Công ty forwarder và các Công ty vận tải để gia tăng khả năng mở rộng khách hàng mới. PDN đẩy mạnh hoạt động mở rộng thị trường bằng hình ảnh thương hiệu uy tín PDN, phát triển dịch vụ bán cước vận tải biển nội địa và quốc tế

Tiếp tục phát triển mảng kinh doanh ngành dịch vụ logistics tại khu vực Long Bình Tân bằng việc tìm kiếm nguồn hàng từ các khách hàng tiềm năng trong khu vực, tăng cường giới thiệu và quảng bá đến các đối tượng có nhu cầu sử dụng dịch vụ

Xây dựng chính sách hoa hồng và chính sách môi giới cạnh tranh nhưng vẫn đảm bảo hiệu quả hoạt động kinh doanh

Giải pháp trong hoạt động sản xuất

Tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ thông qua việc đào tạo cán bộ tác nghiệp, đầu tư máy móc thiết bị hiện đại và ứng dụng công nghệ thông tin nhằm đáp ứng nhu cầu khách hàng

Tăng năng suất tác nghiệp cả hàng hóa tổng hợp và hàng container, phấn đấu vượt kế hoạch đề ra

Nâng cao tinh thần trách nhiệm, xây dựng thái độ sẵn sàng phục vụ khách hàng và giải đáp các thông tin khi khách hàng có nhu cầu, kịp thời chấn chỉnh tác phong và mức độ tuân thủ nội quy của công nhân và nhân viên

Tăng cường năng lực điều phối của cấp quản lý trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến khách hàng, nhà thầu cũng như các vấn đề phát sinh khác trong khu vực sản xuất

Bố trí hợp lý các thiết bị sản xuất nhằm gia tăng hiệu quả khai thác tài sản của Công ty

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Không có

6. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường & xã hội của công ty

Trách nhiệm về môi trường

Ý thức bảo vệ môi trường, sử dụng tiết kiệm năng lượng, duy trì cảnh quan xanh - sạch - đẹp và thu hút giải quyết công ăn việc làm cho nhân dân địa phương

Đóng góp vào sự phát triển kinh tế sở tại là những tiêu chí hàng đầu của PDN bên cạnh hiệu quả sản xuất kinh doanh

Trách nhiệm của doanh nghiệp đối với xã hội

Trải qua hơn một phần tư thế kỷ, PDN không ngừng nỗ lực để đảm đương cả hai sứ mệnh: đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng, xã hội đồng thời gia tăng lợi ích cho chính doanh nghiệp và các bên hữu quan. Cộng đồng bên trong PDN chính là đội ngũ CB-CNV và cộng đồng chung quanh PDN chính là cổ đông, khách hàng, đối tác mà rộng hơn là sự hỗ trợ từ phía các cơ quan, ban ngành

cùng nhiều thành phần trong xã hội. Với tinh thần trách nhiệm cao nhất hướng đến cộng đồng cả bên trong và bên ngoài Công ty, PDN xác định rõ trách nhiệm của Công ty như sau:

☞ Đảm bảo việc làm ổn định và chế độ đãi ngộ đối với người lao động:

Trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực, PDN xác định: Mọi người lao động không phân biệt giới tính, trình độ, tuổi tác... đều được đối xử công bằng, được tạo mọi điều kiện tốt nhất để làm việc, cống hiến, đề bạt tương xứng với thành quả đạt được thông qua các chế độ, chính sách đối với người lao động. Đời sống CB-CNV và gia đình được quan tâm đúng mức, môi trường làm việc an toàn, thân thiện, chuyên nghiệp, hợp tác dựa trên nền tảng văn hóa Công ty

PDN tuân thủ chặt chẽ các quy định của Luật lao động, xây dựng thang bảng lương phù hợp và thực hiện đầy đủ các chế độ về BHXH, BHYT, BHTN, động viên tinh thần CB-CNV thông qua các hoạt động team building, du lịch, dã ngoại, hội thao, hội diễn văn nghệ, v.v... Môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện, đồng lòng và đoàn kết cao, góp phần nâng cao vai trò làm chủ của người lao động và tạo động lực không ngừng phấn đấu trong hoạt động sản xuất kinh doanh vì lợi ích chung

☞ Trách nhiệm trong cung cấp dịch vụ:

Cầu thị, tận tâm, chuyên nghiệp, hợp tác và chia sẻ trên cơ sở các bên cùng có lợi chính là kim chỉ nam trong việc cung cấp dịch vụ của PDN

Kinh doanh trong điều kiện thị trường có nhiều biến động, tăng giảm theo “hơi thở” thị trường và sức cạnh tranh ngày càng gay gắt, PDN luôn có những phương án dự phòng, phối hợp, hỗ trợ đối tác, khách hàng trong những giai đoạn khó khăn và giải quyết những tình huống phát sinh trên cơ sở cầu thị, chia sẻ và hợp tác. Tinh thần trách nhiệm, tận tâm, chuyên nghiệp, cam kết cao trong cung ứng dịch vụ chính là chất keo gắn kết giữa PDN với khách hàng, đối tác và trở thành nhân tố quyết định thành công của Công ty trong những năm qua cũng như thời gian tới

☞ Mang lại lợi ích kinh tế cho Cổ đông:

Bên cạnh việc đóng góp cho xã hội và cho ngành, một trong những nhiệm vụ hàng đầu của doanh nghiệp là mang lại lợi ích kinh tế cho Cổ đông và các bên hữu quan

Trách nhiệm xã hội đối với cộng đồng

Thực hiện cam kết trong chiến lược phát triển bền vững, trong đó không những duy trì môi trường phát triển kinh doanh ổn định, minh bạch, phát triển mà còn quan tâm đến trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, chung tay chia sẻ vì cộng đồng

Nhiều năm qua, PDN không những tạo ra những giá trị về mặt kinh tế, cung cấp việc làm ổn định cho hàng trăm người lao động và đóng góp tích cực vào ngân sách quốc gia mà còn góp phần chung tay với Tổng công ty Sonadezi và nhiều đơn vị trong ngoài tỉnh thực hiện các chương trình từ thiện, đền ơn đáp nghĩa, giúp đỡ người già neo đơn, trẻ em bất hạnh, cấp học bổng cho học sinh nghèo, hỗ trợ dụng cụ học tập mỗi dịp khai trường để cùng các bậc phụ huynh tiếp sức cho các em đến trường. Những chuyến đi từ thiện đến các vùng sâu, vùng xa là động lực và bài học về tình người sâu sắc đọng lại trong tâm trí mỗi CB-CNV của PDN nhằm duy trì và phát huy truyền thống tương thân tương ái và ý thức trách nhiệm đối với cộng đồng



PHẦN IV

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty
Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2017 PDN đã đạt được kết quả kinh doanh cao nhất so với nhiều năm qua, các chỉ tiêu do ĐHĐCĐ giao được hoàn thành một cách ấn tượng nhất, đây cũng là bước đi thứ hai cho giai đoạn 5 năm của HĐQT nhiệm kỳ III (2016 – 2020). Cụ thể, chỉ tiêu LNTT vượt **18,08%** so kế hoạch năm, vượt **19,00%** so cùng kỳ

HĐQT đánh giá cao sự điều hành linh hoạt, quyết liệt, kịp thời của Ban Tổng Giám đốc để đạt được những kết quả sản xuất kinh doanh tốt. Ban Tổng Giám đốc cũng đã thực thi một cách hiệu quả các Nghị quyết của HĐQT, các biện pháp quản trị, tăng cường nguồn nhân lực, chú trọng đến khâu cán bộ, tổ chức Hội nghị khách hàng. Bên cạnh đó, các hoạt động về môi trường đã được triển khai tốt, công tác xã hội, cứu trợ được quan tâm kịp thời, mang lại lợi ích đích thực cả về vật chất và tinh thần đối với đồng bào có hoàn cảnh khó khăn ở nhiều vùng miền trong năm qua

Về công tác giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Trong năm qua Ban Tổng Giám đốc đã chỉ đạo thực hiện tốt các hoạt động liên quan đến trách nhiệm bảo vệ môi trường và tham gia nhiều hoạt động mang nhiều lợi ích cho xã hội

Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện tốt các mặt quản trị nhân sự đồng bộ với các khâu sản xuất kinh doanh, kiện toàn bộ máy, tăng cường hoạt động logistics và khâu Sales & Marketing của Công ty, thực hiện tốt công tác môi trường và xã hội, nâng cao uy tín và thương hiệu PDN trên thị trường

Đối với công tác đầu tư xây dựng cơ bản và đền bù giải tỏa

Dựa trên kế hoạch đề ra và được phê duyệt, tổng mức chi phí đầu tư xây dựng cơ bản và đền bù giải tỏa của Công ty tại thời điểm cuối năm 2016 là **81.793** triệu đồng. Trong đó gồm các hạng mục đầu tư lớn như:

Tại khu vực Gò Dầu

- ☞ Đầu tư hoàn thiện hệ thống đường bãi, hệ thống PCCC cho cầu cảng khu A và khu B, hệ thống đường dây điện và trạm biến áp

Tại Long Bình Tân

- ☞ Thực hiện công tác đền bù giải tỏa cho các hộ dân thuộc diện giải tỏa
- ☞ Công trình san lấp thi công diện tích 1,2ha
- ☞ Triển khai công trình mương thoát nước chung

Đối với chủ trương tài chính

HĐQT đã phê chuẩn chấp thuận các chủ trương vay tăng thêm vốn trung hạn để phục vụ công tác đầu tư xây dựng cơ bản

Trong năm 2017, Ban tổng giám đốc đã chỉ đạo bộ phận tài chính kế toán hoàn thành tốt nhiệm vụ và chức năng của đơn vị mình. Đối với công tác quản lý nguồn vốn luân chuyển, tình hình công nợ luôn được chú trọng theo dõi sát sao nhằm gia tăng hiệu quả sử dụng dòng tiền và quản trị rủi ro, thực hiện trích lập dự phòng các khoản phải thu theo đúng quy định của pháp luật

Đối với công tác hoạch định đầu tư, các dự án đầu tư lớn trong năm đều được tính toán kỹ lưỡng nhằm đảm bảo cân đối giữa tính hiệu quả của dự án và chi phí sử dụng vốn, đảm bảo dòng tiền khả dụng kịp thời theo tiến độ xây dựng của dự án

Phối hợp, hỗ trợ trong công tác công bố thông tin theo quy định của các Công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán

Đối với công tác tổ chức và nhân sự

Trong năm HĐQT chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc triển khai nhiều công tác nhân sự quan trọng, đã làm việc với các cán bộ lãnh đạo chủ chốt đẩy mạnh công tác tìm kiếm bồi dưỡng cán bộ kế cận, cán bộ tiềm năng ở các cấp. Ban tổng giám đốc cũng đã chỉ đạo tăng cường hoạt động quản trị rủi ro và quản trị tập trung

Công tác tuyển dụng, điều chuyển, bổ nhiệm nhân sự hợp lý, đảm bảo đúng người đúng việc, tạo ra hiệu quả công việc cao. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc còn chỉ đạo thực hiện nhiều chính sách đãi ngộ, thu hút nhân tài. Các chính sách trả lương, thưởng đảm bảo theo đúng quy chế, tạo ra động lực phấn đấu cho từng cá nhân, đồng thời xây dựng cơ chế đánh giá KPI cho Ban lãnh đạo và toàn thể CB-CNV

Với cơ cấu tổ chức được HĐQT phê duyệt gồm 01 Tổng Giám đốc và 02 Phó Tổng Giám đốc, Ban Tổng Giám đốc đã phát huy được năng lực quản lý, điều hành phụ trách có hiệu quả các mảng hoạt động sản xuất kinh doanh chính trong địa bàn tỉnh Đồng Nai và các địa bàn lân cận

Đối với trách nhiệm môi trường và xã hội

Xây dựng môi trường làm việc năng động, khoa học cùng với chính sách đào tạo phát triển nguồn nhân lực liên tục nhằm khai thác năng lực của từng CB-CNV

Đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định cho CB-CNV

Thường xuyên thực hiện công tác xã hội từ thiện hỗ trợ cộng đồng trong và ngoài tỉnh

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

Nhằm kịp thời chỉ đạo tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong sản xuất kinh doanh, tiến độ các dự án, tại mỗi cuộc họp HĐQT định kỳ/ đột xuất luôn có sự tham dự của Tổng Giám đốc để được trực tiếp tiếp thu các ý kiến chỉ đạo của HĐQT và triển khai thực hiện kịp thời, mang lại hiệu quả cao cho mọi hoạt động trong Công ty

Đối với PDN, Ban lãnh đạo cùng đội ngũ CB-CNV luôn cùng nhau nỗ lực phấn đấu, cải tiến chính sách quản lý, chính sách bán hàng và đa dạng hóa sản phẩm

dịch vụ, dẫn đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2017 đạt được kết quả tốt đẹp. Nhìn chung, Ban Tổng Giám đốc trong năm đã thể hiện được năng lực tốt, thực hiện các giải pháp kịp thời, đồng bộ, linh hoạt giúp Công ty duy trì hoạt động an toàn, ổn định và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu được ĐHCĐ giao

- ✓ Sản lượng khai thác hàng tổng hợp: 5.673.905 tấn, tăng 26% so cùng kỳ 2016
- ✓ Sản lượng khai thác container: 435.738 teus, tăng 16% so cùng kỳ 2016
- ✓ Doanh thu thuần: 517.500 triệu đồng, tăng 22,65% so cùng kỳ 2016
- ✓ Lợi nhuận trước thuế: 85.014 triệu đồng, tăng 19,00% so cùng kỳ 2016

Hàng tháng theo định kỳ hoặc đột xuất, Ban Tổng Giám đốc tổ chức các cuộc họp giao ban cùng với các bộ phận có sự tham gia của các thành viên HĐQT để cùng lắng nghe và chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc các vấn đề liên quan đến định hướng và biện pháp tháo gỡ các khó khăn về việc triển khai dự án, vấn đề tài chính, các hoạt động trong toàn công ty

Hội đồng Quản trị ghi nhận Ban Tổng Giám đốc đã có sự chuẩn bị chu đáo phương án ứng phó trước những biến động khó lường trên thị trường nói chung và những khó khăn đặc thù của ngành nói riêng. Ban Tổng Giám đốc đã nắm bắt kịp thời những chuyển biến về kinh tế vĩ mô, sự biến động về giá, kịp thời đưa ra những quyết sách, tạo động lực cho tập thể CB-CNV cùng chung sức, đoàn kết, nhất trí đưa Công ty vượt qua mọi khó khăn. Đây là sự thành công của Công ty trong năm qua, trong đó có sự đóng góp đáng ghi nhận của Ban Tổng Giám đốc

Hiện tại Ban Tổng Giám đốc đã xây dựng hoàn tất và áp dụng quy trình lập kế hoạch ngân sách để kiểm soát các hoạt động sản xuất kinh doanh, dự báo các vấn đề phát sinh và tìm ra các giải pháp dự phòng một cách chủ động. Ngoài ra, kế hoạch này còn giúp Công ty chủ động hoạch định nguồn lực tài chính, nhân lực, đầu tư đáp ứng nhu cầu phát triển, cụ thể:

Toàn Công ty được phân chia thành các cụm chi phí và doanh thu để phân trách nhiệm cụ thể cho các phòng ban

Thiết lập cây thư mục sản phẩm theo 2 ngành hàng chủ lực: Tổng hợp, Container – Kho vận logistics

Quy trình các phòng ban cũng được hệ thống hóa và kiểm soát chặt chẽ

Lập Ban kiểm soát nội bộ trực thuộc Tổng Giám đốc để thực hiện công tác tự kiểm soát, kiểm soát nội bộ và giám sát chặt chẽ theo chỉ đạo của Tổng Giám đốc tại các khu vực, đảm bảo hoạt động hiệu quả

3. Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

Thực hiện các trách nhiệm và quyền hạn của HĐQT theo điều lệ và phù hợp với mô hình quản trị PDN. Năm 2018, HĐQT sẽ tập trung chỉ đạo để hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh được ĐHCĐ phê duyệt; triển khai đúng tiến độ các dự án trọng điểm và tiếp tục thực hiện chiến lược tầm nhìn 2020, cụ thể:

Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 2018

Mặc dù có một số tín hiệu tốt về nền kinh tế, gia tăng thêm một số thuận lợi trong bối cảnh khó khăn chung, nhưng bên cạnh đó tiềm tàng nhiều bất ổn từ các chính sách của các cường quốc có thể ảnh hưởng trực tiếp đến lượng hàng hóa xuất nhập khẩu, hàng hải, sản xuất hàng hóa trong nước.

Dự kiến doanh thu và lợi nhuận của PDN trong năm 2018 sẽ tiếp tục là một thách thức do thị trường vận tải biển vẫn chưa hồi phục. Để thực hiện được hai chỉ tiêu quan trọng này, HĐQT sẽ tăng cường chỉ đạo và phối hợp với Ban Tổng Giám đốc để có các quyết định linh hoạt, nhanh chóng bắt kịp được các thay đổi của thị trường. Kế hoạch dự kiến (*) năm 2018 như sau:

- ☞ Doanh thu: **540** tỷ đồng
- ☞ Lợi nhuận sau thuế TNDN: **81,9** tỷ đồng

(*): Kế hoạch chi tiết sẽ được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

Triển khai dự án trọng điểm năm 2018

Dự kiến trong năm 2018, với định hướng trở thành trung tâm hậu cần của các tỉnh Miền Đông Nam Bộ, PDN tiếp tục hoàn thiện nâng cấp bến tàu A3 (20.000DWT) và bến tàu B3 (30.000DWT) và đưa vào khai thác kể từ Quý 2 năm 2018, trang thiết bị, đầu tư mới bến tàu 30.000 DWT, các thiết bị kèm theo tại Cảng Gò Dầu và mở rộng thêm 50m cầu tàu tại Cảng Long Bình Tân để đón đầu lượng hàng hóa sau khi các ICD trong TP.HCM di dời ra khỏi trung tâm thành phố, đồng thời tăng cường khai thác nguồn hàng mới tại các KCN lân cận nhằm đáp ứng lượng hàng xếp dỡ thông qua cảng ngày càng gia tăng, giảm thiểu chi phí, thời gian cho khách hàng khi sử dụng dịch vụ tại PDN

Triển khai chiến lược tầm nhìn đến năm 2020:

Năm 2018 là năm thứ hai thực hiện kế hoạch trung hạn 5 năm PDN tầm nhìn đến năm 2020. Để tiếp tục kế hoạch này, HĐQT sẽ tiếp tục triển khai các công việc về đầu tư, quản trị, tổ chức bộ máy và các chủ trương quan trọng khác, chính sách thu hút cán bộ giỏi, tạo động lực để khuyến khích người lao động thực hiện các mục tiêu đã đề ra



PHẦN V

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát


1. Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị

Các thành viên HĐQT tại Công ty gồm 01 Chủ tịch HĐQT - là Người đại diện theo pháp luật của Công ty, 01 Phó Chủ tịch và 03 thành viên, trong đó có 02 thành viên tham gia quản lý điều hành PDN

| | |
|---|--|
|  | <p>ÔNG TRẦN THANH HẢI Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ 08/1994 – 09/1995: Nhân viên Phòng Thiết kế - Kỹ thuật - Xí nghiệp xây lắp CN thuộc Công ty Phát triển KCN Biên Hòa ▪ 09/1995 – 07/2000: Nhân viên Bộ phận phát triển hạ tầng - Công ty Phát triển KCN Biên Hòa ▪ 07/2000 – 01/2002: Tổ trưởng Tổ Phát triển hạ tầng - Công ty Phát triển KCN Biên Hòa ▪ 01/2002 – 12/2002: Phó Phòng Kinh doanh - Công ty Phát triển KCN Biên Hòa ▪ 01/2003 – 12/2003: Phó phòng Phụ trách Phòng Kỹ thuật - Công ty Phát triển KCN Biên Hòa |
|---|--|

| | |
|--|--|
| | <ul style="list-style-type: none"> ▪ 01/2004 – 09/2005: Phó Giám đốc Xí nghiệp Phát triển nhà Sonadezi - Công ty Phát triển KCN Biên Hòa ▪ 09/2005 – 12/2005: Phó Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Địa ốc Sonadezi ▪ 01/2006 – 05/2007: Phó Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Sonadezi Long thành ▪ 05/2007 – 07/2007: Chuyên viên Phòng Dự án - Công ty Phát triển KCN Biên Hòa ▪ 07/2007 – 09/2007: Tổng Giám đốc - Công ty CP PT hạ tầng Sonadezi ▪ 09/2007 – 11/2007: Phó Tổng Giám đốc - Công ty CP Sonadezi Châu Đức ▪ 12/2007 – 10/2008: Trưởng Ban Chuẩn bị Dự án kiêm Trưởng Ban Phát triển hạ tầng - Công ty Phát triển KCN Biên Hòa ▪ 11/2008 – 06/2010: Phó Tổng Giám đốc - Công ty Phát triển KCN Biên Hòa ▪ 07/2010 – 11/2010: Phó Tổng Giám đốc - Tổng Công ty Phát triển KCN (Sonadezi) ▪ 11/2010- 01/2016: TV- HĐQT, Phó Tổng Giám đốc, Phó Bí thư Chi bộ 2 thuộc Đảng bộ Tổng công ty Phát triển KCN - Tổng công ty Phát triển KCN (Sonadezi) ▪ 02/2016 -15/03/2016: Thành viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty CP Phát triển KCN (Sonadezi) ▪ 15/03/2016 đến nay: Thành viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty CP Phát triển KCN (Sonadezi) kiêm Chủ tịch HĐQT người đại diện theo pháp luật của Công ty CP Cảng Đồng Nai <p>☞ Tỷ lệ cổ phiếu đại diện Tổng Công ty CP Phát triển KCN là 21%</p> |
| | <p>ÔNG ĐỖ VĂN SÂM Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>(Đã công bố trong mục Ban Điều Hành)</p> |

| | |
|---|--|
|  | <p>ÔNG PHAN TRỌNG DŨNG Thành viên Hội đồng quản trị</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ 06/1994 – 09/1995 Chuyên viên Quản lý Tài chính doanh nghiệp Sở tài chính Đồng Nai. ▪ 09/1995 – 10/1999 Phó phòng Nghiệp vụ I Cục quản lý Vốn – Tài sản Nhà Nước tại DN Đồng Nai. ▪ 10/1999 – 5/2004 Phó phòng Nghiệp vụ I Chi cục Tài chính doanh nghiệp Đồng Nai. ▪ 5/2004 – 2/2006 Phó phòng Kế hoạch tổng hợp Quỹ đầu tư phát triển Đồng Nai. ▪ 2/2006 – 12/2015: Thành viên HĐQT Công ty CP Cảng Đồng Nai, Phó Giám đốc Quỹ đầu tư phát triển Tỉnh Đồng Nai. ▪ 12/2015 – nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Cảng Đồng Nai, Giám đốc Quỹ đầu tư phát triển T.Đồng Nai <p>☞ <i>Tỷ lệ cổ phiếu đại diện Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai 3,75%</i></p> |
| | <p>ÔNG HUỲNH NGỌC TUẤN Thành viên Hội đồng quản trị <i>(Đã công bố trong mục Ban Điều Hành)</i></p> |
|  | <p>ÔNG NGUYỄN THANH TÙNG Thành viên Hội đồng quản trị</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Từ năm 2001 – 2006: Phó phòng Nguồn vốn/ Phụ trách phòng tín dụng doanh nghiệp, Ngân hàng liên doanh VinaSiam ▪ Từ năm 2006 – 2007: Chuyên viên phân tích đầu tư cổ phiếu, Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt ▪ Từ tháng 6/2007 đến nay: Trưởng phòng phân tích đầu tư/ Giám đốc đầu tư/Phó Tổng Giám Đốc, Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI ▪ Từ 15/3/2016 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Cảng Đồng Nai <p>☞ <i>Tỷ lệ cổ phiếu đại diện Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn 20%</i></p> |

Căn cứ danh sách cổ đông chốt ngày 17/01/2018, số lượng cổ phần của Công ty do các thành viên HĐQT nắm giữ như sau:

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Đại diện Sở hữu | CP Nắm giữ | Tổng Cộng | Tỷ lệ % | Ghi chú |
|-----|-----------------------|-------------------|-----------------|------------|-----------|---------|--------------------|
| 1 | Ông Trần Thanh Hải | Chủ tịch HĐQT | 2.593.086 | - | 2.593.086 | 21 | Đại diện pháp luật |
| 2 | Ông Đỗ Văn Sâm | Phó Chủ tịch HĐQT | 1.234.798 | 57.216 | 1.292.014 | 10,46 | Điều hành |
| 3 | Ông Huỳnh Ngọc Tuấn | Thành viên HĐQT | 1.234.798 | 2.520 | 1.237.318 | 10,02 | Điều hành |
| 4 | Ông Phan Trọng Dũng | Thành viên HĐQT | 462.504 | - | 462.504 | 3,75 | |
| 5 | Ông Nguyễn Thanh Tùng | Thành viên HĐQT | 2.470.251 | - | 2.470.251 | 20 | |

Số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác

| STT | Họ và tên | Số lượng chức danh TV.HĐQT tại Công ty khác | Tên công ty |
|-----|-----------------------|---|---|
| 1 | Ông Trần Thanh Hải | 2 | - Công ty CP Phát triển Khu Công nghiệp - Công ty CP Đầu tư Quốc lộ 91 Cần Thơ – An Giang |
| 2 | Ông Đỗ Văn Sâm | 2 | - Công ty CP Cảng Long Thành - Công ty CP Dịch vụ Cảng Đồng Nai |
| 3 | Ông Nguyễn Thanh Tùng | 3 | - Công ty CP Viglacera Hạ Long - Công ty CP khử trùng Việt Nam - Công ty CP phục vụ mặt đất Sài Gòn |
| 4 | Ông Phan Trọng Dũng | 2 | - Công ty CP Sonadezi Long Bình - Công ty CP Đồng Tiến |

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Không có

Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017

Căn cứ Luật doanh nghiệp hiện hành, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và tình hình yêu cầu thực tế của Công ty, trong năm 2017 HĐQT đã tổ chức 10 cuộc họp. Ngày họp, danh sách thành viên tham dự, nội dung và các Nghị quyết của kỳ họp được công bố chi tiết trong “Báo cáo quản trị công ty năm 2017” được đăng tải trên website công ty www.dongnai-port.com mục “Quan hệ

cổ đông” để xem xét và giải quyết kịp thời các công việc thuộc trách nhiệm của HĐQT. Các Nghị quyết và Quyết định được ban hành như sau:

| STT | Số NQ/QĐ | Ngày | Kết quả |
|-----|--|------------|---|
| 1 | Nghị quyết HĐQT số: 03/2017/NQ- HĐQT | 12/01/2017 | Chốt danh sách tạm ứng cổ tức bằng tiền đợt 1.2016 |
| 2 | Quyết định HĐQT Số: 10/2017/NQ- HĐQT | 14/02/2017 | Thông nhất thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 |
| 3 | Nghị quyết HĐQT số: 20/2017/NQ- HĐQT | 22/03/2017 | - Thông nhất tái bổ nhiệm ông Nguyễn Ngọc Tuấn giữ chức vụ Tổng Giám đốc điều hành thời hạn 2 năm kể từ ngày 25/3/2017 - Thông nhất các chỉ tiêu KH năm 2017 |
| 4 | Quyết định HĐQT số: 21/2017/NQ- HĐQT | 22/03/2017 | Tái bổ nhiệm ông Nguyễn Ngọc Tuấn giữ chức vụ Tổng Giám đốc điều hành thời hạn 2 năm kể từ ngày 25/3/2017 |
| 5 | Quyết định HĐQT 22/2017/QĐ- HĐQT | 22/03/2017 | Quyết toán quỹ tiền lương năm 2016 |
| 6 | Quyết định HĐQT 23/2017/QĐ- HĐQT | 22/03/2017 | - Phê duyệt quỹ tiền lương kế hoạch năm 2017 |
| 7 | Nghị quyết HĐQT 24/2017/NQ- HĐQT | 22/03/2017 | Phê duyệt chủ trương chỉ định thầu rút gọn gói thầu Thiết kế bản vẽ thi công công trình cầu cảng 30.000DWT thuộc dự án giai đoạn 1 cảng Gò Dầu B |
| 8 | Nghị quyết HĐQT 31/2017/NQ- HĐQT | 28/04/2017 | Trả cổ tức lần 2 (lần cuối) năm 2016 |
| 9 | Nghị quyết HĐQT 35/2017/NQ- HĐQT | 19/05/2017 | Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2017 |

| | | | |
|----|---|------------|---|
| 10 | Nghị quyết HĐQT 51/2017/NQ- HĐQT | 18/09/2017 | Thông qua phương án vay vốn trung & dài hạn với hạn mức 150 tỷ đồng bổ sung phục vụ công tác đầu tư xây dựng cơ bản |
| 11 | Nghị quyết HĐQT 58B/2017/NQ- HĐQT | 05/12/2017 | Thông qua chủ trương thỏa thuận hoán đổi, di dời khu Miếu Bà Ngũ Hành đến vị trí mới thuộc quy hoạch Cảng Đồng Nai |
| 12 | Nghị quyết HĐQT 63/2017/NQ- HĐQT | 22/12/2017 | Chốt danh sách tạm ứng cổ tức bằng tiền đợt 1.2017 |

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

Đại hội đồng cổ đông thường niên được PDN tổ chức ngày 15/3/2016 đã bầu thành viên HĐQT cho nhiệm kỳ 2016 – 2020, Ban điều hành PDN đã tích cực vận động cổ đông bầu thành viên HĐQT độc lập nhằm tuân thủ các điều khoản trong Luật doanh nghiệp hiện hành và nâng cao tính minh bạch trong hoạt động của PDN

Theo kết quả bầu cử của toàn thể cổ đông tham dự đại hội, 5 thành viên HĐQT đã được bầu công khai để được tiếp quản công tác điều hành PDN trong nhiệm kỳ mới 2016 - 2020 nhưng vẫn chưa đáp ứng được tiêu chí trở thành thành viên độc lập theo quy định của pháp luật

PDN sẽ tiếp tục vận động cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên chọn lựa, sànlọc và bầu cử thành viên HĐQT độc lập nhằm tuân thủ pháp luật và giúp hoạt động của PDN luôn hiệu quả và minh bạch

Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT. Các thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm các công việc và thực hiện nhiệm vụ theo phân công của HĐQT

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

| STT | Họ và tên | Chức vụ |
|-----|-----------------------|-------------------|
| 1 | Ông Trần Thanh Hải | Chủ tịch HĐQT |
| 2 | Ông Đỗ Văn Sâm | Phó Chủ tịch HĐQT |
| 3 | Ông Huỳnh Ngọc Tuấn | Thành viên HĐQT |
| 4 | Ông Nguyễn Thanh Tùng | Thành viên HĐQT |

2. Ban kiểm soát

Kinh tế vĩ mô năm 2017 mặc dù đã có khởi sắc, tuy nhiên kết quả chưa thật sự bền vững. Trong tình hình đó, PDN đã có những nỗ lực quan trọng để đạt kết quả kinh doanh đáng khích lệ thông qua việc kiểm soát rủi ro, cắt giảm chi phí, tăng cường các dịch vụ nhằm phát triển bền vững

Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát trong năm 2017 bao gồm

| ST T | Họ và tên | Chức vụ | Đại diện Sở hữu | CP Năm giữ | Tổng Cộng | Tỷ lệ % |
|---------|-----------------------|----------------|--------------------|---------------|--------------|------------|
| 1 | Bà Lê Thị Bích Loan | Trưởng BKS | 1.234.798 | - | 1.234.798 | 10 |
| 2 | Bà Hoàng Thị Thu Thủy | Thành viên BKS | - | - | - | - |
| 3 | Ông Võ Văn Minh | Thành viên BKS | - | - | - | - |

Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2017, với sự phối hợp chặt chẽ của HĐQT và Ban Tổng giám đốc, BKS đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát về hoạt động cũng như đưa ra các khuyến nghị nhằm tăng cường quản trị rủi ro và nâng cao chất lượng quản trị của Công ty

Ban kiểm soát gồm có 03 thành viên do ĐHĐCĐ bầu ra để thực hiện việc giám sát theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty. Trong năm 2017, với sự phối hợp chặt chẽ của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát đã thực hiện việc

kiểm tra, giám sát về hoạt động cũng như đưa ra các khuyến nghị nhằm tăng cường quản trị rủi ro và nâng cao chất lượng quản trị của Công ty

Trong năm, Ban kiểm soát đã tham gia tất cả các cuộc họp của HĐQT được tổ chức định kỳ hàng quý và đột xuất, các cuộc họp giao ban hàng tháng của Công ty do Tổng Giám đốc chủ trì để nắm bắt đầy đủ thông tin liên quan đến tình hình hoạt động trong công ty

Ngoài ra, định kỳ hàng quý Ban kiểm soát tổ chức kiểm soát các hoạt động sản xuất kinh doanh, thẩm định báo cáo tài chính, đánh giá công tác quản lý, điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Nhận xét và đánh giá của Ban kiểm soát

Công ty thực hiện chế độ lập, gửi báo cáo và chấp hành nghĩa vụ đối với Nhà nước đầy đủ và kịp thời

Hạch toán kế toán rõ ràng; sắp xếp lưu trữ chứng từ hợp lý, thuận tiện cho công tác kiểm tra, đối chiếu số liệu

Sổ sách kế toán mở đầy đủ theo quy định

Hội đồng quản trị đã triển khai thực hiện đúng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên được thông qua tại Đại hội

Hội đồng quản trị tổ chức họp định kỳ, đột xuất, lấy ý kiến bằng văn bản để giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền nhằm tuân thủ quy định của pháp luật và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Ban Tổng Giám đốc triển khai thực hiện đầy đủ các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát được mời tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, cuộc họp giao ban định kỳ hàng tháng và được cung cấp tất cả các nội dung liên quan theo yêu cầu

Kế hoạch hoạt động của BKS trong năm 2018

Trong năm 2018, BKS sẽ kiểm tra và đánh giá trực tiếp các bộ phận liên quan để đảm bảo nâng cao năng lực quản trị và khả năng xây dựng và nắm bắt cơ hội để tiếp tục phát triển bền vững trong thời gian tới

BKS cam kết sẽ cùng các bộ phận liên quan phấn đấu hoàn thành mục tiêu chiến

lược của Công ty, BKS xin chân thành cảm ơn quý Cổ đông đã luôn tin tưởng, ủng hộ BKS

3. Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BDH và BKS

Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban Kiểm soát

| STT | Chức vụ | Thù lao tại PDN (đồng/tháng) |
|-----|-------------------|------------------------------|
| 1 | Chủ tịch HĐQT | 14.240.000 |
| 2 | Phó Chủ tịch HĐQT | 12.050.000 |
| 3 | Thành viên HĐQT | 9.859.000 |
| 4 | Trưởng BKS | Chuyên trách |
| 5 | Thành viên BKS | 6.573.000 |

Các khoản thu nhập khác tại doanh nghiệp của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban Kiểm soát

| ST T | Họ và tên | Chức vụ | Thu nhập (đồng/tháng) | Ghi chú |
|------|-------------------|-------------------|-----------------------|--|
| 1 | Trần Thanh Hải | Chủ tịch HĐQT | - | Đại diện phần vốn của Tổng Công ty CP Phát triển KCN (21%) |
| 2 | Đỗ Văn Sâm | Phó Tổng Giám đốc | 52.000.000 | Ban Điều Hành |
| 3 | Huỳnh Ngọc Tuấn | Kế toán trưởng | 48.000.000 | Ban Điều Hành |
| 4 | Phan Trọng Dũng | Thành viên HĐQT | - | Đại diện phần vốn của Quỹ Đầu tư phát triển (3,75%) |
| 5 | Nguyễn Thanh Tùng | Thành viên HĐQT | - | Đại diện phần vốn của Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn (SSI) (20%) |

| | | | | |
|----|--------------------|-------------------|------------|---|
| 6 | Nguyễn Ngọc Tuấn | Tổng Giám đốc | 70.000.000 | Ban Điều Hành |
| 7 | Trần Văn Nguyên | Phó Tổng Giám đốc | 52.000.000 | Ban Điều Hành |
| 8 | Lê Thị Bích Loan | Trưởng BKS | 48.000.000 | Chuyên trách |
| 9 | Hoàng Thị Thu Thủy | Thành viên BKS | - | Đại diện Quỹ Đầu tư phát triển |
| 10 | Võ Văn Minh | Thành viên BKS | - | Đại diện Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn (SSI) |

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và những người có liên quan

Không có

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

| STT | Tên TV HĐQT/ TV BKS/TGD tại Công ty niêm yết | Chức vụ tại Công ty niêm yết | Tên Công ty có giao dịch | Hợp đồng giao dịch | Chức vụ tại Công ty có giao dịch |
|-----|--|------------------------------|-----------------------------------|--|----------------------------------|
| 1 | Đỗ Văn Sâm | Phó Chủ tịch HĐQT, Phó TGD | Công ty CP Cảng Long Thành | Hợp đồng sử dụng dịch vụ cảng | Chủ tịch HĐQT |
| | | | Công ty CP Dịch vụ Cảng Đồng Nai | - Hợp đồng dịch vụ xếp dỡ - Hợp đồng cho thuê thiết bị xếp dỡ | Thành viên HĐQT |
| 2 | Nguyễn Ngọc Tuấn | Tổng Giám đốc | Công ty CP Tiếp vận Số 1 Đồng Nai | Hợp đồng thuê mặt bằng bãi | Chủ tịch HĐQT |

| | | | | | |
|---|-----------------|-------------------|-------------------------------------|--|-------------------|
| 3 | Trần Văn Nguyên | Phó Tổng Giám đốc | Công ty CP Dịch vụ Cảng Đồng Nai | <ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng dịch vụ xếp dỡ - Hợp đồng cho thuê thiết bị xếp dỡ | Phó Chủ tịch HĐQT |
| 4 | Phan Trọng Dũng | Thành viên HĐQT | Công ty CP Sonadezi Long Bình | Hợp đồng cung cấp và sử dụng nước tại Cảng Gò Dầu | Thành viên HĐQT |
| | | | Quý Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai | Hợp đồng vay vốn đầu tư xây dựng cơ bản | Giám đốc |

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty thực hiện đầy đủ và đúng quy định của pháp luật về quản trị Công ty



PHẦN VI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2017



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG ĐỒNG NAI**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(Handwritten red text and stamp on the right margin)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân,

Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

MỤC LỤC

| | Trang |
|--------------------------------------|--------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 1 – 2 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 3 – 4 |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN | |
| Bảng cân đối kế toán | 5 – 6 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 7 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | 8 – 9 |
| Thuyết minh báo cáo tài chính | 10 – 37 |



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

| <u>Tên</u> | <u>Chức vụ</u> |
|-----------------------|----------------|
| Ông Trần Thanh Hải | Chủ tịch |
| Ông Đỗ Văn Sâm | Phó Chủ tịch |
| Ông Huỳnh Ngọc Tuấn | Thành viên |
| Ông Phan Trọng Dũng | Thành viên |
| Ông Nguyễn Thanh Tùng | Thành viên |

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

| <u>Tên</u> | <u>Chức vụ</u> |
|-----------------------|----------------|
| Bà Lê Thị Bích Loan | Trưởng ban |
| Bà Hoàng Thị Thu Thủy | Thành viên |
| Ông Võ Văn Minh | Thành viên |

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

| <u>Tên</u> | <u>Chức vụ</u> |
|----------------------|-------------------|
| Ông Nguyễn Ngọc Tuấn | Tổng Giám đốc |
| Ông Đỗ Văn Sâm | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Trần Văn Nguyên | Phó Tổng Giám đốc |

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 05 tháng 03 năm 2018

Số: 18.125/BCKT-RSM HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày tháng năm 2018 từ trang 05 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2018-026-1

Trịnh Thanh Thanh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
2820-2016-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2018

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | TM | Tại ngày 31/12/2017 | Tại ngày 01/01/2017 |
|--|------------|------|------------------------|------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 243.704.537.788 | 162.575.605.728 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 4.1 | 177.824.026.842 | 100.339.683.639 |
| 1. Tiền | 111 | | 116.227.261.453 | 84.268.754.982 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 61.596.765.389 | 16.070.928.657 |
| II. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 64.456.319.353 | 61.806.802.294 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 4.3 | 63.605.176.112 | 60.783.522.326 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 2.105.522.411 | 3.589.520.333 |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | | 805.039.899 | 694.339.534 |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | 4.4 | (2.059.419.069) | (3.260.579.899) |
| III. Hàng tồn kho | 140 | | 480.254.266 | 137.086.744 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 480.254.266 | 137.086.744 |
| IV. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 943.937.327 | 292.033.051 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 4.8 | 467.900.455 | 292.033.051 |
| 2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | 4.10 | 476.036.872 | - |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 601.622.758.819 | 571.368.882.123 |
| I. Tài sản cố định | 220 | | 414.186.469.322 | 414.395.919.029 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 4.6 | 410.475.912.588 | 410.708.489.337 |
| Nguyên giá | 222 | | 657.074.511.907 | 613.053.082.159 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (246.598.599.319) | (202.344.592.822) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | 4.7 | 3.710.556.734 | 3.687.429.692 |
| Nguyên giá | 228 | | 4.776.567.014 | 4.361.601.314 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (1.066.010.280) | (674.171.622) |
| II. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 138.331.342.840 | 107.411.978.400 |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 4.5 | 138.331.342.840 | 107.411.978.400 |
| III. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 4.2 | 22.165.000.000 | 22.165.000.000 |
| 1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | 15.165.000.000 | 15.165.000.000 |
| 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 7.000.000.000 | 7.000.000.000 |
| IV. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 26.939.946.657 | 27.395.984.694 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 4.8 | 26.939.946.657 | 27.395.984.694 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | 845.327.296.607 | 733.944.487.851 |

(Xem tiếp trang sau)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | TM | Tại ngày 31/12/2017 | Tại ngày 01/01/2017 |
|--|------------|--------|------------------------|------------------------|
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 428.162.364.198 | 358.798.146.681 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 240.315.310.365 | 181.376.825.879 |
| 1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 4.9 | 70.495.670.559 | 42.125.928.772 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 1.020.174.771 | 333.027.533 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 4.10 | 563.877.703 | 1.866.844.163 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | 4.11 | 15.871.806.020 | 12.260.256.000 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | | 6.789.541.904 | 1.769.723.995 |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | 1.817.221.656 | 1.790.096.660 |
| 7. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 4.12 | 2.791.330.426 | 2.826.983.998 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 4.13 | 125.656.050.969 | 104.558.979.601 |
| 9. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | 4.14 | 9.520.000.000 | 7.924.000.000 |
| 10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 5.789.636.357 | 5.920.985.157 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 187.847.053.833 | 177.421.320.802 |
| 1. Phải trả dài hạn khác | 337 | 4.12 | 23.081.590.222 | 17.881.014.325 |
| 2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | 4.13 | 164.765.463.611 | 159.540.306.477 |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 417.164.932.409 | 375.146.341.170 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 4.15.1 | 417.164.932.409 | 375.146.341.170 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | 123.479.870.000 | 123.479.870.000 |
| Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 123.479.870.000 | 123.479.870.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 74.434.806.545 | 74.434.806.545 |
| 3. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 146.979.413.629 | 128.316.318.434 |
| 4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | 7.752.120.803 | 7.752.120.803 |
| 5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 64.518.721.432 | 41.163.225.388 |
| LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước | 421a | | 3.324.605.866 | 2.871.088.723 |
| LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 61.194.115.566 | 38.292.136.665 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) | 440 | | 845.327.296.607 | 733.944.487.851 |



Nguyễn Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 05 tháng 03 năm 2018

Huỳnh Ngọc Tuấn
Kế toán trưởng

Vũ Thị Quỳnh Trang
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | TM | Năm 2017 | Năm 2016 |
|--|-------|--------|-----------------|-----------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 5.1 | 517.499.519.792 | 421.916.901.563 |
| 2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 517.499.519.792 | 421.916.901.563 |
| 3. Giá vốn hàng bán | 11 | 5.2 | 365.102.323.899 | 287.687.702.202 |
| 4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 152.397.195.893 | 134.229.199.361 |
| 5. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 5.3 | 4.364.158.554 | 3.908.248.828 |
| 6. Chi phí tài chính | 22 | 5.4 | 18.922.055.678 | 19.747.035.453 |
| <i>Trong đó, chi phí lãi vay</i> | 23 | | 18.918.426.845 | 19.485.286.125 |
| 7. Chi phí bán hàng | 25 | 5.5 | 15.473.453.854 | 12.338.980.344 |
| 8. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 5.6 | 38.672.149.614 | 37.494.150.245 |
| 9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 83.693.695.301 | 68.557.282.147 |
| 10. Thu nhập khác | 31 | | 3.205.122.317 | 4.562.695.502 |
| 11. Chi phí khác | 32 | | 1.884.768.128 | 1.681.796.987 |
| 12. Lợi nhuận khác | 40 | | 1.320.354.189 | 2.880.898.515 |
| 13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 85.014.049.490 | 71.438.180.662 |
| 14. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 5.8 | 8.521.405.033 | 3.723.901.102 |
| 15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 76.492.644.457 | 67.714.279.560 |
| 16. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu | 70 | 4.15.3 | 5.523 | 4.837 |



Nguyễn Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 01 tháng 03 năm 2018

Huỳnh Ngọc Tuấn
Kế toán trưởng

Vũ Thị Quỳnh Trang
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | TM | Năm 2017 | Năm 2016 |
|--|-----------|-----|-------------------------|-------------------------|
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 85.014.049.490 | 71.438.180.662 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| Khấu hao TSCĐ | 02 | 5.7 | 45.560.501.408 | 32.418.895.613 |
| Các khoản dự phòng | 03 | | (1.201.160.830) | (398.392.369) |
| Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | 2.602.441 | (19.866.563) |
| Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (4.625.313.361) | (3.713.749.727) |
| Chi phí lãi vay | 06 | 5.4 | 18.918.426.845 | 19.485.286.125 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động | 08 | | 143.669.105.993 | 119.210.353.741 |
| Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (1.924.393.101) | (7.692.006.103) |
| Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | (343.167.522) | 337.123.528 |
| Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | | 44.711.671.118 | 46.969.792.076 |
| Tăng giảm chi phí trả trước | 12 | | 280.170.633 | (11.906.251.652) |
| Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (19.151.012.850) | (19.519.111.191) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | (9.413.626.680) | (3.618.760.467) |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | 21.175.000 | 24.020.000 |
| Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 17 | | (3.639.489.558) | (4.869.425.339) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 154.210.433.033 | 118.935.734.593 |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (76.579.464.393) | (84.293.428.983) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | | 265.000.000 | - |
| 3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | 2.787.300.000 |
| 4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 4.098.609.627 | 3.738.629.005 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (72.215.854.766) | (77.767.499.978) |

(Xem tiếp trang sau)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | TM | Năm 2017 | Năm 2016 |
|---|-----------|------------|------------------------|------------------------|
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| 1. Tiền thu từ đi vay | 33 | 6.1 | 280.391.697.539 | 156.066.919.687 |
| 2. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | 6.2 | (254.069.469.037) | (133.297.602.238) |
| 3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | (30.829.861.125) | (21.041.617.715) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (4.507.632.623) | 1.727.699.734 |
| | | | | |
| LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM | 50 | | 77.486.945.644 | 42.895.934.349 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | | 100.339.683.639 | 57.423.882.727 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | (2.602.441) | 19.866.563 |
| TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM | 70 | 4.1 | 177.824.026.842 | 100.339.683.639 |



Nguyễn Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 05 tháng 03 năm 2018

Huỳnh Ngọc Tuấn
Kế toán trưởng

Vũ Thị Quỳnh Trang
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 24 tháng 08 năm 2005, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600334112 ngày 04 tháng 01 năm 2006 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 19 tháng 03 năm 2016.

Ngày 04 tháng 08 năm 2011, Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 118/2011/QĐ-SGDHCM ngày 04 tháng 08 năm 2011 của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 26 tháng 10 năm 2011, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Thông báo số 867/2011/TB-SGDHCM ngày 12 tháng 10 năm 2011 của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn pháp định là 6.000.000.000 VND.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 123.479.870.000 VND, được chi tiết như sau:

| Nhà đầu tư | Quốc gia/ Quốc tịch | Tại ngày 31/12/2017 | | Tại ngày 01/01/2017 | |
|---|------------------------|------------------------|--------------|------------------------|--------------|
| | | Giá trị (VND) | Tỷ lệ (%) | Giá trị (VND) | Tỷ lệ (%) |
| Tổng Công ty Phát Triển Khu Công Nghiệp | Việt Nam | 62.974.800.000 | 51% | 62.974.800.000 | 51% |
| Công ty Cổ phần Chứng Khoán Sài Gòn | Việt Nam | 24.671.510.000 | 20% | 24.671.510.000 | 20% |
| Quý Đầu Tư Phát Triển Tỉnh Đồng Nai | Việt Nam | 4.625.040.000 | 4% | 4.625.040.000 | 4% |
| Các cổ đông khác | Việt Nam | 31.208.520.000 | 25% | 31.208.520.000 | 25% |
| Cộng | | 123.479.870.000 | 100% | 123.479.870.000 | 100% |

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 267 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 257 nhân viên).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh dịch vụ cảng biển.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- Bốc xếp hàng hóa (Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa cảng biển);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan);
- Bán buôn nông lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Chi tiết: Bán buôn thóc, ngô và các loại ngũ cốc khác, bán buôn nông, lâm sản, nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa));
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) (Chi tiết: Vận tải hành khách bằng taxi);
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Chi tiết: Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Vận tải hàng hóa đường sắt (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có các công ty liên kết như sau:

| Tên | Địa chỉ | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ lợi ích |
|---------------------------------------|---|------------------------|---------------|---------------|
| Công ty Cổ phần Cảng Long Thành | Cảng Gò Dầu A, Khu Công Nghiệp Gò Dầu, Xã Phước Thái, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai | 30% | 30% | 30% |
| Công ty Cổ phần Dịch Vụ Cảng Đồng Nai | Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai | 45% | 45% | 45% |

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**2.3. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**3.1. Ngoại tệ**

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá bán ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giá định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giá định đặt ra.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

3.4. Đầu tư tài chính*Đầu tư vào công ty liên kết*

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phi của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

3.5. Nợ phải thu**Nguyên tắc ghi nhận**

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được trình bày theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

- | | |
|----------------------------------|-------------|
| • Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 – 40 năm |
| • Máy móc thiết bị | 05 – 15 năm |
| • Phương tiện vận tải truyền dẫn | 06 – 10 năm |
| • Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 – 08 năm |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Từ năm 2012, Công ty áp dụng phương pháp khấu hao theo khối lượng sản phẩm đối với 02 cấu Liebherr.

3.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích từ 03 – 08 năm.

Khi thanh lý bán tài sản vô hình, chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản vô hình được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

3.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến tiền thuê đất trả trước. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê từ 10 – 40 năm;
- Chi phí mua bảo hiểm được phân bổ trong vòng 1 năm;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn doanh nghiệp không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ;
- Chi phí đào tạo, quảng cáo được phân bổ trong vòng 1 năm.

3.9. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.10. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.11. Dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng phải trả được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng phải trả không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai. Dự phòng phải trả được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

3.12. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.13. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

3.14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

3.15. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh trong kỳ chủ yếu là chi phí lãi vay và lỗ tỷ giá hối đoái.

3.16. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí quảng cáo, hoa hồng bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí đồ dùng văn phòng, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.17. Thuế***Thuế thu nhập doanh nghiệp******Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành***

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Ưu đãi, miễn giảm thuế

Công ty được hưởng thuế suất thuế TNDN ưu đãi 10% cho thu nhập từ hoạt động kinh doanh chính (cảng biển) trong thời hạn 12 năm kể từ năm 2009 và được giảm 50% số thuế phải nộp từ hoạt động kinh doanh chính trong thời hạn 8 năm kể từ năm 2009. Chính sách thuế ưu đãi áp dụng đối với Công ty đã được cơ quan thuế chấp nhận trong các biên bản quyết toán thuế gần đây.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Dịch vụ cung cấp cho tàu ngoài nước: 0%
- Thu tiền nước: 5%
- Các dịch vụ khác: 10%

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | Tại ngày 31/12/2017 VND | Tại ngày 01/01/2017 VND |
|---------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Tiền mặt | 357.483.325 | 143.546.563 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 115.869.778.128 | 84.125.208.419 |
| Các khoản tương đương tiền | 61.596.765.389 | 16.070.928.657 |
| Cộng | 177.824.026.842 | 100.339.683.639 |

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng với lãi suất từ 4,8% - 5,3%/năm.

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết và đơn vị khác được chi tiết như sau:

| | Tại ngày 31/12/2017 | | | Tại ngày 01/01/2017 | | |
|--|-----------------------|----------------|----------|-----------------------|----------------|----------|
| | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng |
| | | | | | | |
| Đầu tư vào công ty liên kết: | | | | | | |
| Công ty Cổ phần Cảng Long Thành ^(a) | 1.665.000.000 | (*) | - | 1.665.000.000 | (*) | - |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai ^(b) | 13.500.000.000 | (*) | - | 13.500.000.000 | (*) | - |
| Cộng | 15.165.000.000 | | | 15.165.000.000 | | |

Đầu tư vào đơn vị khác:

| | | | | | | |
|--|---------------|-----|--|---------------|-----|--|
| Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức ^(c) | 7.000.000.000 | (*) | | 7.000.000.000 | (*) | |
|--|---------------|-----|--|---------------|-----|--|

(a) Khoản đầu tư này chiếm 30% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cảng Long Thành, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Cảng Long Thành là: kinh doanh khai thác cầu cảng, khai thác kho tàng bến bãi, bốc xếp và vận tải hàng hóa bằng ô tô trong và ngoài cảng và các dịch vụ của ngành hàng hải, dịch vụ sửa chữa phương tiện bốc xếp, vận tải, tàu lai dắt, vận chuyển hàng hóa đường thủy, đường bộ, cung cấp nhiên liệu (xăng, dầu, dầu nhớt các loại), đại lý và dịch vụ khai thác hàng hải.

(b) Khoản đầu tư này chiếm 45% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai là: cho thuê máy móc thiết bị xây dựng, cho thuê container, kho bãi và lưu giữ hàng hóa, xây dựng công trình công nghiệp, đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, đường hầm, nạo vét sông.

(c) Khoản đầu tư này chiếm 0,7% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức là cho thuê đất và mặt bằng, tư vấn thiết kế, quy hoạch, lập dự án đầu tư, tư vấn quản lý dự án, giám sát, thẩm định, kiểm định công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, kinh doanh công trình kết cấu hạ tầng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | Tại ngày 31/12/2017 VND | Tại ngày 01/01/2017 VND |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Công ty TNHH Cảng Quốc Tế Tân Cảng – Cái Mép | 17.557.282.500 | 4.607.752.500 |
| Các khách hàng khác | 46.043.790.904 | 56.087.616.365 |
| Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm mục 8 | 4.102.708 | 88.153.461 |
| Cộng | 63.605.176.112 | 60.783.522.326 |

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐÔNG NAI

1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân,
 Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.4. Nợ xấu**

| | Tại ngày 31/12/2017 | | Tại ngày 01/01/2017 | |
|--|----------------------|----------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá trị có thể thu hồi | Giá trị có thể thu hồi |
| Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi | 2.444.967.769 | 2.059.419.069 | 385.548.700 | 1.772.290.185 |
| Cộng | 2.444.967.769 | 2.059.419.069 | 385.548.700 | 1.772.290.185 |

Các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.5. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | Tại ngày 31/12/2017 VND | Tại ngày 01/01/2017 VND |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Chi phí đền bù mở rộng cảng Đồng Nai giai đoạn 2 (9 ha) | 64.128.947.525 | 60.117.303.525 |
| Chi phí đầu tư hạ tầng khu tái định cư | 27.054.453.800 | 27.054.453.800 |
| Chi phí đền bù mở rộng cảng Đồng Nai giai đoạn 2B | 44.761.955.000 | 17.627.129.536 |
| Các dự án khác | 2.385.986.515 | 2.613.091.539 |
| Cộng | 138.331.342.840 | 107.411.978.400 |

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG ĐÓNG NAI

1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân,

Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

| Khoản mục | Nhà cửa, vật kiến trúc VND | Máy móc, thiết bị VND | Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND | Thiết bị, dụng cụ quản lý VND | Tài sản cố định hữu hình khác VND | Cộng VND |
|----------------------------|----------------------------------|-----------------------------|---|-------------------------------------|---|------------------------|
| Nguyên giá: | | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2017 | 460.232.686.438 | 94.162.789.070 | 46.887.389.370 | 6.175.314.828 | 5.594.902.453 | 613.053.082.159 |
| Mua trong năm | - | 357.390.000 | 10.739.911.498 | 504.520.000 | 314.331.500 | 11.916.152.998 |
| Đầu tư XDCB hoán thành | 33.019.933.003 | - | - | - | - | 33.019.933.003 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | (71.017.143) | (843.639.110) | - | - | (914.656.253) |
| Tại ngày 31/12/2017 | 493.252.619.441 | 94.449.161.927 | 56.783.661.758 | 6.679.834.828 | 5.909.233.953 | 657.074.511.907 |
| Giá trị hao mòn lũy kế: | | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2017 | 150.275.899.757 | 19.810.077.738 | 26.908.535.780 | 3.251.331.408 | 2.098.748.139 | 202.344.592.822 |
| Khấu hao trong năm | 29.263.704.799 | 8.848.385.706 | 5.014.173.140 | 854.343.821 | 1.188.055.284 | 45.168.662.750 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | (71.017.143) | (843.639.110) | - | - | (914.656.253) |
| Tại ngày 31/12/2017 | 179.539.604.556 | 28.587.446.301 | 31.079.069.810 | 4.105.675.229 | 3.286.803.423 | 246.598.599.319 |
| Giá trị còn lại: | | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2017 | 309.956.786.681 | 74.352.711.332 | 19.978.853.590 | 2.923.983.420 | 3.496.154.314 | 410.708.489.337 |
| Tại ngày 31/12/2017 | 313.713.014.885 | 65.861.715.626 | 25.704.591.948 | 2.574.159.599 | 2.622.430.530 | 410.475.912.588 |

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thẻ chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 356.375.324,066 VND – Xem thêm mục 4.13.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 68.112.428,291 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Trong năm 2017, Công ty có thay đổi thời gian trích khấu hao tài sản cố định của các tài sản sau: Bên tàu 30.000DWT, bến sà lan 3.000DWT, Bãi cấp phối sỏi đổ 7,15ha, Cầu bờ cố định 40T/36M, Cầu bờ cố định 40T/30M, Nhà kho CFS. Tổng giá trị khấu hao tăng trong năm 2017 do ảnh hưởng của việc thay đổi thời gian khấu hao là 7.734.329.265 VND.

4.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

| Khoản mục | Quyền sử dụng đất VND | Phần mềm kế toán VND | Bản quyền bằng sáng chê VND | Cộng VND |
|----------------------------|--------------------------|----------------------------|--------------------------------------|----------------------|
| Nguyên giá: | | | | |
| Tại ngày 01/01/2017 | 1.818.363.207 | 2.543.238.107 | - | 4.361.601.314 |
| Mua trong năm | - | 100.000.000 | 314.965.700 | 414.965.700 |
| Tại ngày 31/12/2017 | 1.818.363.207 | 2.643.238.107 | 314.965.700 | 4.776.567.014 |
| Giá trị hao mòn lũy kế: | | | | |
| Tại ngày 01/01/2017 | - | 674.171.622 | - | 674.171.622 |
| Khấu hao trong năm | - | 383.089.610 | 8.749.048 | 391.838.658 |
| Tại ngày 31/12/2017 | - | 1.057.261.232 | 8.749.048 | 1.066.010.280 |
| Giá trị còn lại: | | | | |
| Tại ngày 01/01/2017 | 1.818.363.207 | 1.869.066.485 | - | 3.687.429.692 |
| Tại ngày 31/12/2017 | 1.818.363.207 | 1.585.976.875 | 306.216.652 | 3.710.556.734 |

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 310.700.000 VND.

4.8. Chi phí trả trước

| | Tại ngày 31/12/2017 VND | Tại ngày 01/01/2017 VND |
|---------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Ngắn hạn: | | |
| Tiền mua bảo hiểm chờ phân bổ | 102.529.398 | 292.033.051 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn khác | 365.371.057 | - |
| Cộng | 467.900.455 | 292.033.051 |
| Dài hạn: | | |
| Tiền thuê đất trả trước (*) | 26.939.946.657 | 27.395.984.694 |

(*) Tiền thuê đất trả trước là khoản tiền Công ty đã ứng ra để đền bù khu đất 3 ha và khu đất 157.544,4 m² số tiền này được căn trừ vào tiền thuê đất hàng năm mà Công ty phải nộp cho Ngân sách nhà nước (Cục thuế Tỉnh Đồng Nai). Ngày 24 tháng 09 năm 2015, Cục thuế Tỉnh Đồng Nai có Thông báo số 687/TB.CT.QLCKTTD và 120/TB.CT.QLCKTTD cho phép Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai quy đổi số tiền còn phải căn trừ còn lại tương ứng với thời gian hoàn thành nghĩa vụ nộp tiền thuê đất đến hết thời hạn thuê đất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.9. Phải trả người bán ngắn hạn

| | Tại ngày 31/12/2017 VND | | Tại ngày 01/01/2017 VND | |
|--|------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Phải trả cho người bán | | | | |
| Công ty TNHH DVHH HPS Marine | 21.548.569.000 | 21.548.569.000 | - | - |
| Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Bốc Dỡ Bình Khánh | - | - | 4.630.551.000 | 4.630.551.000 |
| Phải trả cho các đối tượng khác | 39.822.418.588 | 39.822.418.588 | 32.342.054.678 | 32.342.054.678 |
| Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm mục 8 | 9.124.682.971 | 9.124.682.971 | 5.153.323.094 | 5.153.323.094 |
| Cộng | <u>70.495.670.559</u> | <u>70.495.670.559</u> | <u>42.125.928.772</u> | <u>42.125.928.772</u> |

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân,
 Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.10. Thuế và các khoản phải thu / phải nộp Nhà nước**

| | Tại ngày 31/12/2017 | | Trong năm | | Tại ngày 01/01/2017 | |
|---|---------------------|--------------------|-----------------------|-----------------------|---------------------|----------------------|
| | Phải thu | Phải nộp | Phải nộp | Đã nộp | Phải thu | Phải nộp |
| | VND | | VND | | VND | |
| Thuế giá trị gia tăng | 476.036.872 | - | 17.130.397.499 | 18.141.106.256 | - | 534.671.885 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | - | 127.647.812 | 8.521.405.033 | 9.413.626.680 | - | 1.019.869.459 |
| Thuế thu nhập cá nhân | - | 418.629.389 | 2.347.137.338 | 2.209.961.768 | - | 281.453.819 |
| Thuế nhà đất và tiền thuế đất và các loại thuế khác | - | 17.600.502 | 3.512.570.475 | 3.525.818.973 | - | 30.849.000 |
| Cộng | 476.036.872 | 563.877.703 | 31.511.510.345 | 33.290.513.677 | - | 1.866.844.163 |

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.11. Phải trả người lao động

Là khoản tiền lương còn lại của quỹ lương năm 2017 phải trả cho cán bộ, công nhân viên.

4.12. Phải trả khác

| | Tại ngày 31/12/2017 VND | Tại ngày 01/01/2017 VND |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Ngắn hạn: | | |
| Phải trả về tiền đền bù trạm nước Xã Phước Thái, nạo vét luồng vào Cảng Gò Dầu | 1.373.382.250 | 1.373.382.250 |
| Cổ tức, lợi nhuận phải trả | 59.820.220 | 19.713.845 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 1.358.127.956 | 1.433.887.903 |
| Cộng | 2.791.330.426 | 2.826.983.998 |
| Dài hạn: | | |
| Phải trả Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam tiền hỗ trợ giải phóng mặt bằng cho người dân | 16.530.632.897 | 10.877.057.000 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 6.550.957.325 | 7.003.957.325 |
| Cộng | 23.081.590.222 | 17.881.014.325 |

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân,
Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.13. Vay**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

| | Tại ngày 31/12/2017 | | Trong năm | | Tại ngày 01/01/2017 | |
|------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Vay ngắn hạn | 125.656.050.969 | 125.656.050.969 | 235.679.254.669 | 214.582.183.301 | 104.558.979.601 | 104.558.979.601 |
| Vay dài hạn | 164.765.463.611 | 164.765.463.611 | 78.936.973.070 | 73.711.815.936 | 159.540.306.477 | 159.540.306.477 |
| Tổng cộng | 290.421.514.580 | 290.421.514.580 | 314.616.227.739 | 288.293.999.237 | 264.099.286.078 | 264.099.286.078 |

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

| Loại tiền | Lãi suất | Tại ngày | |
|--------------------------------------|------------------|------------------------|------------------------|
| | | 31/12/2017 | 01/01/2017 |
| Vay ngắn hạn: | | | |
| Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam | 6,3%/năm | - | 13.647.436.744 (a) |
| Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam | 5,3%/năm | 97.055.250.969 | 37.975.965.075 (b) |
| Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam | 5,67%/năm | - | 25.881.317.382 (c) |
| Vay dài hạn đến hạn trả: | | | |
| Quý Đầu Tư Phát Triển | 7% - 7,5%/năm | 11.112.000.000 | 12.546.000.000 (d) |
| Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam | 8,5%/năm | 5.824.800.000 | 5.824.800.000 (e) |
| Ngân hàng TMCP Phương Đông | 8,63% - 8,7%/năm | - | 5.503.460.400 (f) |
| Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam | 7,5%-8,7%/năm | 11.664.000.000 | 3.180.000.000 (g) |
| Cộng | | 125.656.050.969 | 104.558.979.601 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐÔNG NAI

1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân,
Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

| | Loại tiền | Lãi suất | Tại ngày | Tại ngày |
|--------------------------------------|-----------|------------------|------------------------|------------------------|
| | | | 31/12/2017 | 01/01/2017 |
| | | | VND | VND |
| <i>Khoản vay dài hạn:</i> | | | | |
| Quý Đầu Tư Phát Triển | VND | 7% - 7,5%/năm | 61.652.109.247 | 72.764.109.247 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam | VND | 8,5%/năm | 13.576.047.961 | 19.400.847.961 |
| Ngân hàng TMCP Phương Đông | VND | 8,63% - 8,7%/năm | - | 42.239.015.936 |
| Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam | VND | 7,5%-8,7%/năm | 89.537.306.403 | 25.136.333.333 |
| Cộng | | | 164.765.463.611 | 159.540.306.477 |

Thông tin về tài sản cầm cố, thế chấp đảm bảo cho các khoản vay như sau:

- (a) Khoản vay được đảm bảo bằng:
- Xe cầu Lima 700TC-02 (01 chiếc);
 - Xe cầu bánh lốp P&H 670TC (01 chiếc);
 - Căn trực banh lớp Halla American 5530 (01 chiếc);
(Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 58/12/VCB.BH)
- (b) Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (c) Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (đ) Khoản vay được đảm bảo bằng:
- Bến tàu 30.000 DWT;
 - Cầu cảng LBT bến 2000 tấn;
 - Cầu cảng LBT bến 5000 tấn;
 - Cầu nổi 2 khu vực;
 - Năng cấp bến 2000 lên 5000 DWT;
- (Hợp đồng thế chấp tài sản số 23/2013/HĐTC-TD ngày 09/12/2013)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- 2 cầu Libebherr (Hợp đồng thế chấp tài sản số 33/2014.HĐTC-TD ngày 24/12/2014);
- 01 xe Toyota Altis 60V 9433;
- 01 xe Inova 60S-4612;
- 01 máy đào bánh xích 60XA-0660;
- 01 máy đào bánh xích 60XA-0659;
- 01 trạm cân 80T-GDB;
- 01 xe nâng container 45 tấn hiệu Kalmar Reachstacker.

(Hợp đồng thế chấp tài sản số 47/2012/HĐTC-TD ngày 25/12/2012 và tài sản hình thành sau đầu tư).

(e) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- Toàn bộ công trình xây dựng trên đất và tài sản đầu tư trên đất, khoản tiền bảo hiểm đối với tài sản của dự án nâng cấp mở rộng cầu cảng số 2 (bến sà lan 3.000 DWT) tại Phường Long Bình Tân, Đồng Nai (Theo hợp đồng thế chấp số 094/14/VCB.BH);
- Chân đế trụ cầu thuộc công trình bến sà lan 3.000 DWT tại phường Long Bình Tân;
- 01 cầu bờ cố định 40T/30M-Macgregor GL4030-2; (Theo hợp đồng thế chấp số 211/14/VCB.BH)
- Công trình đồng bộ - nhà kho CFS diện tích 5.250m² (thuộc dự án mở rộng Cảng Đồng Nai giai đoạn 2 tại Phường Long Bình Tân, Biên Hòa, Đồng Nai) (Theo hợp đồng thế chấp số 054.13); (Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 58/12/VCB.BH).

(f) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- Quyền sử dụng đất hình thành trong tương lai từ dự án mở rộng Cảng Đồng Nai giai đoạn 2B tại Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai với diện tích 55.288m² (Hợp đồng thế chấp tài sản số 0145/2015/BĐ);
- Thửa đất số 575/TLBV dự án đầu tư mở rộng Cảng Đồng Nai tại Phường Long Bình Tân, diện tích 91.843m² (Hợp đồng thế chấp tài sản số 197/2014/BĐ).

(g) Khoản vay được đảm bảo bằng tất cả các khoản lợi thu được từ việc kinh doanh, khai thác giá trị quyền sử dụng đất hoặc hạ tầng kỹ thuật trên đất, các khoản lợi thu được từ việc kinh doanh, khai thác bãi hoặc hạ tầng kỹ thuật trên bãi, quyền nhận tiền từ hợp đồng, quyền đòi nợ, quyền được nhận số tiền bảo hiểm, quyền nhận các khoản tiền bồi thường phạt vi phạm,... và tất cả các quyền và lợi ích phát sinh từ hợp đồng thuê quyền sử dụng đất 157.544,4 m² tại xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai và bãi cấp phối sỏi đò 7,15ha và 2,17ha thuộc dự án Cảng Gò Dầu B giai đoạn 2 tại Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai (Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/CĐN/2015/HĐTC và Hợp đồng thế chấp tài sản 02/CĐN/2017/HĐTC ngày 29 tháng 09 năm 2017).

Giá trị còn lại của các khoản tài sản cầm cố thế chấp là 356.375.324.066 VND – Xem thêm mục 4.6.

4.14. Dự phòng phải trả

Là khoản trích quỹ dự phòng tiền lương cho năm 2018.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐÔNG NAI

1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân,
Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.15. Vốn chủ sở hữu****4.15.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| | Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu | | | | | Cộng VND |
|-------------------------------------|------------------------------------|--------------------------------|---------------------------------|--|--|------------------------|
| | Vốn góp của chủ sở hữu VND | Thặng dư vốn cổ phần VND | Quỹ đầu tư phát triển VND | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND | |
| Tại ngày 01/01/2016 | 123.479.870.000 | 74.434.806.545 | 103.270.951.688 | 5.823.245.177 | 27.940.031.978 | 334.948.905.388 |
| Lãi trong năm trước | - | - | - | - | 67.714.279.560 | 67.714.279.560 |
| Trích quỹ đầu tư phát triển | - | - | 25.040.121.613 | - | (25.040.121.613) | - |
| Trích quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | - | - | - | 1.928.875.626 | (1.928.875.626) | - |
| Trích quỹ khen thưởng phúc lợi | - | - | - | - | (4.596.390.251) | (4.596.390.251) |
| Trích quỹ chi công tác xã hội | - | - | - | - | (1.446.656.720) | (1.446.656.720) |
| Trích quỹ khen thưởng ban điều hành | - | - | - | - | (482.218.907) | (482.218.907) |
| Chia cổ tức | - | - | - | - | (20.991.577.900) | (20.991.577.900) |
| Giảm khác (*) | - | - | 5.245.133 | - | (5.245.133) | - |
| Tại ngày 01/01/2017 | 123.479.870.000 | 74.434.806.545 | 128.316.318.434 | 7.752.120.803 | 41.163.225.388 | 375.146.341.170 |
| Lãi trong năm nay | - | - | - | - | 76.492.644.457 | 76.492.644.457 |
| Trích quỹ đầu tư phát triển | - | - | 15.298.528.891 | - | (15.298.528.891) | - |
| Trích quỹ khen thưởng phúc lợi | - | - | - | - | (2.503.434.718) | (2.503.434.718) |
| Trích quỹ chi công tác xã hội | - | - | - | - | (625.951.000) | (625.951.000) |
| Trích quỹ khen thưởng ban điều hành | - | - | - | - | (474.700.000) | (474.700.000) |
| Chia cổ tức | - | - | - | - | (30.869.967.500) | (30.869.967.500) |
| Tăng khác (*) | - | - | 3.364.566.304 | - | (3.364.566.304) | - |
| Tại ngày 31/12/2017 | 123.479.870.000 | 74.434.806.545 | 146.979.413.629 | 7.752.120.803 | 64.518.721.432 | 417.164.932.409 |

(*) Khoản trích bổ sung quỹ đầu tư phát triển từ khoản thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.15.2.Cổ phiếu

| | Tại ngày 31/12/2017 | Tại ngày 01/01/2017 |
|---|------------------------|------------------------|
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành | 12.347.987 | 12.347.987 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng | 12.347.987 | 12.347.987 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành | 12.347.987 | 12.347.987 |
| Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần | | |

4.15.3.Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu

| | Năm 2017 VND | Năm 2016 VND |
|--|-----------------|-----------------|
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 76.492.644.457 | 67.714.279.560 |
| Trích quỹ khen thưởng phúc lợi | (8.297.926.445) | (7.986.107.000) |
| Lãi để tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu | 68.194.718.012 | 59.728.172.560 |
| Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm | 12.347.987 | 12.347.987 |
| Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu | 5.523 | 4.837 |

4.15.4.Cổ tức

Căn cứ theo Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường Niên năm 2017 ngày 20 tháng 04 năm 2017 thì tỷ lệ chia cổ tức là 25% trên vốn điều lệ.

4.15.5.Các quỹ của doanh nghiệp

| | Quỹ đầu tư phát triển VND | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND |
|----------------------------|---------------------------------|---|
| Tại ngày 01/01/2017 | 128.316.318.434 | 7.752.120.803 |
| Trích trong năm | 18.663.095.195 | - |
| Tại ngày 31/12/2017 | 146.979.413.629 | 7.752.120.803 |

4.16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

| | Tại ngày 31/12/2017 | Tại ngày 01/01/2017 |
|----------|------------------------|------------------------|
| Đô la Mỹ | 186.052,99 | 97.106,76 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | Năm 2017 VND | Năm 2016 VND |
|--|------------------------|------------------------|
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 516.556.295.370 | 420.361.264.851 |
| Doanh thu đối với các bên liên quan – Xem thêm mục 8 | 943.224.422 | 1.555.636.712 |
| Cộng | 517.499.519.792 | 421.916.901.563 |

5.2. Giá vốn hàng bán

Là giá vốn của dịch vụ đã cung cấp.

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Năm 2017 VND | Năm 2016 VND |
|---|----------------------|----------------------|
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 2.516.950.000 | 2.661.537.500 |
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 1.843.363.361 | 1.052.212.227 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ | 3.845.193 | 174.632.538 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | - | 19.866.563 |
| Cộng | 4.364.158.554 | 3.908.248.828 |

5.4. Chi phí tài chính

| | Năm 2017 VND | Năm 2016 VND |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí lãi vay | 18.918.426.845 | 19.485.286.125 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ | 1.026.392 | 261.749.328 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 2.602.441 | - |
| Cộng | 18.922.055.678 | 19.747.035.453 |

5.5. Chi phí bán hàng

| | Năm 2017 VND | Năm 2016 VND |
|----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí hoa hồng, môi giới | 6.949.479.916 | 4.915.484.610 |
| Chi phí nhân viên | 2.763.547.728 | 3.166.583.953 |
| Chi phí bằng tiền khác | 5.760.426.210 | 4.256.911.781 |
| Cộng | 15.473.453.854 | 12.338.980.344 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Năm 2017 VND | Năm 2016 VND |
|-------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý | 18.734.020.541 | 17.251.621.568 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 2.988.126.279 | 4.293.642.941 |
| Thuế, phí, lệ phí | 3.725.854.662 | 3.549.488.365 |
| Dự phòng các khoản phải thu khó đòi | (1.201.160.830) | (398.392.369) |
| Các khoản chi phí quản lý khác | 14.425.308.962 | 12.797.789.740 |
| Cộng | 38.672.149.614 | 37.494.150.245 |

5.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Năm 2017 VND | Năm 2016 VND |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 7.058.228.062 | 7.208.699.910 |
| Chi phí nhân công | 69.791.815.260 | 65.430.654.122 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 45.560.501.408 | 32.418.895.613 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 256.416.381.464 | 202.758.861.135 |
| Chi phí khác bằng tiền | 41.622.162.003 | 30.102.114.380 |
| Chi phí dự phòng | (1.201.160.830) | (398.392.369) |
| Cộng | 419.247.927.367 | 337.520.832.791 |

5.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

| | Năm 2017 VND | Năm 2016 VND |
|---|----------------------|----------------------|
| Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm | 85.014.049.490 | 71.438.180.662 |
| Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng | 1.390.416.504 | 1.680.367.836 |
| Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm | (2.516.950.000) | (2.661.537.500) |
| Thu nhập tính thuế | 83.887.515.994 | 70.457.010.998 |
| Trong đó: | | |
| <i>Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính chịu thuế suất ưu đãi 10%</i> | 82.560.981.658 | 69.151.641.536 |
| <i>Thu nhập tính thuế từ hoạt động khác chịu thuế suất phổ thông</i> | 1.326.534.336 | 1.305.369.462 |
| Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính | 8.256.098.166 | 6.915.164.154 |
| Chi phí thuế TNDN từ hoạt động khác | 265.306.867 | 261.073.892 |
| Trừ: Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính được giảm 50% số thuế phải nộp trong 8 năm từ năm 2009 | - | (3.457.582.078) |
| Điều chỉnh thuế TNDN năm trước | - | 5.245.134 |
| Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành | 8.521.405.033 | 3.723.901.102 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

| | Năm 2017 VND | Năm 2016 VND |
|---|-----------------|-----------------|
| Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường | 280.391.697.539 | 156.066.919.687 |

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

| | Năm 2017 VND | Năm 2016 VND |
|---|-------------------|-------------------|
| Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường | (254.069.469.037) | (133.297.602.238) |

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh vì Công ty chỉ có hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ cảng biển và báo cáo tài chính đã phản ánh đầy đủ các thông tin theo lĩnh vực kinh doanh.

Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty chủ yếu là dịch vụ cảng biển tại khu vực Đồng Nai, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

1. Tổng Công ty Cổ phần Phát Triển Khu Công Nghiệp
2. Công ty Cổ phần Cảng Long Thành
3. Công ty Cổ phần Dịch Vụ Cảng Đồng Nai
4. Các công ty con, công ty liên kết thuộc Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp
5. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Mối quan hệ

- Công ty mẹ
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty cùng tập đoàn
 Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

| | Tại ngày 31/12/2017 VND | Tại ngày 01/01/2017 VND |
|---------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Phải thu thương mại: | | |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai | - | 88.153.461 |
| Công ty Cổ phần Cảng Long Thành | 4.102.708 | - |
| Cộng – Xem thêm mục 4.3 | 4.102.708 | 88.153.461 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

| | Tại ngày 31/12/2017 VND | Tại ngày 01/01/2017 VND |
|---------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Phải trả thương mại: | | |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai | (8.981.166.051) | (4.928.956.204) |
| Công ty Cổ phần Cảng Long Thành | - | (71.504.430) |
| Các công ty cùng tập đoàn | (143.516.920) | (152.862.460) |
| Cộng – Xem thêm mục 4.9 | <u>(9.124.682.971)</u> | <u>(5.153.323.094)</u> |

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

| | Năm 2017 VND | Năm 2016 VND |
|---------------------------------------|---------------------------|-----------------------------|
| Cung cấp dịch vụ: | | |
| Công ty Cổ phần Cảng Long Thành | 214.272.460 | 610.645.140 |
| Công ty Cổ phần Dịch Vụ Cảng Đồng Nai | 728.951.962 | 944.991.572 |
| Cộng – Xem thêm mục 5.1 | <u>943.224.422</u> | <u>1.555.636.712</u> |

| | Năm 2017 VND | Năm 2016 VND |
|---------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Mua dịch vụ: | | |
| Công ty Cổ phần Dịch Vụ Cảng Đồng Nai | 48.131.071.324 | 41.311.459.162 |
| Công ty Cổ phần Cảng Long Thành | 312.182.500 | 257.879.700 |
| Các công ty cùng tập đoàn | 2.203.511.139 | 1.777.612.120 |
| Cộng | <u>50.646.764.963</u> | <u>43.346.950.982</u> |

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

| | Năm 2017 VND | Năm 2016 VND |
|---------------------|-----------------|-----------------|
| Thù lao và thu nhập | 4.606.794.000 | 3.670.215.486 |

9. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT

| | Năm 2017 VND | Năm 2016 VND |
|---------------------|-----------------|-----------------|
| Thù lao và thu nhập | 879.500.000 | 457.025.760 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

10. CAM KẾT VỐN

Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau:

| | Tại ngày 31/12/2017 VND | Tại ngày 01/01/2017 VND |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Nhà cửa, nhà xưởng, máy móc, thiết bị và xây dựng bãi cấp phối sỏi đá | 5.491.387.295 | 25.549.999.999 |

11. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty thuê đất của Nhà nước theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có kỳ hạn trung bình là 50 năm với tiền thuê cố định mỗi kỳ:

| | Năm 2017 VND | Năm 2016 VND |
|---|-----------------|-----------------|
| Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong năm | 3.385.602.492 | 3.230.576.484 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có các khoản cam kết phải trả đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

| | Tại ngày 31/12/2017 VND | Tại ngày 01/01/2017 VND |
|----------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Từ 1 năm trở xuống | 3.385.602.491 | 3.392.170.178 |
| Trên 1 năm đến 5 năm | 14.709.594.090 | 14.735.864.840 |
| Trên 5 năm | 103.061.089.095 | 106.881.699.193 |
| Cộng | 121.156.285.676 | 125.009.734.211 |

12. SỐ LIỆU SO SÁNH

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Bảng cân đối kế toán (Trích):

| | Tại ngày 01/01/2017 VND (Được báo cáo lại) | Tại ngày 01/01/2017 VND (Đã được báo cáo trước đây) |
|--|---|--|
| Tài sản cố định vô hình | 3.687.429.692 | 1.869.066.485 |
| Nguyên giá | 4.361.601.314 | 4.361.601.314 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | (674.171.622) | (2.492.534.829) |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 1.866.844.163 | 1.775.926.003 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 41.163.225.388 | 39.435.780.341 |
| LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước | 2.871.088.723 | 2.871.088.723 |
| LNST chưa phân phối kỳ này | 38.292.136.665 | 36.564.691.618 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Kết quả hoạt động kinh doanh (Trích):

| | Năm 2016 VND (Được báo cáo lại) | Năm 2016 VND (Đã được báo cáo trước đây) |
|--|--|---|
| Thu nhập khác | 4.562.695.502 | 2.744.332.295 |
| Lợi nhuận khác | 2.880.898.515 | 1.062.535.308 |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 71.438.180.662 | 69.619.817.455 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 3.723.901.102 | 3.632.982.942 |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 67.714.279.560 | 65.986.834.513 |
| Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu | 4.837 | 4.815 |

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Trích):

| | Năm 2016 VND (Được báo cáo lại) | Năm 2016 VND (Đã được báo cáo trước đây) |
|---|--|---|
| Lợi nhuận trước thuế | 71.438.180.662 | 69.619.817.455 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động | 119.210.353.741 | 117.391.990.534 |
| Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 46.969.792.076 | 48.788.155.283 |


Việc báo cáo lại số liệu so sánh trên là do điều chỉnh theo Thông báo kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016 của Kiểm toán Nhà nước ngày 20 tháng 09 năm 2017 liên quan đến điều chỉnh giảm hao mòn tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất với số tiền là 1.818.363.207 VND.


Riêng lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu được báo cáo lại, ngoài lý do trên, là bởi thay đổi số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của năm trước.


13. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.




Nguyễn Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc
Đồng Nai, ngày 05 tháng 03 năm 2018


Huỳnh Ngọc Tuấn
Kế toán trưởng


Vũ Thị Quỳnh Trang
Người lập